
LỜI GIỚI THIỆU

Quyển hồi ký này của tu sĩ Yogananda có một giá trị độc đáo vì nó là một trong những tác phẩm nói về các bậc thánh nhân, hiền triết Ấn Độ. Không phải nó được viết ra bởi một ký giả hay văn sĩ ngoại quốc, mà bởi một tác giả cùng một nòi giống và cùng một nền giáo dục tâm linh với những người mà ông mô tả. Nói tóm lại, đây là một quyển sách của một người Yogi viết về những người Yogi.

Dưới hình thức một truyện tường thuật của một nhân chứng tiết lộ cho chúng ta biết cuộc đời và các quyền năng lạ lùng của những bậc hiền giả của xứ Ấn Độ hiện nay, quyển sách này có một tầm quan trọng rất lớn vượt qua cả thời gian. Độc giả cũng sẽ có dịp thưởng thức những câu chuyện đầy thú vị về cuộc đời của tu sĩ Yogananda mà bản thân tôi từng có hân hạnh được gặp ở Ấn Độ và Hoa Kỳ. Tôi cũng tin là độc giả sẽ dành cho quyển sách này một sự phán đoán tương xứng với giá trị của nó, vì đây là một trong những tập tài liệu đã biểu lộ một cách hoàn toàn nhất tinh thần của người Ấn và phơi bày những kho tàng tâm linh quý báu của xứ Ấn Độ, một tài liệu chưa từng được công bố ở các nước Tây Phương và trên thế giới.

W. Y. EVANS WENTZ

Tiến sĩ Khoa học
Trường Đại học Jesus College, Oxford

CHƯƠNG I

THỜI NIÊN THIẾU

Tôi sinh ra ở *Gorakhpur*¹ thuộc miền Bắc Ấn Độ, trong một gia đình khá giả với cả thảy 8 người con. Ngoài tôi ra là 3 anh em trai và 4 chị em gái. Tôi là con thứ tư, với 1 người anh và 2 người chị. Tên cha mẹ đặt cho tôi từ thuở nhỏ là *Mukunda Lal Ghosh*. Ngày tôi sinh ra đã rơi vào những năm cuối của thế kỷ 19, và trong những năm đầu tiên của cuộc đời, tôi được sống yên ổn tại quê nhà.

Cha mẹ tôi đều sinh ra ở tỉnh *Bengal*. Các vị là những tấm gương sáng đạo đức không bao giờ phai mờ đối với tôi. Nhờ vậy, bầu không khí gia đình mà trong đó 8 người con chúng tôi lớn lên bao giờ cũng ấm êm và hòa thuận.

¹ Một thành phố thuộc Uttar Pradesh của Ấn Độ ngày nay, nằm ven sông Rāpti, một phụ lưu của sông Ghāghra. Đây là trạm trung chuyển chính yếu của ngành đường sắt, nằm trong một vùng đất màu mỡ phía đông Uttar Pradesh, và là trung tâm mua bán ngũ cốc, gỗ súc trong vùng này. Thành phố được thành lập từ khoảng thế kỷ 15, bị sụp đổ nặng nề bởi trận động đất năm 1934, và sau đó được xây dựng lại. Từ đó thành phố này đã phát triển mạnh mẽ thành một trung tâm sản xuất hàng dệt may và đường.

Cha tôi là một người tốt. Nhưng có lẽ cũng giống như nhiều người cha khác trên thế gian này, dưới mắt chúng tôi ông bao giờ cũng tỏ vẻ nghiêm khắc, cứng rắn. Dù thế, chúng tôi đều hết lòng thương yêu và kính trọng ông. Tên ông là *Bhagabati Charan Ghosh*, và là một trong những người sống theo toán học và lý luận, nghĩa là nghiêng về lý trí hơn cảm tính. Tuy vậy, từ ngày mẹ tôi qua đời, ông bắt đầu bộc lộ trọn vẹn tình thương yêu thắm thiết ông dành cho chúng tôi, mà có lẽ từ lâu ông đã cố đè nén chỉ giữ nó trong lòng. Khi ông nhìn chúng tôi, tôi thấy phảng phất trong đó nét triu mến mà mẹ tôi vẫn dành cho chúng tôi khi bà còn sống.

Hồi đó, cha tôi là phó chủ tịch của công ty đường sắt *Bengal Nagpur*, một trong những công ty lớn của Ấn Độ. Công việc này đòi hỏi gia đình chúng tôi phải di chuyển chỗ ở khá thường xuyên, và vì thế, thời niên thiếu của tôi đã trải qua nhiều thành phố khác nhau.

Mẹ tôi là một người phụ nữ tuyệt vời. (Và tôi vẫn thường tự hỏi, trên thế gian này có người mẹ nào là không tuyệt vời đối với con cái họ?) Bà chăm sóc chúng tôi chu đáo, vì bà không phải làm gì thêm cho vấn đề sinh kế của gia đình. Công việc của cha tôi đủ nuôi sống cả gia đình một cách khá đầy đủ. Bao giờ mẹ cũng tắm rửa sạch sẽ và mặc quần áo thơm tất

cho anh em chúng tôi vào mỗi buổi chiều khi đón cha về từ công sở. Bà làm như thế để tỏ lòng kính trọng cha tôi, mà cũng là biểu lộ tình thương yêu với chúng tôi nữa. Dĩ nhiên là cha tôi rất vui vì điều ấy.

Mẹ tôi luôn rộng lòng với những kẻ nghèo khó. Vấn đề là đôi khi bà vượt quá những khuôn thước, chuẩn mực mà cha tôi muốn cả gia đình phải tuân theo. Mặc dù mức thu nhập của cha tôi rất cao, nhưng ông không thích sống xa xỉ và chi tiêu tiền bạc bừa bãi. Ông muốn ngân sách gia đình được giữ theo một chuẩn mực điều độ và hợp lý. Có một lần, chỉ trong nửa tháng mẹ tôi đã chi ra cho việc giúp đỡ những người nghèo khó nhiều hơn cả số tiền cha tôi mang về trong một tháng. Cha tôi nói với bà:

– Tôi muốn bà hãy giới hạn việc bố thí, giúp đỡ trong một mức độ hợp lý.

Mẹ tôi là người rất nhạy cảm với mọi sự chỉ trích của cha tôi. Vì thế, bà không đáp lại gì, chỉ lẳng lặng mang hành lý đi ra cửa, gọi một chiếc xe ngựa và nói:

– Tôi về nhà mẹ tôi đây.

Phụ nữ Ấn Độ nói chung, chẳng riêng gì mẹ tôi, từ xưa nay vẫn thường hăm dọa chồng như thế mỗi khi gia đình có chuyện bất hòa. Nhưng chúng tôi chưa đủ

lớn để hiểu điều đó, và òa lên khóc nức nở. Vừa khi ấy thì cậu tôi đến. Ông kể tai cha tôi nói nhỏ một điều gì, mà sau này tôi mới hiểu đó hẳn là một lời khuyên sáng suốt đã từng được chứng nghiệm tính đúng đắn của nó qua nhiều thế kỷ. Cha tôi xin lỗi mẹ, và bà mang hành lý vào nhà, cho chiếc xe ngựa chạy về trống không. Và như thế là chấm dứt cuộc bất hòa duy nhất mà chúng tôi được chứng kiến giữa cha với mẹ.

Những lần sau này, sự việc đúng là diễn ra theo cách khác hơn. Có lần, mẹ tôi bảo cha tôi:

– Có người đàn bà tội nghiệp đang chờ tôi trước cửa. Bà ấy rất cần 10 đồng ru-bi. Ông hãy đưa cho tôi số tiền ấy.

Cha tôi phản đối nhẹ nhàng:

– Sao đến những 10 ru-bi! Bà có thể đưa cho bà ấy 1 ru-bi cũng đủ tỏ rõ lòng tốt của bà rồi kia mà.

Và cha tôi tiếp tục thuyết phục mẹ bằng cách kể lại những giai đoạn khó khăn trong đời mình. Có lúc, ông chỉ ăn bữa trưa bằng một quả chuối nhỏ, vậy mà ông vẫn theo đuổi việc học. Khi ông vào đại học, ông đã phải van nài một vị thẩm phán giàu có để xin món tiền trợ cấp hàng tháng là 1 ru-bi, nhưng ông này đã từ chối với lý do một khoản tiền như thế là quá nhiều.

Mẹ tôi chăm chú lắng nghe ông, và cuối cùng bà nhoẻn một nụ cười thật tươi với vẻ đắc thắng, bảo cha tôi rằng:

– Ông thấy chưa? Sự từ chối đó đã làm cho ông cay đắng biết bao nhiêu, nên ông đã ôm ấp nó mãi cho đến ngày nay. Thế mà ông còn muốn lặp lại sự việc như thế với người đàn bà tội nghiệp này sao? Để rồi bao nhiêu năm nữa bà ta cũng sẽ không sao quên được ngày này hay sao?

Cha tôi bật cười xòa trước lập luận hết sức thực tế của mẹ tôi. Ông nói:

– Vâng, bà đã nói đúng. Và đây là 10 ru-bi, hãy đưa cho người đàn bà ấy cùng với lời chúc phúc của tôi.

Anh em chúng tôi được nuôi dạy trong khuôn khổ lễ giáo chặt chẽ của gia đình. Cha tôi áp dụng những kỷ luật nghiêm khắc đối với chúng tôi, và chính ông cũng nêu gương một đời sống biết tự chế và khắc khổ. Ông không bao giờ đi xem hát. Ông dành thời gian rỗi rảnh cho việc tu dưỡng công phu và đọc thánh kinh *Bhagavad*. Mặc dù không hề thiếu thốn về tiền bạc, ông không chấp nhận bất cứ sự xa xỉ, hoang phí nào. Ông mang những đôi giày cho đến khi chúng không thể nào sử dụng được nữa rồi mới bỏ đi. Khi xe hơi trở nên phổ biến với các gia đình

giàu có ở Ấn Độ, anh em chúng tôi đều có, nhưng cha tôi thì vẫn đi bộ mỗi sáng đến trạm xe buýt và đi xe buýt đến sở làm.

Cha tôi chưa bao giờ bị lôi cuốn vào những ham mê vật chất. Sau khi ông góp sức thành lập được ngân hàng thành phố ở *Calcutta*, ông từ chối không nhận phần chia lãi của mình, và nói rằng đó chỉ là việc làm trong bổn phận. Khi cha tôi đã về hưu được khoảng 2 năm, có một nhân viên kiểm toán người Anh đến kiểm tra sổ sách của công ty ông. Người này kinh ngạc khi thấy rằng cha tôi vẫn chưa nhận phần chia lãi thuộc về ông. Sau khi xem xét tất cả sổ sách của công ty, ông ta kết luận là cha tôi đã làm được những phần việc bằng với 3 người khác, và công ty buộc phải trả cho cha tôi một khoản tiền là 125.000 ru-bi – một khoản tiền kéch sù vào thời điểm đó!

Công ty tuân thủ quyết định ấy và gửi cho cha tôi tám ngân phiếu chi trả đủ số tiền trên. Nó được chuyển vào tài khoản của cha tôi ở ngân hàng, nhưng ông dường như không quan tâm mấy đến việc này và chưa từng một lần nhắc đến. Mãi về sau này, em trai tôi là *Bishnu* phát hiện thấy một số tiền lớn trong tài khoản của ông ở ngân hàng, mới mang sự việc ra hỏi ông và nhờ đó mà chúng tôi được biết. Khi ấy, cha tôi bảo chúng tôi:

– Tại sao người ta phải quan tâm nhiều đến của cải, vật chất? Người đi theo con đường sáng tâm linh không vui mừng vì được lợi lộc, và cũng không đau buồn khi bị thua lỗ, mất mát. Người ấy hiểu được một sự thật mà lẽ ra ai ai cũng phải hiểu, đó là con người sinh ra không có gì cả và chết đi cũng chẳng mang theo được gì.

Cha mẹ tôi đã quy y với thầy *Lahiri Mahāsaya* ở thành *Bénarès* chỉ ít lâu sau đám cưới hai người. Và tính cách khắc khổ tự nhiên của cha tôi càng tăng thêm hơn nữa sau sự kiện này. Mẹ tôi đã có lần tâm sự với chị *Uma* của tôi rằng:

– Cha con và mẹ chỉ gần nhau mỗi năm một lần, với mục đích duy nhất là để có con.

Việc cha tôi đến với thầy *Lahiri Mahāsaya* ở *Bénarès* là nhờ nơi chú *Abinash Babu*, một nhân viên thuộc quyền cha tôi, làm ở trạm *Gorakhpur*. Về sau, chú vẫn thường kể cho tôi nghe nhiều điều kỳ diệu về cuộc đời của các bậc thầy chứng ngộ trên toàn xứ Ấn, và cho rằng trong số đó thì thầy *Lahiri Mahāsaya* ở *Bénarès* là cao cả hơn hết.

Một ngày đẹp trời vào mùa hè, khi chúng tôi ngồi chơi trước hiên nhà, chú *Abinash Babu* chợt hỏi tôi:

– Cháu có muốn biết về trường hợp kỳ diệu đã xui khiến ba cháu đến quy y với thầy *Lahiri Mahāsaya* ở *Bénarès* hay không?

Tất nhiên là tôi rất tò mò muốn biết, và tôi biểu lộ điều đó bằng cặp mắt mở to tròn xoe nhìn chú. Chú bắt đầu kể cho tôi nghe:

– Hồi đó cháu còn chưa ra đời. Ba cháu lúc bấy giờ là trưởng phòng ở trạm *Gorakhpur*. Có một lần tôi xin phép được nghỉ một tuần để đến thăm thầy *Lahiri Mahāsaya* ở *Bénarès*, là vị tôn sư của tôi. Khi ấy, ba cháu bảo tôi rằng: “Nếu chú muốn tiến thân trên đường sự nghiệp, hãy siêng năng làm việc hơn nữa và quên những chuyện cuồng tín vợ vẩn ấy đi.” Ngày ấy, tôi rất buồn. Sau giờ làm việc, tôi theo một lối đi nhỏ trở về nhà và gặp ba cháu cũng đi kiệu về cùng đường. Ông cho những người phu khiêng kiệu trở lại, và xuống kiệu đi bộ cùng tôi. Ông biết tôi đang buồn và muốn lựa lời an ủi. Ba cháu vẫn là một người luôn đối xử tốt với nhân viên như thế đó. Tuy nhiên, những lời an ủi của ông lúc bấy giờ chẳng lọt vào tai tôi, vì tâm trí tôi đang mãi nghĩ đến vị tôn sư của mình là thầy *Lahiri Mahāsaya* ở *Bénarès*. Chúng tôi cùng đi qua một cánh đồng vắng lặng với ánh nắng chiều chưa tắt hẳn đang chiếu vàng trên từng ngọn cỏ. Không ai bảo ai, tự nhiên chúng tôi cùng dừng chân đứng lặng ngắm cảnh hoàng hôn

tuyệt đẹp đang trải dài trên đồng cỏ. Ngay lúc ấy, cách chúng tôi không đầy mười thước, bỗng thành linh xuất hiện thầy *Lahiri Mahāsaya*. Thầy cất giọng ôn hòa từ tốn nói với cha cháu rằng: “*Bhagabati*, sao con quá khất khe với nhân viên của mình đến thế?” Giọng nói của ngài tuy không lớn lắm, nhưng có gì đó rất khác thường và như vang rền ra khắp chốn. Chúng tôi đứng lạng cả người không kịp tỏ ra bất cứ một phản ứng gì. Và ngay khi ấy thì ngài biến mất. Cha cháu còn chưa hiểu gì, trong khi chú quỳ sụp xuống trên bờ cỏ và chấp tay gọi lớn: “Thầy *Lahiri Mahāsaya*, thầy *Lahiri Mahāsaya* tôn kính của con!” Khi ấy, cha cháu mới biết người vừa hiện ra một cách kỳ diệu trước mặt ông chính là vị thầy tôn kính mà tôi đang mong muốn được đến viếng thăm.

Chú *Abinash* dừng một chút, như để nhớ lại giây phút bàng hoàng, kỳ diệu mà một đời người không dễ có mấy lần được trải qua. Rồi chú chậm rãi kể tiếp:

– Sau khi cha cháu đã bình tĩnh trở lại, ông bảo tôi: “Này *Abinash*, chú sẽ được nghỉ phép theo như yêu cầu. Và chính tôi cũng sẽ nghỉ phép để cùng đi với chú. Tôi rất muốn được về nương tựa với bậc thầy tôn kính ấy, và tôi cũng muốn mang cả vợ tôi theo nữa. Tôi mong muốn được chú giới thiệu với thầy để ngài thu nhận chúng tôi làm đệ tử.”

Khi ấy, không chỉ ba cháu là chịu tác động mạnh mẽ từ sự hiện thân của thầy *Lahiri Mahāsayā*. Chính tôi cũng thấy tâm linh mình ngập tràn niềm vui sướng và đức tin. Những suy nghĩ, mong muốn của tôi đã được đức tôn sư cảm nhận vượt qua không gian xa xôi, và ngài đã đáp lại lời cầu xin của tôi bằng một cách mà tôi không bao giờ ngờ đến.

Không hiểu sao, tôi cảm thấy có gì đó rất gần gũi trong chuyện kể của chú *Abinash*. Phải chăng những việc như thế này cũng đã từng xảy ra vào một lúc nào đó với tôi từ lâu xa trong tiềm thức? Tôi nôn nóng được nghe chú kể tiếp:

– Hôm sau, chúng tôi đáp chuyến xe lửa chiều, đến *Bénarès*. Tại đây, chúng tôi nghỉ lại một đêm, và qua hôm sau phải vất vả qua nhiều chặng đường gian khó, có lúc đi ngựa, có lúc đi bộ, mới đến được nơi tịnh thất vắng vẻ của thầy *Lahiri Mahāsayā*. Khi chúng tôi bước vào sảnh đường để chào ngài, ngài vẫn còn đang ngồi trong tư thế kiệt già như lúc thiên định. Ngài nhìn thẳng vào mắt cha cháu và nói: “*Bhagabati*, sao con quá khát khe với nhân viên của mình đến thế? Ta rất vui khi thấy con đã đồng ý cho *Abinash* đến đây, và cũng rất vui khi có vợ chồng con cùng đi.” Cha cháu đã lặng người đi một lúc. Ông đã nghe lại chính xác những lời mà đức tôn sư đã nói

với chúng tôi trên cánh đồng. Rõ ràng là với ngài, khoảng cách không gian có vẻ như không là gì cả!

Chú *Abinash* dừng một chút rồi chậm rãi tiếp:

– Ngay trong lần gặp gỡ ấy, cha mẹ cháu xin quy y và học phép tọa thiền với thầy *Lahiri Mahāsaya*. Và cũng từ đó, ba cháu và tôi trở nên thân thiết như anh em một nhà, vì chúng tôi đã cùng nhau theo đuổi một lý tưởng tâm linh giống nhau. Tôi còn nhớ, thầy *Lahiri Mahāsaya* đã rất chú ý đến cháu ngay từ khi cháu vừa mới sinh ra. Chú tin là đời cháu về sau sẽ có nhiều quan hệ với ngài.

Tuy nhiên, tôi không có đủ may mắn để trực tiếp học đạo với thầy *Lahiri Mahāsaya* ở *Bénarès*, vì không bao lâu sau khi tôi chào đời thì thầy đã rời bỏ thế giới này. Điều gắn bó giữa tôi với thầy từ thuở bé là một bức chân dung thầy để lại, và hoàn cảnh ra đời của bức ảnh chân dung này cũng thật kỳ bí không thua kém bất cứ câu chuyện kỳ bí nào về các bậc minh sư đã chứng ngộ.

Bức chân dung được lồng trong một khung gỗ chạm trổ rất đẹp, đặt nghiêm trang trên bàn thờ của gia đình tôi, và được chúng tôi mang theo đến bất cứ thành phố nào mà chúng tôi chuyển đến. Mẹ tôi dâng hương hoa và lễ bái trước di ảnh của thầy mỗi ngày hai lần sáng chiều đều đặn, với một sự thành

khẩn đã tác động không ít đến tâm hồn thuần thành và ngây thơ bé bỏng của tôi.

Càng lớn tôi càng nhận ra là bậc chân dung thầy có một ảnh hưởng kỳ diệu đối với tôi. Càng ngày, tôi càng nghĩ nhiều về thầy, thậm chí đến cả trong giấc ngủ. Cha tôi dạy cho chúng tôi biết ngồi thiền từ thuở nhỏ, và trong những lần thiền định của tôi, có nhiều khi tôi cảm nhận thầy như một người sống đang tồn tại trước mắt tôi, không chỉ là một khuôn hình vô tri giác. Và tôi lấy làm lạ khi ra khỏi thiền định lại thấy ngài chỉ còn là một bức ảnh trong khung gỗ. Tuy nhiên, dần dần tôi có thể cảm nhận được sự hiện hữu của ngài mọi lúc, và tôi thường cầu nguyện trước di ảnh mỗi khi tôi thấy mình yếu ớt về tinh thần, hoặc gặp phải một khó khăn trở ngại nào cần phải vượt qua.

Xứ Ấn Độ từ ngàn xưa đã từng nổi tiếng với những bậc minh sư ẩn mình trên rặng Hy Mã Lạp Sơn hùng vĩ. Như một truyền thống nối tiếp qua bao đời, những chuyến đi gian nan để tìm sư học đạo trên vùng núi rừng hoang vắng, có khi sơ suất phải bỏ mình, hoàn toàn không phải là điều gì xa lạ đối với người dân Ấn. Và chính những thế hệ truyền nối nhau theo cách này đã giữ gìn cho Ấn Độ một nền văn hóa cao cả đặc thù mà không đâu khác trên thế giới này có được. Nền văn hóa đó được gây dựng trên nền tảng

của sự chứng nghiệm tâm linh, thay vì là bằng vào những công thức khoa học do lý trí con người sản sinh ra. Và kỳ diệu thay, những chứng nghiệm tâm linh này được tiếp nối không qua một sự truyền dạy trực tiếp nào, mà là thành quả đạt được bằng vào những cố gắng tự thân của mỗi người học đạo, với vị thầy chỉ đóng vai như một người dẫn dắt, chỉ đường.

Khi tôi nhớ lại những ký ức mơ hồ từ thời thơ ấu, tôi dường như cảm thấy phảng phất đâu đó hình bóng của những cảnh núi rừng hoang vu lạnh giá. Tôi như mơ hồ thấy mình đã từng sống ở đâu đó trên rặng núi Tuyết ngàn đời hùng vĩ của xứ Ấn, với những khát vọng mà ở tuổi thiếu niên tôi không thể hiểu được là gì, nhưng vẫn âm ỉ và cháy bỏng trong tôi mỗi khi có điều gì gợi đến. Và việc chiêm ngưỡng bức chân dung mâu nhiệm của thầy *Lahiri Mahāsaya* dần dần trở thành một trong những sợi dây nối kết tôi với ký ức xa xăm mờ nhạt của chính mình.

Thầy *Lahiri Mahāsaya* bình sinh không cho phép ai chụp ảnh ngài. Tuy nhiên, việc ngài có quá nhiều đệ tử đã làm cho không ít kẻ chú ý đến, và họ rất muốn có những bức ảnh của ngài. Mặc dù đó cũng là một ý tốt, để người ta có thể chiêm ngưỡng và nhớ đến những khi không được có mặt bên ngài. Nhưng chưa có ai đã từng làm được điều đó. Người ta chụp rất nhiều những bức ảnh ngài ngồi giữa các đệ tử vây quanh, để rồi vô cùng kinh ngạc khi nhìn vào

ảnh và chỉ thấy chỗ ngồi của ngài trông không như không có ai đã từng ngồi nơi ấy. Và điều này đã gợi lên rất nhiều lời bàn tán xôn xao về những điều kỳ diệu khác nữa xoay quanh cuộc sống của ngài.

Ngày kia, một đệ tử của ngài là *Ganga Dhar Babu*, cũng là một nhà nhiếp ảnh có tài, quyết tâm chụp cho bằng được một bức chân dung của ngài. Vào buổi sáng, khi thầy *Lahiri Mahāsaya* đang ngồi thiền trên một chiếc ghế dài, phía sau là một tấm bình phong, ông này bất thần xuất hiện với máy ảnh trên tay và chụp luôn một loạt đến 12 kiểu ảnh. Than ôi, khi ông ta hăm hở rửa hình ra, thì chỉ thấy có chiếc ghế trống không và tấm bình phong phía sau, ngoài ra không còn gì khác. Kinh sợ và xấu hổ vì việc cãi lời thầy của ông đã không mang lại kết quả gì, ông liền tìm đến quý trước tôn sư để xin sám hối. Ngài từ tốn bảo ông:

– Con đã đến đây với ta để cầu tìm một tinh thần giác ngộ. Con có thể nào chụp ảnh cái tinh thần giác ngộ ấy được sao?

– Bạch thầy, con đã biết là không thể được. Nhưng mong thầy từ bi cho chúng con một di ảnh thân xác phàm tục mà người đang sử dụng.

Thầy *Lahiri Mahāsaya* cười hiền hòa và nói:

– Thôi được, như vậy con hãy trở lại đây vào sáng ngày mai, ta sẽ cho con chụp một bức ảnh.

Và như vậy là bức chân dung duy nhất của thầy *Lahiri Mahāsaya* ở Bénarès được ra đời. Từ đó về sau không ai chụp được bất cứ một tấm ảnh nào khác của ngài nữa.

Năm tôi lên tám tuổi, một chuyện kỳ diệu đã xảy ra khiến cho từ đó về sau tôi càng thêm gắn bó với bức di ảnh của thầy *Lahiri Mahāsaya*.

Vào năm ấy, tôi mắc phải một chứng bệnh hiểm nghèo mà các thầy thuốc đều đã lắc đầu bó tay, không sao chữa khỏi. Tôi nằm liệt giường, chỉ còn cử động được hai tròng mắt chờ đợi để biểu lộ là mình còn sống. Mẹ tôi mang bức chân dung thầy *Lahiri Mahāsaya* treo trên tường, nơi chỗ tầm mắt tôi nhìn đến. Mẹ ngồi bên giường tôi và bảo:

– Con hãy quỳ gối trước mặt ngài trong tư tưởng của con, và chiêm ngưỡng ngài với tất cả lòng thành. Ngài sẽ cứu con thoát khỏi bệnh tật.

Niềm tin nơi đấng tôn sư và tình mẫu tử sâu đậm đã khiến cho mẹ tôi xác quyết được điều ấy. Người tin tưởng chắc chắn không chút nghi ngờ gì về những lời người đã nói với tôi. Và niềm tin ấy như truyền thêm một sức mạnh kỳ lạ vào tư tưởng vốn đã yếu ớt đi vì bệnh hoạn của tôi. Tôi nhìn lên bức chân dung và để hết tâm trí vào việc chiêm ngưỡng, cầu nguyện. Đột nhiên, một vầng ánh sáng rạng ngời tỏa ra, bao

phủ lấy tôi và lan tỏa khắp căn phòng. Cảm giác uest oải, mệt nhọc vì bệnh tật trong người tôi cũng bắt chợt tiêu tan không còn nữa. Tôi nghiêng mình nắm lấy bàn tay mẹ tôi để tỏ cho người biết là tôi đã được cứu thoát khỏi căn bệnh nguy kịch nhờ nơi đức tin không lay chuyển của người. Tôi biết là mẹ tôi cũng cảm nhận được ánh sáng kỳ diệu tỏa ra vào lúc đó, vì tôi thấy người quỳ xuống, chắp hai tay và khẩn nguyện thành lời:

– Lạy đức tôn sư cao cả, con xin tạ ơn ngài đã ban ân huệ cứu sống con của con.

Và từ sau lần vượt qua căn bệnh hiểm nghèo đó, dường như số phận cuộc đời tôi đã được định đoạt, bởi vì không một tài sản thế gian nào còn có ý nghĩa đối với tôi. Tôi đã xác định mình sẽ đi theo con đường soi sáng tâm linh, và dù sớm hay muộn, tôi vẫn chắc chắn mình sẽ trở thành một tu sĩ.

Sau khi tôi đã hồi phục sức khỏe, tôi càng thấy sùng kính bức chân dung thầy *Lahiri Mahāsayā* như chính những gì tôi được nghe kể về cuộc đời của ngài. Việc tôi thoát chết một cách kỳ diệu cũng làm cho các thầy thuốc của gia đình tôi vô cùng kinh ngạc. Nhưng ngoài điều đó ra, nó còn để lại cho tôi những thứ khác đáng nói hơn nhiều.

Từ sau lần ấy, mỗi khi tôi chiêm ngưỡng bức chân dung, tôi hoàn toàn tin tưởng là tôi đang chiêm ngưỡng chính thầy *Lahiri Mahāsaya*, mà không một trở lực không gian hoặc thời gian nào còn có thể ngăn cách được giữa ngài và tôi. Tôi thường cảm nhận được ánh hào quang rạng ngời tỏa ra và bao quanh tôi trong những lần tôi tọa thiền và suy nghĩ đến ngài. Lâu dần, trong vùng hào quang ấy, có khi tôi nhìn thấy hình ảnh của nhiều vị tu sĩ mà có vẻ như tôi đã từng quen biết. Các ngài đều xuất hiện lặng lẽ trong tư thế thiền định, và khi nhìn thấy các ngài, tôi nghe như tự trong tiềm thức mình dấy lên một khát vọng không sao kiềm chế được: niềm khao khát muốn dâng hiến trọn cuộc đời mình cho việc tầm sư học đạo!

Sau mỗi cơn thiền định đạt đến những hình ảnh kỳ diệu ấy, tôi thấy trong lòng khoan khoái và tràn đầy một niềm vui khó tả. Những khi ấy, tôi thấy cuộc đời mình tràn ngập hạnh phúc, an lạc vô biên, và tưởng chừng như không một tai ương, trở ngại nào có thể làm cho tôi nhủ lòng thoái chí được.

Đời sống tâm linh khởi đầu rất sớm của tôi còn được ghi dấu bằng một kỷ niệm rất khó quên, bởi vì nó còn để lại một vết sẹo trên cánh tay tôi.

Buổi sáng hôm ấy, tôi và chị *Uma* cùng ngồi chơi dưới một tán cây sung rất to, với những con kết đậu

trên cành cây mổ vào những trái sung chín đỏ và kêu inh tai. Chị *Uma* rên rĩ vì một mụn nhọt ở dưới chân, và dùng thuốc xoa bóp vào chỗ đau. Tôi đến bên chị và cũng lấy một chút thuốc xoa vào cánh tay mình. Chị tôi cười hỏi:

– Em không bị mụn nhọt, xoa thuốc vào làm chi?

Tôi cũng cười và nói một cách đùa cợt:

– Rồi ngày mai em sẽ có một mụn nhọt trên tay này đấy.

Chị tôi bỗng nổi cáu một cách bất ngờ và mắng tôi:

– Đồ nói láo!

Tôi thấy lòng tự ái bị chạm vào, liền nghiêm nét mặt trả lời:

– Vẫn còn chưa đến ngày mai, chị không được quyền mắng em như vậy. Rồi sáng ngày mai chị sẽ thấy mọi việc đúng như lời em nói.

Chị *Uma* càng thêm bực dọc và mắng tôi bằng những lời nặng nề hơn. Không hiểu sao lúc đó tôi cũng không kiềm được một cơn giận dữ kịch liệt, và buột miệng nói ra những lời đanh thép, chắc chắn như không thể nào sai khác được:

– Ngày chị *Uma*, vì đây là mong muốn của tôi, chị hãy nghe cho rõ đây. Trước buổi sáng ngày mai, trên cánh tay này của tôi sẽ có một mụn nhọt, và mụn nhọt của chị sẽ lớn lên gấp đôi.

Lẽ tất nhiên, chị *Uma* không thềm đếm xỉa gì đến lời nói ấy, và giận dữ bỏ đi.

Cho đến sáng hôm sau, trên cánh tay tôi quả thật mọc lên một mụn nhọt, và mụn nhọt của chị *Uma* thì sưng tấy lên thật dễ sợ. Nhưng chị *Uma* không sợ hãi vì cái mụn nhọt mà là vì sự ứng nghiệm dị thường của lời tuyên bố như một sự nguyên rủa của tôi. Chị run rẩy chạy đi tìm mẹ tôi và nói:

– Mẹ ơi! Em *Mukunda* hóa thành phù thủy rồi!

Và chị kể cho mẹ nghe chuyện của chúng tôi hôm qua. Mẹ tôi không tỏ vẻ ngạc nhiên. Dường như bà tin và hiểu được điều đó. Bà nghiêm khắc nói với tôi:

– *Mukunda*, con không được dùng ý chí của mình để nghĩ đến hoặc mong ước những chuyện chẳng lành.

Tôi rất hối hận và ghi nhớ lời dạy của mẹ từ đó cho đến mãi mãi về sau. Cái mụn nhọt của tôi sau đó phải đi mổ và để lại một vết sẹo trên tay tôi như một lời nhắc nhở điều không hay mà tôi đã mắc phải. Và phải lâu lắm sau này tôi mới hiểu được rằng những chú thuật được đọc lên với sự tập trung ý chí cao độ có thể có những quyền năng mạnh mẽ mà người ta không sao lường hết được. Và người ta cũng có thể

vận dụng những quyền năng ấy như một sức mạnh chính đáng để giúp mình vượt qua những khó khăn trong cuộc đời.

Thời gian sau, gia đình tôi chuyển đến ở *Lahore*, thuộc tỉnh *Punjab*. Cha tôi cho đặt một trang thờ nhỏ ngoài hiên nhà ở tầng trên để thờ đức Phật bà Quán Âm.¹ Không hiểu sao, tôi có một niềm tin chắc chắn rằng đứng trước bàn thờ nhỏ này, mọi điều cầu nguyện của tôi đều sẽ được ứng nghiệm.

Một hôm, tôi và chị *Uma* cùng đứng chơi trước hiên nhà ở tầng trên. Chúng tôi nhìn xuống thấy có hai con diều giấy của ai đó thả chơi đang vờn bay trên mái nhà ở phía bên kia đường. Chị *Uma* nhìn vẻ mặt suy tư của tôi và nói đùa:

– Hôm nay trông em có vẻ giống như một nhà hiền triết. Em đang nghĩ gì thế?

Tôi đáp lời chị, đôi mắt vẫn đắm chiều nhìn vào khoảng không xa xăm:

– Em đang nghĩ đến tấm lòng bao dung vô hạn của đức Phật bà Quán Âm. Ngài lắng nghe và đáp ứng mọi lời cầu nguyện của chúng sinh.

Chị tôi không hiểu vấn đề một cách nghiêm chỉnh như tôi, nên nói với giọng đùa cợt:

¹ Tức là Bồ Tát Quán Thế Âm, tên Phạn ngữ là Avalokitesvara.

– Không hiểu ngài có tốt bụng đến mức có thể ban cho em con điều giấy kia không nhỉ?

– Tại sao lại không chứ?

Và tôi bắt đầu câu nguyện Phật bà Quán Âm hãy mang con điều giấy kia đến cho tôi.

Ở Ấn Độ, thả điều giấy là một trò chơi được ưa thích. Những người chơi điều được quyền tìm cách cắt đứt dây điều của người khác như một phần hào hứng của cuộc chơi. Khi con điều đứt dây, một cuộc rượt đuổi sôi nổi sẽ diễn ra, vì nó sẽ thuộc về bất cứ ai nhặt được khi rơi xuống. Chúng tôi đang đứng trên bao lơn của tầng trên nhà, nên dĩ nhiên là không thể tham gia cuộc rượt đuổi như những người khác đang ở dưới đường phố.

Những người chơi điều ở dưới kia đã bắt đầu cuộc chơi. Chỉ trong chốc lát, một trong 2 con điều đã bị cắt đứt dây và lảo đảo trên khoảng không. Khi con điều lượn ngang gần chỗ tôi đứng, gió bỗng nhiên ngừng thổi trong một lúc, và cánh điều rơi thẳng xuống. Sợi dây bị đứt của nó vướng quanh một cây xương rồng trên sân thượng của nhà bên cạnh, và nó bị giữ lại không bay tới được nữa, đảo nhẹ một vòng rồi rơi xuống ngay trước mặt tôi. Tôi đưa tay nắm lấy sợi dây, giật nhẹ cho nó đứt khỏi cây xương rồng, và cầm lấy con điều đưa cho chị *Uma*. Chị nói một cách ương ngạnh:

– Chỉ là một sự tình cờ thôi. Nếu lời cầu nguyện của em có thể lấy được cả con điều còn lại kia nữa thì chị mới tin.

Tuy chị nói vậy, nhưng ánh mắt chị lộ rõ sự ngạc nhiên và tôi biết là lòng chị không nghĩ thế. Tôi tiếp tục cầu nguyện với Phật bà Quán Âm để ngài ban cho tôi con điều còn lại, với một niềm tin chắc chắn là điều ấy sẽ được ngài đáp ứng. Một lát sau, con điều lại bị một người chơi cắt đứt dây. Khi nó đảo lộn trên không, tôi cảm nhận được ánh mắt hồi hộp của chị *Uma* dán chặt vào nó. Và kỳ lạ thay, nó gần như đi theo đúng lộ trình của con điều ban nãy, cũng quần quanh nhánh xương rồng và rơi xuống trước mặt tôi. Tôi lại giật đứt sợi dây và đưa nó cho chị *Uma*. Chị lẩm bẩm như không còn biết có tôi đang đứng đó, cặp mắt chị nhìn chăm chăm vào pho tượng Phật bà Quán Âm trên trang thờ nhỏ:

– Lạ thật, lạ thật. Đức Phật bà đã nghe và đáp ứng lời cầu nguyện của em. Chị không thể hiểu nổi chuyện này.

Và chị hồi hải chạy đi như để tránh né sự thật mà chị không sao hiểu nổi ấy!

CHƯƠNG II

MÓN LINH PHÙ

Sau ba năm làm việc tại *Lahore*, cha tôi thuyền chuyển về *Bareilly*, thuộc miền Bắc Ấn. Khi ấy, mẹ tôi đang ở tại *Calcutta* để lo chuẩn bị việc hôn lễ cho anh cả tôi là *Ananta*.

Việc lập gia đình của anh cả tôi là điều mong ước lớn nhất của mẹ. Và đây cũng là điều rất tự nhiên đối với mọi phụ nữ Ấn Độ, luôn mong mọi việc nối tiếp dòng tộc gia đình được đảm bảo.

Vào thời điểm ấy, tôi đã từng được chứng kiến hai cuộc hôn lễ tưng bừng, rực rỡ của hai chị tôi là *Roma* và *Uma*. Nhưng anh *Ananta* là con trai, và là con cả trong nhà, nên mọi việc sẽ được chuẩn bị rất linh đình và long trọng.

Gia đình tôi khi ấy vừa mua thêm được một căn nhà rộng rãi và đầy đủ tiện nghi ở số 50 đường *Amherst*. Mẹ tôi mời những vị khách từ xa đến và sắp xếp cho họ trú ngụ tại đây trong thời gian chờ cử hành hôn lễ. Mặt khác, mẹ cũng đã lo đủ mọi việc

cần thiết cho đám cưới: thức ăn đầy đủ và đều thuộc loại thượng hảo hạng, kiệu cưới lót bằng vải lụa thêu, trên đó anh tôi sẽ được ngồi lên và đưa đi một cách long trọng đến nhà cô dâu, rất nhiều đèn lồng có phết giấy màu sắc sỡ, những con lạc đà và voi bằng giấy nhồi cứng thật đẹp... Có cả các ban nhạc Ấn Độ và ban nhạc phương Tây, những chú hề giúp vui, những tăng sĩ để cử hành các nghi lễ tôn giáo theo truyền thống...

Cha tôi và tôi là những người duy nhất còn ở *Bareilly* chưa đến nơi cử hành lễ cưới. Và chúng tôi cũng đã sắp xếp để chuẩn bị lên đường. Tuy nhiên, còn cách ngày đi mấy hôm thì tôi được báo trước một sự chẳng lành bằng vào linh cảm lạ thường của mình.

Vào lúc nửa đêm, tôi đang ngủ gật giường của cha tôi thì nghe có tiếng động rất khẽ, vừa đủ để làm tôi thức giấc. Cửa mừng rung nhẹ rồi được vén lên và tôi nhìn thấy mẹ tôi. Người nói với tôi bằng giọng rất khẽ:

– Gọi cha con dậy, và hãy đi chuyến xe lửa đầu tiên lúc 4 giờ sáng nếu còn muốn nhìn mặt mẹ lần cuối...

Rồi hình ảnh mẹ tôi như hơi rung lên và biến mất.

Tôi vùng dậy, nhảy xuống giường và hét lên:

– Cha ơi, cha ơi! Mẹ con đang hấp hối.

Cha tôi thức giấc vì tiếng hét của tôi. Người võ về trấn an nỗi sợ của tôi bằng những lời thật êm dịu, nhưng tôi biết lòng người cũng đang run rẩy lo lắng không kém gì tôi:

– Con ơi, mẹ con vẫn đang khỏe mạnh kia mà. Đó chỉ là ảo ảnh trong giấc mơ mà thôi. Nếu như hôm nay có tin tức gì, ngày mai chúng ta sẽ lên đường.

Sáng hôm sau, chúng tôi nhận được bức điện từ *Calcutta*: “Mẹ đau nặng. Đám cưới tạm hoãn lại. Hãy đến ngay.”

Chúng tôi lên đường ngay. Trên đường đi, chúng tôi gặp người cậu tôi khi xe lửa dừng ở một nhà ga lớn. Tâm trạng tôi lúc ấy ngập tràn sự đau khổ. Linh tính cho tôi biết chắc rằng tôi đã không còn mẹ nữa. Mẹ là người duy nhất trên đời này có thể hiểu thấu lòng tôi. Đôi mắt mẹ là nguồn an ủi vô biên những khi tôi đau buồn, nhưng lúc này đây, khi tôi đau khổ đến mức chưa từng có trong cuộc đời thì đôi mắt ấy sẽ không còn nhìn tôi được nữa! Tình thương của mẹ đã ôm ấp tôi trong suốt thời thơ ấu, giờ đây đã bỏ rơi tôi lại giữa cuộc đời khi tôi chưa tìm được một chỗ nương tựa nào khác. Tôi cảm thấy hoàn toàn tuyệt vọng. Cậu tôi lên tiếng hỏi cha tôi:

- Chị còn sống chẳng?
- Tất nhiên là nhà tôi vẫn còn sống.

Tôi thì hoàn toàn không tin vào lời nói quả quyết của cha tôi. Và cậu tôi như đọc được ý nghĩ ấy của tôi qua ánh mắt.

Và chúng tôi đến *Calcutta* chỉ vừa vãn để chứng kiến cái chết của mẹ tôi. Ngay khi ấy, sự sống đối với tôi dường như không còn một chút ý nghĩa nào. Sự đau buồn xâm chiếm cả tâm hồn tôi, và thậm chí phải mất nhiều năm sau nữa tôi mới có thể lấy lại được tâm trạng cân bằng của một cuộc sống bình thường như trước đó.

Trong những ngày ngay sau đó, tôi sống trong một tâm trạng tột cùng của sự đau khổ. Và trong lúc tưởng như hoàn toàn tuyệt vọng ấy, tôi chợt thấy mình cần phải quay về nương tựa nơi đức tin mà chính mẹ tôi là người trước đây đã từng vun đắp cho tôi. Trong một giấc mơ giữa những ngày đau đớn này, tôi nghe thấy tiếng an ủi của mẹ như vọng về từ một cõi xa xăm vô định:

– Này con yêu, chính ta đã săn sóc, nuôi dưỡng con từ đời này sang đời khác, đã dành cho con tình thương qua hiện thân của vô số những người mẹ đã từng sinh ra và nuôi nấng con trên thế gian này. Ta

sẽ không hề mất đi vĩnh viễn như con tưởng. Con sẽ nhìn thấy ta trong ánh mắt dịu hiền của muôn ngàn người mẹ khác vẫn đang âm thầm nuôi nấng con cái họ.

Sau lễ hỏa táng mẹ, tôi và cha tôi trở lại *Bareilly*. Từ đó, mỗi buổi sáng tôi đều dậy sớm, ra trước nhà và đến dưới tán cây *sheoli* rất to có đầy hoa trắng. Tôi đứng đó, chiêm ngưỡng vẻ đẹp tự nhiên của những cành hoa *sheoli* trắng tinh, trên nền cỏ xanh tươi còn ướt đẫm sương sớm. Trước khi ánh mặt trời rạng chiếu, tôi thường nhìn thấy một thứ ánh sáng huyền diệu khác tỏa lan trong vùng. Cảnh vật yên tĩnh và tràn đầy sức sống sau một đêm yên giấc. Và lòng tôi trong những lúc ấy cũng tràn dâng một thứ nhựa sống mãnh liệt, một sự khao khát cầu tìm chân lý, như thúc giục tôi lên đường tìm đến rặng núi Hy Mã Lạp Sơn hùng vĩ đầy tuyết phủ mà giờ đây đã quá quen thuộc với tôi trong những giấc mơ dài.

Một lần, có người anh họ của tôi vừa đi du lịch trên dãy núi Hy Mã Lạp Sơn trở về. Anh đến chơi và kể cho chúng tôi nghe về những núi non trùng điệp, những hang động kỳ bí mà anh đã có dịp thăm qua, cùng với những vị ẩn tu hầu như không muốn tiếp xúc với bất cứ ai... Tôi say sưa lắng nghe những gì anh kể lại, và nghe bầu máu nóng trong người như sục sôi lên với ý tưởng là có một ngày nhất định tôi phải đến được tận nơi ấy để chiêm bái.

Tôi rủ một người bạn là *Dwarka Prasad*, lúc ấy đang ở trọ nhà tôi:

– Chúng ta hãy cùng đi lên núi Hy Mã Lạp Sơn.

Anh chàng này chẳng những không chịu cùng đi, mà còn đem sự việc tiết lộ với anh cả tôi là *Ananta* khi anh tôi vừa đến thăm cha tôi và còn đang lưu lại đó. Anh *Ananta* có vẻ không coi trọng ý tưởng táo bạo của tôi. Anh còn chế giễu tôi rằng:

– Áo cà sa vàng của em đâu rồi? Em phải mặc màu áo tu sĩ đó mới thích hợp.

Anh không thể nào ngờ được là những lời này tác dụng hoàn toàn ngược lại đối với tôi. Chẳng những tôi không hề cảm thấy bị chế giễu, mà nó còn như đánh thức trong tôi những hình ảnh xa xăm từ tiềm thức. Tôi như đã thấy mình mặc áo cà sa vàng và lang thang đó đây trên khắp nước vào một lúc nào đó. Tôi không biết những cảm giác ấy có chính xác hay không, nhưng có một điều hoàn toàn chính xác vào lúc này là tôi thấy quen thuộc đến mức sẵn sàng khoác lấy màu áo tu sĩ mà không một chút ngỡ ngàng, ngỡ ngàng ngập.

Một buổi sáng, tôi đang nói chuyện với *Dwarka*. Bỗng dưng tôi cảm thấy lòng sùng kính và đức tin như dâng tràn trong tôi, và tôi bắt đầu giảng thuyết

thao thao bất tuyệt với người bạn này về tất cả những gì mà cha mẹ đã dạy cho tôi từ thuở nhỏ về một đời sống tâm linh, cả những điều mà tôi chưa từng học qua bao giờ. Mãi về sau này, trong những buổi giảng thuyết trước hàng ngàn người nghe, tôi mới nhớ lại và biết rằng đó là buổi thuyết pháp hùng hồn đầu tiên của tôi. Nhưng cảm giác hứng khởi trước một buổi giảng, khi mà đức tin và lòng sùng kính bất chợt dâng tràn, về sau đã trở thành quen thuộc với tôi, nhất là trong những dịp giảng thuyết vô cùng quan trọng.

Buổi trưa cùng ngày hôm ấy, tôi lên đi *Naini Tai*, dưới chân Hy Mã Lạp Sơn. Anh *Ananta* đuổi theo kịp và bắt tôi phải trở lại *Bareilly*. Từ đó, tôi chỉ được phép đi xa nhất là đến tán cây *sheoli* có hoa trắng ở trước nhà. Và trong những lúc buồn nản vì không thực hiện được ý định, tôi lại càng thấy nhớ mẹ tôi da diết.

Cha tôi không nghĩ đến việc cưới vợ khác sau khi mẹ tôi mất. Ông chấp nhận cảnh gà trống nuôi con trong gần 40 năm trời không một lời than vãn. Ông hiểu được nỗi mất mát lớn lao của gia đình chúng tôi sau khi mẹ mất, và ông muốn bù đắp lại cho anh em chúng tôi. Ông trở nên mềm mỏng, dịu dàng hơn nhiều so với trước kia, và quan tâm lo lắng đến hầu như tất cả mọi việc lớn nhỏ trong gia đình. Ông lo

xa cho chúng tôi có đủ mọi thứ cần thiết trong cuộc sống. Ông cũng chăm chú cho đến những bữa ăn hằng ngày của chúng tôi. Về phần ông, ngoài giờ làm việc ông dành trọn thời gian cho việc thực hành công phu thiền định và không bao giờ nghỉ đến bất cứ thú vui chơi nào cả. Mãi về sau này, tôi có ý định muốn thuê một cô giúp việc người Anh để coi sóc việc nhà và giúp ông được thoải mái đôi chút. Cha tôi lắc đầu rất cương quyết về việc này. Ông nói:

– Từ khi mẹ con mất, cha xem như chỉ còn có các con mà thôi. Cha không thể nhận sự săn sóc của bất cứ người đàn bà nào khác ngoài mẹ con trước đây.

Hơn một năm sau khi mẹ tôi mất, nói chính xác là 14 tháng, tôi mới nhận được một lời di chúc mà mẹ tôi để lại cho tôi. Tuy nhiên, sự chậm trễ này phần nào cũng là ý muốn của mẹ tôi.

Vào lúc mẹ tôi hấp hối, anh *Ananta* có mặt bên giường bệnh và đã nghe những lời trăng trối cuối cùng của mẹ. Mẹ có những lời dành cho tôi, nhưng dặn anh là chỉ cho tôi biết sau khi mẹ mất được một năm. Anh tôi đã cố trì hoãn thêm thời gian đó, nhưng rồi khi anh sắp rời *Bareilly* để về *Calcutta* cưới vợ – tất nhiên là người vợ mà mẹ đã chọn cho anh trước đây – thì anh không còn trì hoãn thêm được nữa. Một buổi chiều, anh tìm đến tôi:

– *Mukunda*, có đôi điều anh vẫn băn khoăn không biết có nên cho em biết hay chẳng, nhưng chắc chắn nó sẽ làm em ngạc nhiên đấy.

Rồi anh nhỏ giọng đi với vẻ cảm thông mà tôi chưa từng thấy ở anh:

– Anh sợ rằng nếu cho em biết điều này sớm hơn, có lẽ em lại càng nôn nóng bỏ nhà ra đi xuất gia. Nhưng cuối cùng thì anh cũng thấy rõ lý tưởng thiêng liêng ấy không thể nào dập tắt được trong em, nên khi ngăn cản việc lên núi Hy Mã Lạp Sơn và đưa em trở về, anh quyết định phải cho em biết ngay những lời trần trối cuối cùng của mẹ.

Anh đưa cho tôi một hộp nhỏ và nói:

– Đây là những lời dặn dò mẹ để lại cho em. Mẹ đã dặn anh là chỉ đưa cho em sau khi mẹ mất được một năm. Anh thú thật là đã trì hoãn việc này vì không muốn thấy em bỏ nhà ra đi.

Anh nói câu này mà rưng rưng nước mắt. Tôi mở cái hộp. Trong đó là bức thư mà mẹ tôi để lại cho riêng tôi:

“Mukunda của mẹ! Đây là những lời chúc phúc lành cuối cùng mẹ có thể gửi đến cho con. Vì mẹ sẽ không còn ở bên con trên thế gian này nữa, nên mẹ

cần phải cho con biết về những sự kiện lạ thường xảy ra ngay sau khi con chào đời.

“Số phận của con đã được báo trước cho mẹ biết từ ngay lần đầu tiên mẹ bế con đến gặp thầy Lahiri Mahāsaya ở Bénarès, khi con chỉ là một hài nhi bé bỏng. Khi ấy, đức tôn sư đang tọa thiền trong sảnh đường với rất đông môn đồ yên lặng vây quanh. Khi mẹ đến đã không còn một chỗ trống nào bên trong để có thể nhìn thấy được ngài, mẹ đành phải bế con đứng tận ngoài xa, trong một góc nhỏ khuất sau nhiều người khác. Mẹ âm thầm cầu nguyện đức tôn sư, mong rằng ngài sẽ biết được sự hiện diện của mẹ con ta và ban lời chúc phúc đầu đời cho con.

“Bỗng nhiên, thầy Lahiri Mahāsaya mở mắt ra khỏi con thiền định. Thầy gọi một đệ tử và bảo người này gọi mẹ đến trước ngài. Đám đông môn đồ đều kinh ngạc, vì từ chỗ ngồi của ngài không thể nào nhìn thấy mẹ con ta tận ngoài xa và khuất sau rất nhiều người.

“Mọi người rẽ ra nhường chỗ cho mẹ bế con đến trước tôn sư. Mẹ quỳ xuống, và tôn sư đón lấy con, đặt trên gối ngài rồi đặt tay lên trán con như một dấu hiệu ban ân huệ tâm linh. Ngài nói: ‘Này hiền mẫu, đứa con này sẽ trở thành một tăng sĩ, và sẽ cứu vớt rất nhiều người trên thế gian.’

“Khi ấy lòng mẹ ngập tràn niềm vui sướng. Đức tôn sư đã nghe được lời cầu nguyện của mẹ. Ngài cũng thấy trước được tiền đồ tươi sáng của con. Một lần, khi con còn chưa sinh ra, ngài có nói trước với mẹ là về sau con chắc chắn sẽ đi theo con đường của ngài.

“Và khi gia đình ta đến ở tại Lahore, một sự kiện khác nữa đã xảy ra, xác nhận chắc chắn hơn nữa niềm tin của mẹ về con đường mà con sẽ theo đuổi sau này. Trong di chúc tối hậu này, mẹ muốn kể hết cho con nghe để con có thể hiểu được mẹ kỳ vọng biết bao nhiêu về con.

“Một buổi sáng, người giúp việc tìm mẹ và nói: Thưa bà, có một vị tu sĩ ghé lại và nói muốn được gặp ‘mẹ của Mukunda’. Cách nói lạ thường ấy làm mẹ ngạc nhiên, vội vã ra gặp người ấy. Khi đứng trước mặt người, mẹ liền có ngay cảm giác là đang đối diện với một vị sứ giả của thiêng liêng. Người nói: ‘Này hiền mẫu, tôn sư muốn cho bà biết rằng kiếp sống hiện tại của bà sắp hết. Và con bệnh sắp tới đây của bà sẽ là con bệnh cuối cùng.’

“Khi nghe thế, lòng mẹ không hề cảm thấy sợ hãi, mà trái lại còn dâng lên một niềm phúc lạc an tịnh lạ thường. Mẹ chăm chú lắng nghe người nói tiếp: ‘Bà sẽ được giữ một món linh phù bằng bạc. Bà sẽ

không nhận nó theo một cách thông thường, mà nó sẽ tự đến với bà trong buổi tọa thiền ngày mai. Bà sẽ được giữ nó cho đến lúc chết, và hãy giao nó cho người con cả, yêu cầu anh ta giữ nó trong một năm, và sau đó phải giao lại cho Mukunda, em trai của mình. Người này rồi sẽ từ bỏ thế gian để xuất gia học đạo. Và linh phù sẽ tự rời bỏ anh ta vào lúc nó không còn cần thiết nữa.’

“Sau đó mẹ cúng dường cho vị tu sĩ ấy một khoản tiền, nhưng người từ chối không nhận và ra đi ngay. Chiều hôm sau, trong khi mẹ đang ngồi thiền, quả nhiên có một linh phù bằng bạc tự nhiên xuất hiện trong lòng bàn tay mẹ. Mẹ nhận ra vật ấy lúc nó vừa xuất hiện nhờ vào một cảm giác lạnh lạnh trong tay. Mẹ đã vâng lời tôn sư giữ nó cẩn thận cho đến lúc này, nay mẹ giao cho anh cả con, và cùng với di chúc này, anh con sẽ giao lại cho con vào lúc thích hợp. Con không nên buồn thương nhiều về việc mẹ không còn bên con nữa. Đức Phật sẽ che chở mãi mãi cho mẹ, và mẹ cũng cầu xin ngài che chở mãi mãi cho con, con yêu của mẹ!”

Món linh phù là một vật nhỏ hình tròn, bằng bạc, trên có khắc những chữ Phạn cổ nhỏ li ti. Tôi có cảm giác vô cùng quen thuộc đối với nó, như đã được biết nó tự lâu rồi. Khi tôi cầm linh phù ấy trong tay, trong trí tôi chợt như lóe lên những tia sáng lạ kỳ soi

rọi vào tận trong sâu thẳm của tiềm thức, khiến cho tôi mơ hồ nhớ lại những hình ảnh xa xăm từ những tiền kiếp lâu xa vô hạn... Tôi biết rằng món linh phù này hẳn đã theo tôi qua nhiều đời sống trước đây, gắn bó với những thăng trầm trên đường học đạo của tôi, nên giờ đây nhân duyên mới đưa đẩy nó đến cùng tôi trong giờ phút này. Và tôi biết thời điểm ra đi của tôi chắc hẳn đã đến gần.

Món linh phù đã giúp thêm cho tôi rất nhiều sức mạnh từ khi tôi được mang nó trên người. Về sau, nó đã biến mất vào những giờ phút tưởng chừng như cực kỳ đau khổ đối với tôi, để rồi mở đầu cho việc tôi gặp gỡ bậc chân sư truyền đạo như thế nào, tôi sẽ có dịp trình bày trong một chương sách khác. Nhưng người thiếu niên đã từng thất bại với ý tưởng táo bạo một mình tìm lên Hy Mã Lạp Sơn, giờ đây sẽ đi xa hơn nhiều với sự phù trợ của món linh vật huyền bí cổ xưa này.

CHƯƠNG III

PHÉP PHÂN THÂN

Cha tôi đã chấp nhận lời thỉnh cầu của tôi về một chuyến du lịch *Bénarès*, sau khi tôi đoán chắc với người là sẽ ra đi và trở về mà không gây bất cứ sự rắc rối, phiền toái nào.

Cha tôi không ngăn cản lòng ham thích đi du lịch. Vì ông làm việc trong công ty đường sắt nên chúng tôi luôn có nhiều thuận lợi cho việc đi đó đi đây. Ngay từ thuở nhỏ, tôi cũng đã từng được tham gia nhiều chuyến hành hương xa xôi với vé tàu hạng nhất mà cha tôi có được một cách dễ dàng. Chúng tôi cũng thường có những chuyến đi du lịch các thành phố lớn, các danh lam thắng cảnh. Tuy nhiên, những chuyến đi ấy bao giờ cũng thuận tiện, dễ dàng, và bao giờ cũng có người lớn đi kèm. Nhưng lần này thì không!

Hôm sau, cha tôi gọi tôi đến và đưa cho tôi vé xe lửa đi *Bénarès*, một số tiền và hai bức thư. Người dặn dò tôi:

– Cha có một công việc cần trao đổi với người bạn là ông *Kedar Nath* ở *Bénarès* qua bức thư này. Cha đã mất địa chỉ của ông, nhưng con có thể chuyển thư cho ông ta qua trung gian một người khác là Đại đức *Pranabā*. Vị tu sĩ này là bạn đồng môn với cha và có nhiều điều rất đáng cho con học hỏi. Đây là thư giới thiệu của cha, con hãy mang theo đến chỗ ông ấy.

Và như thế là tôi khăn gói lên đường đi *Bénarès*, với nhiệt tình cháy bỏng của tuổi trẻ.



Tại *Bénarès*, tôi không khó khăn lắm trong việc tìm đến đại đức *Pranabā*. Cửa vào đã mở sẵn có vẻ như đang đợi khách. Một người có thân hình vạm vỡ, chỉ vận duy nhất một tấm chăn ngang hông, để mình trần, đang ngồi kiết già trên một bậc thềm khá cao trong phòng khách. Vừa bước vào, tôi đã nhìn thấy ngay nụ cười an lạc nở trên khuôn mặt người, râu tóc đều cạo sạch.

Đại đức tiếp đón tôi với vẻ vô cùng niềm nở. Người chào hỏi bằng một lời chúc phúc cho tôi:

– Sự an ổn đến cùng với con!

Tôi quỳ xuống và đáp lời ngài trong khi sờ nhẹ lên hai bàn chân, theo như phong tục của nơi đây:

– Bạch đại đức, ngài có phải là đại đức *Pranabā*?

Ngài gật đầu và nhoẻn cười:

– Còn con là con trai của *Bhabagati*?

Tôi vô cùng ngạc nhiên, vì tôi chưa giới thiệu về mình, cũng chưa đưa cho ngài lá thư của cha tôi. Tuy đã thấy rõ là không cần thiết nữa, nhưng tôi vẫn lấy trong túi ra hai bức thư và đưa cho ngài. Chưa xem thư, ngài đã nói nhỏ nhẹ:

– À vâng, tôi sẽ tìm ông *Kedar* để chuyển bức thư cho cha con.

Một lần nữa, vị tu sĩ này lại làm tôi kinh ngạc. Ông có vẻ như biết trước hết thảy mọi việc, hay ông có thể đọc được suy nghĩ trong đầu tôi?

Đại đức chậm rãi mở thư ra xem. Rồi ngài nói với tôi:

– Cha con là một người tốt. Tôi hiện đang nhận được hai phần lương hưu, mà một phần trong đó là nhờ sự giúp đỡ của cha con khi tôi còn làm việc dưới quyền ông ấy. Phần thứ hai là sự hộ trì của chư Phật. Chính nhờ đó mà tôi sống và thực hiện được những điều cần thiết trong đời sống này.

Tôi vẫn còn khá ngây thơ để có thể hiểu hết ý nghĩa lời nói này. Tôi hỏi lại đại đức:

– Bạch ngài, phần lương hưu của công ty đường sắt thì con có thể hiểu được. Còn phần hộ trì của chư Phật, ý ngài muốn nói là thế nào? Phải chăng ngài có thể kiếm được ít nhiều tiền bạc nhờ vào đó?

Vị đại đức bật cười trước câu hỏi ngỡ ngàng của tôi:

– Không, tôi muốn nói đến sự an lạc mà tôi có được sau nhiều năm thiền định. Tiền bạc đối với tôi bây giờ chẳng để làm gì nữa cả. Chỉ với những gì hiện có, tôi đã dư sức thỏa mãn những nhu cầu ít ỏi của mình. Sau này rồi con sẽ hiểu ý nghĩa những điều tôi nói hôm nay.

Khi ấy, đại đức bắt đầu ngưng cuộc chuyện trò, sửa lại tư thế ngồi thật ngay ngắn, thẳng lưng, mắt nhìn về phía trước. Ban đầu, đôi mắt ngài sáng ngời như tỏa ra hai luồng điện sáng, rồi sau đó dần dần trở nên mơ màng như rơi vào một cõi hư không yên tĩnh khác. Tôi biết ngài đang nhập định, nên cố ngồi yên. Nhưng lòng tôi thấy phân vân bất ổn. Tôi vẫn chưa kịp nói hết những điều muốn nói với ngài, và cụ thể hơn là ngài vẫn chưa cho tôi biết khi nào sẽ chuyển thư của cha tôi cho ông *Kedar*, hoặc tôi có phải tự tìm đến ông này hay chẳng? Tôi muốn đảm bảo là phải hoàn thành tốt đẹp lời dặn dò của cha

tôi trước khi trở về. Nhưng ngài đã không nói chuyện với tôi nữa mà lặng lẽ nhập định rồi.

Để giảm bớt sự bồn chồn trong lòng, tôi đưa mắt nhìn quanh phòng, nhưng căn phòng trống trơn chẳng có bày biện vật gì khác cả. Cuối cùng mắt tôi dừng lại ở một đôi guốc gỗ đơn sơ bên dưới chân thềm.

– Con không cần phải lo lắng. Ông *Kedar* sẽ đến đây trong khoảng nửa giờ nữa thôi.

Đại đức ra khỏi cơn thiền định, ngài nhìn tôi và nói như thể đang đọc thấu suy nghĩ của tôi lúc đó. Nhưng lần này tôi cho là cũng dễ đoán được không khó khăn gì lắm. Về bồn chồn của tôi hẳn đã lộ rõ ra nét mặt.

Nhưng rồi người lại ngồi yên. Nửa giờ trôi qua. Người mở mắt nhìn tôi và nói:

– Có lẽ ông *Kedar Nath* đã đến trước cửa.

Tôi lắng tai nghe và quả thật có tiếng chân người đang bước lên cầu thang. Đầu óc tôi bấn loạn vì những sự ngạc nhiên dồn dập xảy đến. Làm sao ông *Kedar* biết mà đến đây để gặp tôi? Vị đại đức này không gặp ai khác từ lúc tôi đến đây. Bản thân ông cũng không hề rời khỏi căn phòng này. Cuối cùng tôi kết luận, ông đã tình cờ có một cuộc hẹn trước với ông *Kedar Nath* vào giờ này. Nhưng chuyện tình cờ

này cũng thật rất khó tin, vì thế tôi nôn nao bước ra khỏi phòng và đi xuống cầu thang.

Tôi gặp một người đàn ông vóc dáng trung bình, thân hình gầy ốm, nước da hơi nhợt nhạt, đang vội vã bước lên cầu thang. Tôi buột miệng hỏi ngay:

– Thưa ông, có phải ông là ông *Kedar Nath*?

Người đàn ông cười thân thiện và đáp lời tôi:

– Phải, thế chắc có lẽ em là con trai của *Bhagabati* đã đợi tôi ở đây từ sáng?

Tôi kinh ngạc. Suy luận của tôi về một cuộc hẹn tình cờ đã hoàn toàn sụp đổ. Tôi đáp:

– Vâng, thưa ông. Nhưng ông làm sao biết được mà đến đây gặp cháu?

– À, tôi được đại đức *Pranabā* báo cho biết và gọi tôi đến đây.

Không nhìn thấy khuôn mặt ngạc nhiên đến sửng sờ của tôi, ông tiếp tục nói huyền thuyên vì có lẽ ông cũng đang suy nghĩ rất nhiều và muốn bộc lộ ra cùng người khác:

– Kể cũng thật là khó hiểu. Cách đây khoảng một giờ, đại đức đến tìm tôi khi tôi vừa tắm xong dưới sông Hằng. Tôi không hiểu sao ngài biết tôi đang ở bờ sông vào lúc đó. Đại đức bảo tôi: “Người con trai

của *Bhagabati* đang đợi anh ở nhà tôi. Hãy theo tôi về nhà.” Tôi vui vẻ cùng đi với người. Nhưng mặc dù tôi mang giày bố loại để đi đường xa, còn đại đức thì mang guốc gỗ, tôi vẫn không thể nào theo kịp ngài. Thấy thế, ngài dừng lại và hỏi: “Từ đây đến nhà tôi, anh đi khoảng bao lâu?” Tôi đáp: “Khoảng nửa giờ.” Ngài bảo tôi: “Tôi có chút việc phải làm nên tạm biệt anh ở đây. Tôi sẽ gặp lại anh ở nhà cùng với con trai của *Bhagabati*.” Và ngài rảo bước đi ngay trước khi tôi kịp mở miệng đáp lời. Tôi thấy ngài mất dạng trong đám đông rồi nên hối hả đến đây ngay.

Những lời của ông *Kedar Nath* càng làm tôi rối trí, hoang mang hơn nữa. Tôi vặn hỏi lại ông:

– Ông có chắc là đã gặp đại đức đấy chứ? Hay có khi ông chỉ nhìn thấy linh ảnh của ngài hiện ra đó thôi?

Ông *Kedar Nath* bỗng trở nên bực dọc, gắt gỏng:

– Sao em lại hỏi thế? Tôi không hề biết nói dối bao giờ. Vả lại, nếu không gặp đại đức, làm sao tôi biết em đang đợi tôi ở đây?

Tôi đáp lời ngay để giải tỏa sự bực tức của ông:

– Cháu nói thế là vì đại đức *Pranabā* không hề rời khỏi căn phòng này từ khi cháu bước chân đến đây, dù chỉ là trong chốc lát.

Ông *Kedar Nath* sửng người một lúc lâu rồi nói:

– Thế thì tôi đang nằm mơ chẳng? Tôi không sao tưởng tượng được một việc như thế lại có thể xảy ra ngay trước mắt mình. Rõ ràng là đại đức *Pranabā* có khả năng phân thân để xuất hiện ở hai nơi trong cùng một lúc!

Tôi nhớ lại câu chuyện đã được nghe về thầy *Lahiri Mahāsaya* ở *Bénarès*, khi ngài xuất hiện trên cánh đồng để gặp cha tôi ở cách xa *Bénarès*. Phải chăng khi ấy ngài cũng không hề rời khỏi *Bénarès* mà chỉ phân thân xuất hiện ở hai nơi cùng một lúc?

Chúng tôi bước vào phòng khách. Ông *Kedar* bắm nhẹ vào tay tôi và nói nhỏ:

– Này em, chính ngài đã mang đôi guốc gỗ đang nằm dưới thềm kia khi đến gặp tôi tại bờ sông.

Đại đức *Pranabā* dường như hiểu thấu tâm trạng ngạc nhiên của chúng tôi. Ngài quay về phía tôi, nhòen cười và nói trong khi ông *Kedar* cúi xuống để chào ngài:

– Sao con ngạc nhiên đến thế? Tính chất đồng thể của thế giới hiện tượng không có gì là kỳ lạ đối với các bậc chân tu chứng ngộ. Bất cứ lúc nào tôi cũng có thể nhìn thấy và trò chuyện với các đệ tử của tôi ở *Calcutta*, và họ cũng đạt được khả năng vượt qua sự ngăn cách về không gian dễ dàng theo như ý muốn.

Trong buổi trò chuyện hôm ấy, đại đức *Pranabā* còn tiếp tục cho tôi biết thêm rất nhiều về những năng lực kỳ bí, huyền diệu mà một vị chân sư có thể đạt được. Tuy nhiên, thay vì cảm thấy hứng khởi, tôi lại có một cảm giác phân vân, lo lắng. Về sau, tôi mới hiểu là do nhân duyên từ trước, tôi sẽ đến học đạo với thầy *Śrī Yukteswar* như một vị thầy duy nhất, mà vào lúc ấy tôi vẫn còn chưa hề có dịp gặp gỡ. Vì thế mà có một sự ngăn cách lạ lùng khiến cho tôi không hề có ý muốn nhận đại đức *Pranabā* làm thầy, cho dù tôi rất kính phục ngài.

Đại đức *Pranabā* lại quay sang nói về vị tôn sư của ngài, cũng là đức tôn sư của cha mẹ tôi mà tôi đã có dịp đề cập đến khá nhiều qua bức di ảnh của ngài, đức thầy *Lahiri Mahāsaya*:

– Đức *Lahiri Mahāsaya* là vị tôn sư cao cả nhất mà tôi đã từng được biết. Ngài chính là hiện thân của giải thoát và giác ngộ để mang đến phước lành cho tất cả chúng sanh.

Tôi hoàn toàn không nghi ngờ gì về điều đó. Ngoài những điều đã được biết về tôn sư, tôi còn nghĩ rằng, nếu một người đệ tử đã có đủ khả năng để phân thân xuất hiện ở hai nơi cùng một lúc, thì tất nhiên không

có một điều kỳ diệu nào mà bậc tôn sư ấy lại không thể làm được. Đại đức *Pranabā* tiếp tục nói về thầy *Lahiri Mahāsaya*:

– Này con, tôi muốn cho con ý thức một cách đầy đủ về tầm quan trọng và quý giá của việc có được một bậc chân sư dẫn dắt là như thế nào. Nếu không có thầy *Lahiri Mahāsaya*, chắc chắn tôi không thể có được kết quả an ổn giải thoát như hôm nay. Tôi còn nhớ, khi tôi đã đến xin học với ngài, mỗi đêm tôi đều thực hành ngồi thiền cùng với một bạn đồng tu khác. Nhưng để kiếm sống, tôi vẫn phải làm việc hàng ngày ở công ty đường sắt, lúc đó dưới quyền cha con. Nhiệt tâm cầu đạo đã làm cho tôi phải vô cùng khổ sở khi phải mất thì giờ vào công việc trong khi tôi chỉ muốn dành trọn cho công phu thiền định. Tôi chịu đựng sự dằn vặt ấy trong suốt 8 năm trời. Mỗi đêm, tôi dành khoảng vài giờ cho việc ngồi thiền. Tôi đạt được những trình độ chứng nghiệm nhất định về tâm linh, và điều đó là phần thưởng vô giá dành cho những nỗ lực của tôi. Nhưng tôi vẫn còn cảm thấy một sự ngăn cách mong manh, như một màn sương mỏng che phủ khiến cho tôi không đạt đến sự chứng ngộ giải thoát. Khi ấy, tôi tìm đến tôn sư và thành khẩn cầu nguyện với ngài: “Bạch thầy, cuộc đời giờ đây là một gánh nặng đối với con nếu như con không

đạt đến sự chứng ngộ, bởi vì con không tìm thấy ý nghĩa sống ở bất cứ một khía cạnh nào khác. Nhưng con vẫn không thể đạt đến sự chứng ngộ với công phu của mình. Xin thầy hãy giúp con.” Tôn sư đáp lại rằng: “Con hãy cố gắng hơn nữa. Đó là những gì mà ta có thể khuyên con trong lúc này.” Nhưng tôi đã không còn đủ niềm tin vào chính mình sau bao nhiêu nỗ lực thất bại, vì thế tôi quỳ xuống và khẩn cầu ngài tha thiết hơn nữa. Bấy giờ tôn sư đưa tay xoa đầu tôi và nói: “Được rồi, giờ thì con hãy trở về và cố gắng tham thiền đi. Ta đã cầu nguyện chư Phật gia hộ cho con rồi.” Với cử chỉ và lời nói của tôn sư, tôi bỗng thấy hết sức yên tâm và tin cậy. Và ngay trong đêm đó, tôi đạt đến mức độ chứng ngộ đầu tiên, không còn cảm thấy bất cứ một sự trói buộc nào trong cuộc sống nữa. Kể từ đó, tôi thực hiện tất cả mọi công việc hằng ngày trong một niềm an lạc vô biên, không còn có những dằn vặt nội tâm như trước nữa.

Đại đức *Pranabā* dừng lại một lát. Tôi cảm nhận được một vầng ánh sáng dịu dàng mà rực rỡ tỏa ra trên khuôn mặt bình thản của ngài. Ngài nói tiếp:

– Hai tháng sau đó, tôi trở lại thăm tôn sư và nói: “Bạch thầy, con không muốn tiếp tục việc làm ở thế tục nữa. Con muốn được sống trọn vẹn với đạo vị vừa tìm được.” Tôn sư đáp: “Được rồi, vậy con hãy

xin nghỉ việc và nhận lương hưu.” “Nhưng con vẫn chưa đến tuổi nghỉ hưu, và con cần phải có một lý do.” “Con có thể nêu bất cứ lý do nào con muốn.” Rồi tôn sư lặng lẽ nhập định.

Gương mặt đại đức *Pranabā* có vẻ trầm tư như đang nhớ lại những gì đã xảy ra trong quá khứ. Một lát sau, ông nói tiếp, giọng trầm hẳn lại:

– Ngay hôm sau, tôi đưa đơn xin nghỉ vì lý do sức khỏe. Vị bác sĩ của công ty đến hỏi tôi: “Vì sao ông xin nghỉ việc?” Tôi đáp: “Trong khi làm việc, tôi thấy có cảm giác khó chịu, tôi không thể tập trung tư tưởng vào công việc được.” Thật là một lý do mơ hồ! Tự tôi cũng biết thế. Nhưng ông ta không hỏi gì thêm, lặng lẽ thu xếp đủ mọi giấy tờ để tôi được nghỉ hưu sớm với lý do “kém sức khỏe” và được nhận lương hưu từ công ty hỏa xa. Tôi biết là việc này không thường xảy ra. Nhưng tất cả mọi sự dễ dàng đã đến với tôi chắc chắn là qua sự giúp đỡ của tôn sư *Lahiri Mahāsaya* ở *Bénarès*. Từ đó, tôi dành trọn thời gian của mình cho việc tu tập.

Sau buổi nói chuyện khá lâu ấy, đại đức *Pranabā* lại ngồi ngay ngắn và sắp sửa nhập thiền. Tôi kính cẩn đặt nhẹ hai tay lên bàn chân ngài để từ biệt. Ngài nhìn tôi và nói:

– Cuộc đời của con rồi cũng sẽ dành trọn cho việc tu tập thiền định và truyền bá pháp môn này. Tôi sẽ gặp lại con và cha con sau này.

Lời dự báo ấy quả nhiên về sau thành sự thật. Khi tôi thành lập một trường học ở *Ranchi*, ông đã là một trong những người đầu tiên đến thăm viếng và động viên tôi. Nhân dịp ấy, ông đã gặp lại cả cha tôi và tôi trong một hoàn cảnh mà ông đã nhìn thấy trước từ lúc này.

Khi ra khỏi nhà, trời đã sẫm tối. Ông *Kedar Nath* đi cạnh tôi và nói:

– Tôi đã xem thư của cha em. Ông ấy mời tôi nhận một công việc với công ty đường sắt tại *Calcutta*. Điều đó thật tốt đẹp, nhưng tôi không thể rời *Bénarès* này, và cũng không thể phân thân để làm việc ở hai nơi cùng một lúc.

Cả hai chúng tôi cùng cười xòa qua lời nói đùa ấy của ông.

CHƯƠNG IV

ĐƯỜNG LÊN HY MÃ LẠP SƠN

Gia đình tôi về ở *Calcutta* khi công việc của cha tôi được chuyển về đây lâu dài. Căn nhà lớn nằm ở số 4 đường *Gurpar*, và anh cả tôi cũng đưa vợ về chung sống với cả gia đình theo như phong tục Ấn Độ. Tôi có một căn gác nhỏ yên vắng để dành riêng cho việc tham thiền mà không bị ai quấy rầy. Tôi tự biết mình cần phải chuẩn bị tinh thần thật đầy đủ trước khi có thể gặp được bậc thầy khai ngộ.

Giấc mơ trốn nhà lên Hy Mã Lạp Sơn vẫn chưa tắt hẳn trong tôi sau thất bại lần trước. Ngược lại, nó ngày càng cháy bỏng, thôi thúc hơn bao giờ hết. Lần này, tôi nghĩ cần phải có một sự sắp xếp kế hoạch thật chu đáo nếu muốn qua được cặp mắt của anh *Ananta*, lúc nào cũng nhìn tôi với vẻ nghi ngờ cảnh giác và sẵn sàng phá hỏng mọi dự tính ra đi của tôi.

Một người bạn học cùng lớp là *Amar Mitter* đồng ý theo tôi trong chuyến đi này. Tôi bố trí anh ta

chuẩn bị xe ngựa, và sẽ đón tôi ở một vị trí gần nhà nhưng nằm ngoài tầm nhìn của tất cả mọi người trong nhà.

Buổi sáng chúng tôi lên đường, trời có mưa nhẹ. Khi nghe tiếng bánh xe của *Amar* lăn trên đường, tôi vội vã xếp đồ cho vào một túi vải. Không có gì nhiều, chỉ có trong đó một cái mền, một đôi dép, bức chân dung thầy *Lahiri Mahāsaya*, một quyển kinh *Bhagavad*, một xâu chuỗi hạt và 2 cái chăn vải.¹ Tôi ném gói đồ qua khung cửa sổ để nó rơi xuống đường, nơi tôi sẽ đến nhặt lấy sau khi đã ra khỏi nhà. Xong, tôi vội vàng chạy xuống cầu thang.



Tôi gặp cậu tôi đang đứng trước cửa nhà mua rau cải. Ông nhìn tôi vẻ hơi ngạc nhiên và hỏi: “Mày làm gì mà vội vàng thế?” Tôi chỉ nhìn ông cười không đáp, rồi bước nhanh ra đường. Sau khi đã có gói đồ trong tay, tôi chạy nhanh đến điểm hẹn với *Amar*. Đón tôi lên rồi, chúng tôi cho xe ngựa chạy về hướng khu thương mại *Chandni Chauk*. Tôi đã dành dụm riêng một số tiền để thực hiện kế hoạch này. Chúng tôi sẽ mua Âu phục mặc vào để đánh lạc

¹ Người Ấn dùng chăn quấn quanh hông như một cách trang phục, giống như ta mặc quần.

hướng anh *Ananta*, vì khi phát hiện chúng tôi đã ra đi, anh có thể tìm mọi cách để đuổi theo bắt lại. Và tôi đã từng biết anh cũng có tài làm thám tử chẳng kém ai.

Chúng tôi còn một bạn đồng hành nữa là *Jatinda*, anh họ của tôi. Anh được chúng tôi dừng xe trên đường để đón lên cùng đi. Anh chàng này ban đầu khá thờ ơ với chuyện đi lên những dãy núi tuyết hoang vu lạnh giá, nhưng rồi sau đã bị tôi thuyết phục với viễn ảnh lôi cuốn của việc tâm sư học đạo. Cả ba chúng tôi đều đã mặc Âu phục sang trọng, và tôi hy vọng với lối nguy trang này anh tôi sẽ khó lòng mà phát hiện chúng tôi kịp lúc.

Chúng tôi còn phải đến tiệm giày để trang bị những đôi giày cho hợp với trang phục mới. Tôi nói với các bạn:

– Những vật dụng bằng da là do sự giết hại sinh linh mà có. Những người hành hương không được quyền sử dụng chúng.

Tôi vừa nói vừa tháo sợi dây da trên nón và xé bỏ tấm bì da bọc ngoài cuốn kinh *Bhagavad*.

Tại nhà ga, chúng tôi mua vé đi *Burdwan*, dự tính sẽ từ đó đi *Hardwar*, dưới chân dãy Hy Mã Lạp Sơn. Sau khi xe lửa chạy, tôi thấy lòng rộn ràng phơi phới. Trí tưởng tượng của tôi hình dung ra những chuyện mà tôi từ lâu mơ ước, và tôi không thể nào giữ kín nó mà không chia sẻ với các bạn mình. Tôi nói:

– Nay các bạn, không bao lâu nữa chúng ta sẽ tìm gặp được những bậc chân sư. Chúng ta sẽ cùng nhau tu tập và đạt đến những kết quả chứng ngộ phi thường. Dãy Hy Mã Lạp Sơn sẽ là nơi chứng kiến chúng ta trở thành những bậc chân tu đạt ngộ. Những loài thú dữ sẽ đến phủ phục dưới chân ta vì chúng ta đã có quyền năng thu phục được chúng. Những con cọp hung dữ cũng sẽ cảm động trước từ tâm của chúng ta, và đến cạnh chúng ta như những con mèo to lớn để được chúng ta vuốt ve trù mến chúng.

Amar lắng nghe tôi với nụ cười hứng khởi, còn *Jatinda* thì lộ vẻ suy tư. Anh chàng quay mặt đi nơi khác, nhìn ra cảnh vật bên ngoài. Một lúc lâu, anh nói:

– Chúng ta hãy chia tiền ra, để khi đến *Burdwan* mỗi người sẽ tự đi mua vé. Làm như thế sẽ không ai nghi ngờ rằng chúng ta đã cùng nhau trốn đi.

Tôi đồng ý không chút nghi ngờ. Khi đến *Burdwan* vào buổi chiều, *Jatinda* đề nghị là sẽ đi mua vé trước, còn tôi và *Amar* đứng đợi trên bến. Chúng tôi chờ rất lâu và không thấy *Jatinda* trở lại, bèn cùng nhau đi tìm anh ta. Nhưng anh ta đã mất dạng đâu đó trong bóng tối nhá nhem đang phủ xuống nhà ga. Đến lúc này chúng tôi mới hiểu ra ý đồ chia tiền của anh ta. Lòng tôi tràn đầy thất vọng, không ngờ kế hoạch tầm sư học đạo của mình lại bị phá hỏng một cách chua cay bởi người bạn đồng hành tin cậy. Tôi nói với *Amar* bằng giọng buồn thảm:

– *Amar*, chúng ta hãy về thôi. Sự phản bội của *Jatinda* là điềm không tốt, và chuyến đi này chắc chắn sẽ thất bại.

Nhưng *Amar* khá cứng cỏi. Anh hỏi tôi:

– Ý chí tầm sư học đạo của anh chỉ có thể thôi sao? Anh sẵn sàng bỏ cuộc chỉ vì sự phản bội của một bạn đồng hành mà không thể cố gắng vượt qua được hay sao?

Câu nói với hàm ý thách thức của *Amar* ngay lập tức làm tôi cảm thấy khôi phục ý chí và niềm tin. Chúng tôi mua một ít kẹo mút để ngời ăn và chờ chuyến xe lửa sắp tới đi *Hardwar* qua vùng *Bareilly*. Khi đổi tàu ở trạm *Moghul Serai*, tôi nói với *Amar*:

– *Amar*, có lẽ giờ này anh tôi đã kịp thông báo cho các nhà ga về sự ra đi của chúng ta. Nếu người ta có hạch hỏi lời thôi, anh hãy lựa lời mà nói. Dù thế nào tôi cũng không thể nói dối được đâu.

Amar cười đáp:

– *Mukunda*, anh chỉ việc ngồi yên. Chỉ cần anh không cười và không nói gì cả, mọi việc để tôi lo.

Và anh chàng *Amar* này quả cũng ghê gớm thật, vì ngay khi đó anh đã có dịp để trở tài ứng phó ngay trước mặt tôi. Một nhân viên nhà ga người Anh đến trước chúng tôi, đưa cho chúng tôi xem một bức điện tín màu xanh mà tôi có thể đoán ngay ra nội dung của nó. Ông này hỏi tôi:

– Có phải các em bỏ nhà đi vì oán hận gia đình hay không?

Tôi đáp:

– Không.

Và tôi lấy làm sung sướng là câu hỏi vụng về của ông ta đã giúp tôi không phải nói dối.

Ông quay sang *Amar*, nghiêm giọng hỏi:

– Còn người thứ ba đâu?

Chúng tôi đều im lặng. Ông ta hỏi tiếp với giọng đe dọa:

– Các em hãy nói mau và phải nói sự thật.

Amar hết sức bình tĩnh, trả lời bằng một giọng pha chút hóm hỉnh, khôi hài:

– Thưa ông, rõ ràng là ông đang mang kính. Tôi nghĩ là ông có thể thấy rất rõ chúng tôi chỉ có 2 người.

Rồi anh bật cười ranh mãnh và nói tiếp, cho thấy chúng tôi không phải là những người mang tâm trạng của kẻ đang chạy trốn chút nào:

– Tôi xin thành thật cáo lỗi cùng quý ông. Bởi vì tôi không phải là phù thủy, nên không thể có khả năng tạo ra thêm một người thứ ba theo yêu cầu của quý ông được.

Người nhân viên nhà ga có vẻ hoang mang, ông nghĩ rằng mình đã lầm, nhưng còn muốn xác nhận thêm cho chắc chắn. Ông hỏi *Amar*:

– Em tên gì?

– Tôi là *Thomas*. Mẹ tôi người Anh, cha tôi người Ấn theo đạo Thiên Chúa. Còn anh bạn tôi đây là *Thompson*.

Tôi cố nhin hết sức để khỏi bật cười trước câu chuyện bịa đặt của *Amar*. Nhưng may thay lúc đó còi đã rú lên và xe sắp chạy. Người nhân viên hỏa xa

tin rằng mình đã lầm, và ông muốn chuộc lỗi bằng cách đưa chúng tôi đến toa hạng nhất dành riêng cho người Âu. Chờ khi ông ta đã chào tạm biệt một cách lịch sự và mất hút vào đám đông, tôi mới lăn ra cười về câu chuyện cha Ấn mẹ Anh của chàng Amar tinh quái. Anh chàng này cũng rất lấy làm hài lòng thấy mình đã đánh lừa được một nhân viên người Anh chính hiệu.

Bấy giờ, tôi mới nhớ lại nội dung bức điện mà người nhân viên hỏa xa đã đưa cho chúng tôi xem. Trong đó ghi: *“Ba thanh niên Bengal, mặc Âu phục, đi trốn về hướng Hardwar, qua Moghul Serai. Yêu cầu bắt giữ lại chờ tôi đến nơi. Xin hậu tạ.”*

Tôi nghiêm nét mặt, nói với Amar:

– Amar, tôi đã dặn trước anh không được để quên bản thời khắc biểu có ghi lộ trình của chúng ta. Tôi chắc là anh tôi đã tìm thấy bản lộ trình ấy ở đâu đó tại nhà anh rồi.

Amar biết lỗi không nói gì. Chúng tôi im lặng cho đến khi xe lửa dừng ở Bareilly. Dwarka Prasad đang chờ chúng tôi ở ga với bức điện tín của anh tôi trên tay. Anh bạn này cố giữ chúng tôi lại nhưng vô ích. Tôi cho anh biết là đã quyết tâm phải lên tận Hy Mã Lạp Sơn. Anh chàng đành để cho chúng tôi tiếp tục hành trình.



Đêm hôm đó, chúng tôi đang ngủ ngon giấc thì xe lửa dừng ở một ga nhỏ và một nhân viên nhà ga đến đánh thức chúng tôi dậy để gạn hỏi về “*ba thanh niên bỏ trốn*”. Nhưng ông ta nhanh chóng bị Amar thuyết phục bằng câu chuyện “*Thomas và Thompson*”.

Sáng hôm sau, chúng tôi đặt chân lên thị trấn *Hardwar* với tâm trạng của những kẻ chiến thắng. Chúng tôi đã tận mắt nhìn thấy được những ngọn núi hùng vĩ vươn lên chón chở ở phía chân trời. Không bao lâu nữa chúng tôi sẽ tự mình đến được nơi đó.

Chúng tôi đi ra khỏi nhà ga để lặn vào đám đông, và sau đó thì tìm một chỗ thuận tiện để thay bộ Âu phục bằng y phục bản xứ. Không hiểu sao, tôi vẫn có cảm giác là chúng tôi sẽ bị bắt lại.

Chúng tôi trở vào nhà ga và mua vé đi *Rishikesh* ngay. Đây là thị trấn được các vị chân sư xem như một nơi linh địa từ xưa nay. Chúng tôi hy vọng khi đến được đó sẽ thoát khỏi tầm rượt đuổi của anh tôi.

Khi tôi đã bước vào toa xe và Amar còn ở bên dưới, tôi nghe có tiếng gọi của một người cảnh sát. Ông này có đủ thông tin để không bị Amar đánh lừa

với câu chuyện “*cha Ấn mẹ Anh*” của anh ta. Ông đưa cả hai chúng tôi về đồn cảnh sát, lục soát và tịch thu tất cả số tiền còn lại của chúng tôi, rồi thông báo một cách lịch sự là ông có nhiệm vụ phải giữ chúng tôi ở đây để chờ anh *Ananta* đến. Chuyến đi Hy Mã Lạp Sơn lần thứ hai này của tôi xem như chấm dứt tại đây, khi mà những đỉnh núi tuyết hùng vĩ đã nằm trong tầm mắt!

Trong thời gian chờ đợi, người cảnh sát hỏi chúng tôi về mục đích của chuyến đi. Sau khi nghe chúng tôi trình bày, ông bèn kể cho chúng tôi nghe một câu chuyện như để bù đắp lại trở ngại mà ông đã buộc phải gây ra cho chúng tôi vì nhiệm vụ:

– Các anh mong muốn tìm gặp một vị chân sư đắc đạo nên mới trốn nhà ra đi một cách táo bạo như thế. Nhưng tôi tin là các anh sẽ không bao giờ gặp được vị chân sư nào đáng kính phục hơn là người tôi vừa gặp hôm qua đây, tại chính thành phố này.

Ông ta dừng lại một chút, như để chúng tôi kịp hiểu ra những gì ông vừa nói. Rồi ông chậm rãi kể tiếp:

– Cách đây năm hôm, chúng tôi đang truy nã một kẻ sát nhân trên con đường dọc theo bờ sông Hằng. Chúng tôi được biết tên này đã cải trang thành một tu sĩ để cướp tài sản của những người hành hương.

Chúng tôi phát hiện một tu sĩ có hình dáng giống như người mà chúng tôi được mô tả để truy bắt. Chúng tôi đuổi theo từ xa và ra lệnh cho ông ta dừng lại. Nhưng ông vẫn điềm nhiên bước đi một cách thanh thản như không hề nghe thấy tiếng chúng tôi. Chúng tôi liền dốc sức đuổi theo, và khi đuổi kịp thì chính tôi đã dùng thanh đoản kiếm của mình chém ông ta một nhát tận lực. Ông đưa tay đỡ, và nhát kiếm cắt sâu vào cánh tay, máu tuôn xối xả. Người tu sĩ không hề kêu la tiếng nào, vẫn thản nhiên tiến bước với gương mặt bình thản như không có gì xảy ra. Chúng tôi vây lấy ông ta và buộc ông phải dừng lại. Ông nhìn thẳng vào mắt tôi và nói, giọng từ tốn: “Ông đã lầm rồi, tôi không phải kẻ giết người mà các ông đang tìm kiếm.” Ánh mắt và giọng nói của người khiến cho tôi biết chắc là mình đã lầm. Vô cùng hối hận vì đã đả thương một người vô tội, lại là một tu sĩ thánh thiện, tôi phủ phục quỳ xuống xin sám hối với ngài. Tôi cũng xé chiếc khăn bịt đầu của mình để băng lại vết thương cho ngài. Như hiểu được tâm trạng ân hận đau đớn của tôi, vị tu sĩ liền nói một cách từ hòa: “Này con, lỗi lầm của con hoàn toàn không cố ý. Con hãy đi đi, và đừng tự trách mình nữa. Chư Phật từ bi sẽ gia hộ cho con.” Nói rồi, người đưa tay kia đặt vào vết thương. Điều kỳ diệu đã xảy ra ngay trước mắt tôi. Máu lập tức ngừng chảy, và vết cắt sâu trên da liền lại như cũ. Người lại nói: “Để xóa tan sự ân hận

trong lòng con, ba ngày sau con hãy trở lại nơi đây, dưới tán cây đầng kia. Ta sẽ chứng tỏ cho con thấy là ta đã hoàn toàn bình phục và con không có gì phải lo lắng cho ta.”

Viên cảnh sát dừng lại, vẻ đăm chiêu. Dường như ông vẫn còn chưa hết tâm trạng bàng hoàng trước một sự việc kỳ diệu đã xảy ra trước mắt mình. Ông nói tiếp:

– Chiều hôm qua, tôi và một người bạn cùng trở lại nơi ấy. Và vị tu sĩ đang ngồi tọa thiền dưới tán cây đã hẹn. Ông đưa cho chúng tôi xem chỗ vết chém. Quả thật, vết thương chẳng những đã lành hẳn mà thậm chí chúng tôi còn không thể tìm thấy cả một vết sẹo nữa. Thật là một chuyện không thể nào tin được nếu không tận mắt chứng kiến. Sau đó, người chia tay chúng tôi và đi về hướng *Rishikesh* để lên Hy Mã Lạp Sơn.

Viên cảnh sát kết thúc câu chuyện:

– Cuộc gặp gỡ lạ kỳ này đã làm tôi thay đổi nhiều lắm. Tôi có cảm tưởng như mình đã trở nên một người hoàn toàn khác hẳn.

Tôi cũng rất vui khi nghe ông ta nói thế. Và tin chắc rằng với tâm hướng thượng mạnh mẽ hơn, ông ta sẽ làm được nhiều điều tốt đẹp hơn nữa trong cuộc đời mình.

Amar và tôi cũng thấy thất vọng vì không có may mắn để được gặp gỡ vị tu sĩ thánh thiện ấy, người đã có đủ từ tâm để tha thứ hoàn toàn cho kẻ đã làm hại mình. Nhưng chúng tôi cũng thấy có phần tự hào khi nghĩ về đất nước của mình, mặc dù nghèo nàn về vật chất từ bao đời nay, nhưng lại có một kho tàng tâm linh phong phú bất tận, và ngay cả một viên cảnh sát làm nhiệm vụ trừ gian diệt bạo cũng có dịp gặp gỡ được bậc thánh nhân phi phàm xuất chúng.

Tôi ngỏ lời cảm ơn viên cảnh sát vì đã cho chúng tôi nghe một câu chuyện ly kỳ nhưng có thực, làm củng cố niềm tin của chúng tôi. Về phần ông ta, ông cũng rất lấy làm tự hào vì đã may mắn hơn chúng tôi rất nhiều. Ông không cần phải lặn lội lên tận những hang sâu động vắng của Hy Mã Lạp Sơn quanh năm lạnh giá, mà vẫn gặp được một bậc chân sư hiền thánh. Còn chúng tôi, mất bao công sức lặn lội đường xa, cuối cùng giờ đây lại chỉ đến được nơi đồn cảnh sát!

Tuy nhiên, có một điều mà viên cảnh sát này có lẽ còn không sao hiểu được. Đó là việc gặp gỡ một bậc thánh và đi theo con đường của bậc thánh là hai chuyện cách nhau khá xa!

Giờ đây, trong tình trạng bị bắt giữ, chúng tôi vừa gần mà lại vừa xa Hy Mã Lạp Sơn. Tôi chợt nảy ra ý

trốn thoát và đi bộ lên núi, nhưng *Amar* không tán thành. Anh nói:

– Thứ nhất, chúng ta không còn tiền bạc. Thứ hai, đi bộ xuyên qua rừng già là cực kỳ nguy hiểm. Chúng ta có thể không đến được đất thánh mà không khéo sẽ chui vào bụng cọp mất.

Và cái nhuệ khí cuối cùng của tôi cũng chỉ đến đó mà thôi!

Ba ngày sau, anh *Ananta* và người anh của *Amar* tìm đến nơi. *Amar* hồn nhiên vui vẻ khi gặp anh mình. Ít gì thì chúng tôi cũng đã bị giam giữ đến mấy ngày liền, một chuyện mà từ nhỏ chưa từng xảy ra. Nhưng tôi không thể nào vui được, và tỏ ý giận anh tôi ra mặt. Anh an ủi tôi:

– Anh hiểu tâm trạng của em. Chỉ cần em theo anh đến *Bénarès* gặp một người quen, rồi về *Calcutta* thăm cha mấy ngày. Sau đó em có thể tự do ra đi tìm thầy.

Amar nói cho tôi biết là anh ta không còn nuôi ý tưởng tâm sư học đạo nữa. Sau chuyến đi đầy lo lắng này, anh thấy quý giá bầu không khí sum họp gia đình và không còn muốn rời xa dù là để làm gì.

Nhưng tôi thì khác. Tôi vẫn không hề từ bỏ ý định tâm sư học đạo, nhưng giờ đây tôi vẫn phải nghe theo lời anh *Ananta* và đi đến *Bénarès*.



Anh *Ananta* đã sắp đặt trước một mưu kế khá hoàn hảo, chu đáo. Trước khi đến chỗ chúng tôi, anh đã ghé qua *Bénarès* và thu xếp với một học giả uyên thâm nổi tiếng. Ông này và con trai ông đồng ý giúp anh tôi thuyết phục tôi từ bỏ ý định bỏ nhà ra đi xuất gia.

Khi chúng tôi đến, người con trai đón tôi từ ngoài sân với thái độ niềm nở, và chủ động đưa tôi vào một cuộc thảo luận vòng vo đầy tính chất triết lý. Anh chàng này rất tự tin trong việc sẽ thuyết phục tôi từ bỏ ý muốn xuất gia. Chẳng những đưa ra nhiều lập luận, mà anh ta còn pha chút hàm ý đe dọa:

– Người trốn tránh những trách nhiệm thông thường hằng ngày của gia đình không thể đạt được đạo lý cao siêu, và chắc chắn sẽ gặp nhiều tai họa trong cuộc sống. Làm sao anh có thể vượt qua nghiệp quả khi anh không có đủ kinh nghiệm sống trong cuộc đời?

Tôi quyết định không tranh cãi với anh ta, mà suy nghĩ để đối chiếu lời anh ta nói với những điều đã đọc thấy trong kinh sách. Tôi nhớ lại một đoạn trong kinh *Bhagavad*: “*Dù là một người tội lỗi nhất, nếu biết quay về quy kính sẽ được xem như một kẻ làm lành, vì ngay khi ấy quả là người đã làm lành. Người*

sẽ biết được những gì nên làm và thẳng tiến đến an lạc. Nay tín hữu, những ai thành tâm quy kính sẽ được trường tồn bất tử.”

Mặc dù vậy, những lập luận chặt chẽ của anh ta đã tác động phần nào đến tâm hồn còn non trẻ của tôi. Tôi liền cầu nguyện với tất cả lòng chí thành: *“Cầu xin chư Phật hãy gia hộ, xóa tan sự nghi ngờ trong con. Hãy giúp con thấy rõ được con đường đúng đắn nhất, con sẽ là người xuất gia hay nên đi theo con đường thế tục.”*

Vừa khi ấy, cách khoảng sân mà chúng tôi đang đứng nói chuyện không xa lắm, tôi nhìn thấy một vị tu sĩ tướng mạo uy nghi đang chậm rãi bước đi về phía tôi. Tôi bước ra khỏi sân và rảo bước về phía người. Vị tu sĩ nhìn tôi với ánh mắt hiền hòa nhưng rực sáng, và nói như thể người đã nghe hết những gì tôi và người thanh niên kia đang trao đổi:

– Nay con, đừng tin theo lời kẻ ngu dốt ấy. Ta đến đây chỉ để nói cho con biết rằng, với tất cả những thiện nghiệp đã gieo trồng từ muôn kiếp, con sẽ đi theo con đường xuất gia mà không ai có thể ngăn cản được.

Với một niềm tin vững chắc vào lời cầu nguyện của mình, tôi cảm thấy hầu như không có gì ngạc nhiên trước sự xuất hiện bất ngờ đúng lúc của vị tu

sĩ. Tôi cung kính cúi chào người và nở một nụ cười thỏa mãn.

Ngay lúc ấy, “*kẻ ngu dốt*” từ trong sân nhà gọi tôi:

– Đứng lại gần người ấy.

Vị tu sĩ không nói gì thêm, ung dung bước đi.

Khi tôi trở lại, ông học giả từ trong nhà bước ra đã nhìn thấy mọi chuyện. Ông đưa ra một nhận xét hết sức “*lịch sự*”:

– Người tu sĩ ấy cũng điên rồ không kém gì anh đâu. Ông ta chắc hẳn cũng đã từ bỏ gia đình để chạy theo những chuyện viển vông không thực tế.

Tôi không muốn bị lôi cuốn vào sự tranh luận, nên chỉ quay sang nói nhỏ với anh *Ananta* là tôi không muốn trò chuyện thêm nữa. Anh tôi đành phải miễn cưỡng từ biệt, và chúng tôi thẳng ra ga xe lửa để về *Calcutta*.



Trên đường đi, tôi hỏi *Ananta*:

– Này nhà thám tử, anh làm thế nào mà biết em đã đi với 2 người bạn?

Ananta cười, vẻ khoái chí:

– Khi đến trường, anh nghe nói *Amar* rời khỏi lớp và không trở lại. Anh liền đến ngay nhà *Amar* và tìm thấy một bản báo giờ của xe lửa, trên đó có đánh dấu lộ trình các em sẽ đi qua. Cha của *Amar* khi ấy đang chuẩn bị đi đâu đó bằng xe ngựa. Ông nói với người phu xe bằng giọng rên rỉ: “Sáng nay con tôi không đến trường, nó đã mất tích và tôi không thể đoán được là nó có thể đi đến đâu.” Người phu xe đáp: “Một người bạn tôi nói là đã đưa con ông và hai người bạn khác mặc Âu phục ra ga xe lửa. Họ đã bỏ lại mấy đôi giày da cho anh ta trước khi lên xe lửa tại ga *Howrah*.” Vì thế, anh biết là bọn em có 3 người, mặc Âu phục và sẽ đi theo lộ trình đã đánh dấu trên bảng báo giờ của xe lửa.

Tôi lắng nghe *Ananta* với tâm trạng vừa thán phục vừa bức dọc. *Ananta* vẫn thản nhiên nói tiếp:

– Cách giải quyết vấn đề của anh cũng đơn giản thôi. Trước tiên, anh điện báo ngay cho những ga xe lửa mà các em sẽ đi qua, để nhờ họ giữ các em lại. Vì *Bareilly* cũng nằm trên tuyến đường, nên anh cũng báo cho bạn em ở đó là *Dwarka*. Ngay sau đó, anh dò biết được *Jatinda* cũng đã mất tích vào cùng ngày, nhưng sáng hôm sau đã về nhà với bộ Âu phục. Không khó khăn lắm để biết rằng anh ta chính là người thứ ba trong nhóm. Anh liền đến nhà, phớt lờ đi mọi việc và chỉ mời anh ta đi ăn cơm tối. *Jatinda*

không nghi ngờ gì, nhận lời cùng đi với anh ngay. Thay vì đến tiệm ăn, anh bất ngờ đưa anh ta vào đồn cảnh sát, với sự sắp xếp trước với viên trưởng đồn để đưa ra những người có dáng vẻ hung tợn nhất nhằm hù dọa anh ta. *Jatinda* không phải đứa gan dạ cho lắm, nên chỉ qua vài câu quát tháo là khai tuột ra tất cả: “Tôi nghe lời thuyết phục của *Mukunda* và cảm thấy bị hấp dẫn mạnh mẽ bởi ý tưởng tìm thầy học đạo trên dãy Hy Mã Lạp Sơn. Nhưng khi nghe *Mukunda* nói về viễn ảnh những con cọp bị chúng tôi chinh phục bằng đạo lực sẽ ngoan ngoãn đến gần như những con mèo, tôi bỗng thấy khiếp sợ. Tôi nghĩ, nếu như sự tu tập của tôi chưa được trọn vẹn, chưa đủ sức để cảm hóa những con vật hung dữ ấy thì điều gì sẽ xảy ra? Tôi sợ rằng chúng sẽ chẳng chịu nuốt gọn tôi vào bụng cho êm ả, mà còn xé nhỏ ra từng mảnh nữa. Nghĩ vậy, tôi thấy bủn rủn cả tay chân nên liền tìm cách nói dối *Mukunda* và *Amar* để trốn về.”

Nghe *Ananta* kể đến đây, tôi không nhịn được phải bật cười. Và những nỗi oán giận đối với *Jatinda* bỗng chốc tiêu tan đi mất. Hóa ra anh ta không chủ tâm phản bội chúng tôi, mà chỉ vì không vượt qua được sự nhút nhát của chính bản thân mình. Tuy nhiên, phải thú thật là tôi có phần khoái chí khi nghe biết anh chàng cũng đã phải vào đồn cảnh sát, không hơn gì bọn tôi.

Tôi nói với anh *Ananta*, nửa đùa nửa thật:

– Này anh, anh quả thật có đủ tài năng và bản chất của một con chó săn đấy.

Ananta không cho câu ấy là xúc phạm. Anh chỉ nhìn tôi và cười lớn.



❧ Khi chúng tôi đến *Calcutta*, cha tôi không trách mắng tôi một lời nào về chuyện đã qua. Ông chỉ khuyên tôi hãy dần lòng trong ít lâu, cho đến khi học xong bậc trung học. Ngoài ra, người cũng đã tìm được cho tôi một vị thầy uyên bác là đại đức *Kebalā*. Ngài đã hứa là sẽ thường xuyên đến nhà để giúp cho việc học của tôi. Tuy nhiên, dụng ý chính của cha tôi là muốn ngài dạy tôi môn tiếng Phạn.

Đại đức *Kebalā* là một vị học giả uyên thâm, hiểu biết rất rộng. Cha tôi hy vọng là ngài sẽ trở thành vị thầy lý tưởng của tôi, và nhờ đó xóa tan đi lòng khao khát ra đi tìm thầy học đạo.

Nhưng ý định của cha tôi đã không được đi theo đúng hướng. Thay vì làm cho tôi choáng ngợp đi với kiến thức uyên bác của ngài, để tôi trở thành một người đệ tử hết lòng vâng theo lời ngài chỉ dạy, thì đại đức *Kebalā* lại chỉ cố gắng nâng cao hơn nữa niềm tin và ý chí của tôi, động viên tấm lòng khát khao chân lý của tôi nhiều hơn nữa.

Đại đức *Kebalā* là một bạn đồng sư của cha tôi, tức là đệ tử của thầy *Lahiri Mahāsaya* ở *Bénarès*. Trong số hàng ngàn đệ tử được xem là hết lòng cầu đạo với tôn sư *Lahiri Mahāsaya*, đại đức *Kebalā* vẫn được tôn sư hết sức chú ý và khen ngợi.

Ngài có một khuôn mặt đẹp, với những lọn tóc quăn đen huyền và phủ xuống tận vai. Những cử chỉ và dáng vẻ đi đứng của ngài đều bộc lộ một tâm hồn rắn rỏi và dũng mãnh. Tuy vậy, ngài nói năng từ tốn, khả ái, với sự thuyết phục người nghe đôi khi không chỉ bằng vào nội dung lời nói. Đôi mắt sáng tinh anh và tiềm ẩn những nét ngây thơ như trẻ con, nhưng cũng hàm chứa trong đó sức sống mãnh liệt không gì khuất phục được. Ngài không những chỉ đến để chỉ dạy cho tôi, mà thực tế chúng tôi dành rất nhiều thời gian để cùng nhau thực hành môn thiền định.

Không những am tường về Phật giáo, đại đức *Kebalā* còn tinh thông cả những kinh điển cổ xưa của đạo *Bà-la-môn* và Ấn giáo. Trong thời gian học với ngài, tôi tiến bộ rất nhanh về mọi mặt, ngoại trừ môn tiếng Phạn. Tôi cố tìm mọi lý do để tránh né việc phải mất thời gian cho môn học này, và thay vì vậy, chúng tôi quay sang nói chuyện về vị thầy *Lahiri Mahāsaya* quá cố. Thật tình tế là đại đức *Kebalā* hoàn toàn hiểu được ý tôi, và ngài cũng không có chút nỗ lực nào trong việc ép buộc tôi học môn tiếng Phạn.

Đại đức *Kebalā* đã từng sống bên thầy *Lahiri Mahāsaya* ở *Bénarès* trong hơn mười năm. Ngài thường kể cho tôi nghe về thời gian đó như là quãng đời giá trị nhất của ngài. Đại đức nói:

– Thầy tôi thường ở trong một căn phòng nhỏ trên lầu. Người ngồi thiền trên một chiếc ghế gỗ và mỗi ngày đều có một số đệ tử đến ngồi thiền chung quanh ngài. Khi người nhập định, chúng tôi đều có thể cảm nhận được là người đang an trụ trong cảnh giới an lạc vô biên, và mỗi người đệ tử chúng tôi như đều được tắm trong ánh sáng an lạc tỏa ra từ bản thân ngài. Rất ít khi chúng tôi được nghe người trò chuyện. Nhưng bất cứ khi nào mà ai đó trong chúng tôi gặp khó khăn, người đều rõ biết và dành cho những sự ưu ái, giúp đỡ cần thiết và đúng lúc. Khi ánh mắt nhân từ của người chú mục vào ai đó trong một buổi ngồi thiền, chúng tôi hiểu rằng người đã đọc thấu tư tưởng và biết là anh ta có chuyện gì đó cần đến sự giúp đỡ của người. Được sống gần người là cả một ân huệ lớn lao cho mỗi người. Đôi khi chúng tôi không trao đổi với nhau lời nào, nhưng đạo hạnh của người lan tỏa và thấm nhuần vào tất cả chúng tôi. Tâm hồn chúng tôi cảm thấy được một sự che chở, tin cậy tuyệt đối. Và chúng tôi thực hành thiền định với những kết quả không ngờ trước, những kết quả mà khi không có người chúng tôi không sao đạt

được. Rõ ràng sự thuyết giảng của ngài không chỉ giới hạn trong lời nói, mà bằng cả sự an lạc tột cùng ngài ban phát cho chúng tôi một cách hào phóng không giới hạn.

Những lúc trò chuyện như thế, vẻ mặt đại đức *Kebalā* dường như sáng rõ lên khác thường. Tôi có thể hiểu được là ông đang sống lại những giây phút quý giá của ngày xưa, và thậm chí đang cảm nhận được sự tồn tại của thầy *Lahiri Mahāsaya* vào lúc này, khi ông tưởng nhớ đến ngài. Đại đức bảo tôi:

– Thầy *Lahiri Mahāsaya* không phải là một học giả uyên bác. Ngài không mất thì giờ học hỏi về các thứ kinh sách không thuộc về phạm vi tu tập của mình. Tuy nhiên, những điều ngài am hiểu đối với chúng tôi đã dường như là đại dương mênh mông không giới hạn. Ngài không bao giờ tự mình khoe khoang hay khuyến khích người khác theo đuổi việc học tập kinh sách theo kiểu giáo điều và thiếu sự thực hành. Tôi nhớ có lần người ta đến hỏi ngài về một số trạng thái của tâm thức được ghi trong kinh sách. Ngài đã nói thật chân thành không chút e ngại: “*Hôm nay tôi sẽ thực hành những trạng thái tâm thức ấy. Và sau đó tôi sẽ nói về nó cho quý vị nghe.*” Qua đó, chúng tôi hiểu thêm về vị thầy của mình. Ngài không bao giờ đặt niềm tin mù quáng vào những điều ghi trong sách vở, và càng không bao giờ

đem những giáo lý mà mình chưa thực nghiệm ra để giảng dạy cho học trò. Tôi còn nhớ rất rõ lời dạy của ngài: “*Những tên gọi chỉ là lớp vỏ bọc bên ngoài của sự vật. Chân lý phải được thể nghiệm bằng chính công phu thực hành thiền định, không thể bằng vào sự phân tích, chia chẻ ngôn từ.*” Ngài thường khuyên chúng tôi thực hành môn thiền định như một phương thuốc thần kỳ để đối trị hết thảy tất cả các bệnh khổ của thế gian, cho dù đó là những nỗi khổ về vật chất hay tinh thần.

Khi ấy tôi hỏi đại đức *Kebalā* về việc thầy *Lahiri Mahāsaya* đã nói thế nào về việc tu tập thiền định. Đại đức đáp rằng:

– Thầy *Lahiri Mahāsaya* rất coi trọng việc thực hành thiền định. Ngài dạy chúng tôi phải kiên trì theo đuổi bằng sự nỗ lực thực hành. Ngài nói: “Ngay cả khi tôi không còn nữa, pháp môn thiền định này cũng sẽ phát huy hiệu lực của nó và giúp cho quý vị vững vàng tiến lên. Những gì mà pháp môn này mang lại sẽ không bao giờ có thể trở nên khô cạn hoặc nhàm chán, điều vẫn xảy ra với tất cả những giáo lý nào được truyền dạy mà không có sự thực hành. Và xin quý vị nhớ cho, sức mạnh của pháp môn thiền định chính là nằm ở sự thực hành.”

Những gì đại đức *Kebalā* kể cho tôi nghe không chỉ đơn thuần là một câu chuyện kể. Hơn thế nữa, đó

là những bài học vô giá mà tôi ghi khắc mãi trong suốt cuộc đời mình.

Một ngày kia, đại đức *Kebalā* kể cho tôi nghe một chuyện mà chính ngài đã từng chứng kiến:

– Trong số huynh đệ chúng tôi, có sư huynh *Ramu* là người khiến cho tất cả chúng tôi đều cảm động và thương xót. Sư huynh bị mù từ khi lọt lòng mẹ, nhưng là người hết lòng tận tụy hầu hạ thầy một cách chân thành, sùng kính. Sư huynh tự đan lấy những cái quạt bằng lá, và dùng nó để quạt cho thầy những khi nóng bức. Một hôm, tôi theo sư huynh lúc anh vừa ra khỏi phòng thầy và nói: “Này sư huynh *Ramu*, sao anh không cầu xin sư phụ cứu sáng đôi mắt cho anh. Ngài là bậc chứng ngộ toàn năng, ngài sẽ ban cho anh ân huệ được nhìn thấy ánh sáng của cuộc đời này.” *Ramu* ngẩn người suy nghĩ trong một lúc, và tôi biết là huynh ấy tin lời tôi. Hôm sau, *Ramu* rụt rè tiến đến gần thầy sau buổi tọa thiền. Anh nói: “Bạch thầy, con rất xấu hổ phải cầu xin thầy một ân huệ về thể chất, vì thầy đã ban cho con quá nhiều ân huệ tinh thần. Nhưng ánh sáng mặt trời đang tràn ngập cả thế gian này mà con thì không hề nhìn thấy. Xin thầy hãy ban cho con đôi mắt sáng, để con được chiêm ngưỡng sự mầu nhiệm của vũ trụ này.” Đức tôn sư từ hòa đáp lại: “*Ramu*, chắc có ai đó đang định làm khó cho thầy. Con biết đấy, thầy không có

quyền năng chữa bệnh cho ai cả.” *Ramu* nói: “Bạch thầy, con tin là Phật tánh thiêng liêng mà thầy đã chứng ngộ có thể làm được điều đó.” Thầy *Lahiri Mahāsaya* cười hiền hậu và nói: “Nếu con tin như thế thì đó lại là một chuyện khác.” Rồi ngài nghiêm sắc mặt, dùng tay điểm nhẹ nơi trán của *Ramu*, nơi chỗ giữa hai chân mày và nói: “Con hãy tập trung tư tưởng vào điểm này, và chú tâm niệm danh hiệu đức Phật *A-di-đà* trong bảy ngày. Sau đó con sẽ được nhìn thấy ánh sáng chói lọi của mặt trời.” Một tuần lễ sau, quả nhiên *Ramu* được sáng mắt. Lòng tin của anh ta cùng với sự gia hộ của chư Phật thông qua đức tôn sư đã được ứng nghiệm.

Để kết thúc câu chuyện, đại đức *Kebalā* nói:

– Trong suốt cuộc đời ngài, tôn sư đã ban sự an lành cho không biết bao nhiêu xác thân bệnh hoạn, khổ não, chỉ bằng vào tấm lòng từ bi vô hạn của ngài. Nhưng những xác thân ấy, dù sao rồi cũng chỉ đi đến một kết cục chung là tan rã thành tro bụi. Điều đáng kể hơn chính là hạt giống tỉnh thức, từ bi mà ngài đã gieo vào tâm hồn mỗi người, vì nó sẽ tồn tại và lớn lên không ngừng qua nhiều thế hệ tiếp nối sau nữa.

Tôi hoàn toàn đồng ý với kết luận sâu sắc của đại đức *Kebalā*. Và cũng chính từ sự đồng cảm giữa chúng

tôi như thế mà tôi không bao giờ học giỏi môn tiếng Phạn như cha tôi mong muốn. Thay vì vậy, đại đức *Kebalā* đã dạy cho tôi nhiều hơn về những ngôn ngữ ẩn mật của tâm hồn.

CHƯƠNG V

NGƯỜI ĐÁNH CỌP

Một hôm, người bạn học cùng lớp của tôi là *Chandi* lấy làm hân hoan mà thông báo với tôi điều này:

– *Mukunda*, tôi đã có địa chỉ của vị tu sĩ ngày xưa từng đánh cọp. Nếu anh muốn, ngày mai chúng ta sẽ cùng đi đến đó.

Tất nhiên là tôi đồng ý ngay. Thậm chí tôi còn cảm thấy nôn nóng, phấn khích đến tưởng như không thể chờ đợi nổi cho đến hôm sau.

Hôm ấy trời giá lạnh, nhưng chúng tôi không hề ngần ngại lúc ra đi. Mặc dù *Chandi* bảo là đã có được địa chỉ, nhưng đó chỉ là một địa chỉ khá mơ hồ ở khu *Bhowanipur*, ngoại ô *Calcutta*. Chúng tôi phải tìm kiếm khá lâu và vất vả trước khi đến được nơi cần đến.

Ngoài cửa nhà có treo những chiếc vòng sắt để thay cho chuông cửa. Chúng tôi khua những chiếc vòng ấy một cách âm ĩ, theo đúng với bầu máu nóng

nhiet tình của tuổi thiếu niên và tâm trạng nôn nóng sau một thời gian dài tìm kiếm. Một người giúp việc già nua chậm rãi đi ra mở cửa. Ông nhìn chúng tôi với một nụ cười nửa mép, và hơi lắc đầu nhẹ nhẹ, như thể muốn nói cho chúng tôi biết rằng những tiếng động inh ỏi kia cũng không thể làm mất đi sự yên tĩnh cố hữu của nơi này.

Chúng tôi hiểu được ý nghĩ ấy của ông già, và thấy có phần hổ thẹn về thái độ của mình. Vì thế, khi được mời vào phòng khách, chúng tôi đi rón rén thật nhẹ nhàng và cố giữ thái độ nghiêm trang, từ tốn.

Tại đây, chúng tôi phải trải qua một thời gian chờ đợi tưởng chừng như có đến hàng thế kỷ... nghĩa là đủ để làm cho sự nôn nóng của chúng tôi bị đẩy lên thành sự căng thẳng cực độ. Nhưng hơn ai hết, tôi hiểu cái cổ tục này của xứ Ấn, người đi cầu tìm chân lý trước hết phải học biết sự kiên nhẫn, vì rất nhiều bậc chân sư dùng điều kiện này để thử thách kẻ đến tìm mình.

Cuối cùng, ông già giúp việc cũng xuất hiện và đưa chúng tôi sang một gian phòng khác nhỏ hơn. Vị tu sĩ tên *Sohong Swami*, người mà chúng tôi muốn tìm, đang ngồi xếp bằng trên giường, mình vận duy nhất chỉ có một tấm chăn, hay nói đúng hơn là một

tấm da cạp. Thân hình để trần của ông lực lưỡng đến mức độ tôi chưa từng thấy ai có một thân hình tương tự như thế: to lớn và rắn chắc, bắp thịt cuộn cuộn nổi lên, cổ và vai đều to và đầy đặn. Ông để tóc dài xuống đến vai và một bộ râu đen nhánh. Khuôn mặt thoảng nụ cười hiền hòa, an lạc trong ánh mắt, nhưng vẫn còn phảng phất nét hung tợn, dữ dằn với các nếp gấp sâu và màu da nâu sạm.

Chúng tôi cúi chào và đứng yên lặng một lúc lâu bên cạnh ông. Sau đó, chúng tôi phá tan sự im lặng và nói với ông lý do chuyến viếng thăm của mình. Chúng tôi bày tỏ lòng khâm phục với những gì đã được nghe về ông, và rất mong sẽ được ông vui lòng trả lời một số câu hỏi liên quan đến việc ông trở thành một tu sĩ.

Trong khi trò chuyện, tôi có cảm giác ông hiểu chúng tôi nhiều hơn những gì chúng tôi đã tự nói ra, vì cung cách cởi mở mà ông dành cho chúng tôi, cũng như những chi tiết ông đề cập đến trong cuộc nói chuyện, quả thật có rất nhiều điều tôi muốn biết nhưng lại quên không nhắc đến.

Bạn tôi hỏi:

– Thưa ông, bằng cách nào mà ông đã chiến thắng con thú dữ tợn nhất rừng già, con cạp xám ở *Bengal*, mà chỉ với hai bàn tay không?

Ông cười hiền hậu và nói:

– Nhiều người vẫn tưởng đó là chiến thắng anh dũng nhất trong đời tôi, vì đó là con cọp cuối cùng mà tôi đánh, cũng là con cọp hung bạo nhất và gây thương tổn cho tôi nhiều nhất, nhưng rồi tôi vẫn hạ được nó. Tuy nhiên, giờ đây đối với tôi việc ấy chỉ là một trò chơi đã qua. Tôi sẽ không có hứng thú lặp lại những trò như thế nữa. Và chiến công hiển hách nhất của tôi không phải là việc đánh cọp, mà là việc chiến thắng chính bản thân mình.

Bạn tôi há hốc mồm kinh ngạc khi nghe câu trả lời này. Riêng tôi, tôi có thể hiểu được phần nào điều ông nói về việc tự thắng bản thân, vì đã nhiều lần tôi được nghe các bậc thầy khác cũng nhắc nhở như thế. Tuy nhiên, xem việc hạ gục con cọp xám *Bengal* đã khiến ông lừng danh khắp nước chỉ như một trò chơi thì tôi không tưởng tượng nổi. Lẽ nào ông ta không chút tự hào về thành tích có một không hai đó của mình?

Như hiểu thấu được suy nghĩ của hai chúng tôi, vị tu sĩ nở một nụ cười hồn nhiên và nói một cách giản dị:

– Đối với các em, cọp là một con thú dữ ghê gớm. Nhưng đối với tôi, con cọp chẳng qua cũng chỉ là một giống mèo lớn mà thôi!

Tôi nói:

– Thưa ngài, tôi có nghe về chuyện người ta có thể dùng tự kỷ ám thị để xem rằng con cọp chỉ là một con mèo, và như thế họ có thể nhìn vào con cọp mà không sợ hãi. Vấn đề ở đây đối với ngài là, ngài không chỉ nhìn vào con cọp, mà ngài đánh nhau với nó. Như vậy, dù ngài có nghĩ nó là con mèo, tôi e là bản thân nó không nghĩ như thế.

– Đúng vậy, và vì thế sức mạnh là điều cần thiết. Tôi xem con cọp giống như con mèo, điều đó hoàn toàn không do tự kỷ ám thị, mà vì tôi có sức mạnh vượt trội hơn nó.

Ông đứng dậy và lặng lẽ tiến ra hành lang. Chúng tôi đi theo ông. Đến gần một bức tường gạch cũ, ông đưa nắm đấm thẳng vào tường. Với cử chỉ ung dung có vẻ như không hề gắng sức của ông, vách tường đã thủng ngay một lỗ. Chúng tôi nhìn rõ vụn gạch rơi xuống và khoảng trống hiện ra bên kia vách tường. Và chúng tôi hiểu rõ ngay những lời ông nói. Quả thật, với một nắm đấm như thế thì con cọp dữ đối với ông chỉ là một con mèo, vì ông có thể dễ dàng đấm gãy quai hàm nó chỉ với bàn tay không như thế.

Ông nhìn chúng tôi và nói tiếp về chuyện đánh cọp:

– Sức mạnh là cần thiết. Tuy nhiên vẫn chưa đủ và chưa phải là yếu tố chính yếu. Nhiều người khác cũng có sức mạnh như tôi nhưng họ thiếu sự bình tĩnh. Việc đánh nhau với một con cạp dữ của rừng xanh hoàn toàn khác hẳn với những con cạp trong gánh xiếc đã bị người ta thuần hóa bằng thuốc phiện. Bản chất dữ tợn của nó còn tăng lên rất nhiều nếu như nó đã bị người ta bắt giữ lại và bỏ đói một thời gian ngắn. Điều bất lợi lớn nhất trong cuộc chiến đấu này là: cạp chẳng bao giờ sợ người, nó vẫn xem đó chỉ là một con mồi yếu ớt chờ đợi bị xé xác ra để đánh chén ngon lành. Vì thế, nó sẽ càng hung bạo và lạnh lệ hơn nhiều nếu như đang cơn đói. Nó cần chiến thắng để no bụng. Ngược lại, người ta dù có sức mạnh vẫn thường có tâm lý lo sợ. Và nếu sự sợ hãi làm anh ta mất đi sự bình tĩnh, thì khi đó sự chiến bại dưới vuốt cạp xem như là cầm chắc. Tôi luôn luôn chiến thắng trước hết là nhờ vào tinh thần, ý chí. Bằng cách đó, tôi buộc những con cạp đối mặt với tôi phải khiếp sợ và có thái độ của một con mèo.

Những điều vị tu sĩ đang nói dường như khá quen thuộc với những gì tôi đã được biết về sức mạnh tinh thần của con người. Vì thế, tôi không chút nghi ngờ khi nghe ông giải thích về phương thức chiến thắng của mình. Đến đây, có vẻ như ông bắt đầu cho chúng

tôi một bài giảng về một chủ đề chung, không chỉ là chuyện đánh cọp:

– Tinh thần chính là ông chủ điều khiển thể xác, hay nói cụ thể hơn là các bắp thịt. Một nhất kiếm có sức mạnh tùy thuộc vào nghị lực của người cầm kiếm. Nói cách khác, sức mạnh của thể xác, hay là cái khí cụ vật chất của chúng ta, tùy thuộc vào lòng can đảm và ý chí đấu tranh. Tinh thần nuôi dưỡng sức mạnh thể xác, và cũng uốn nắn nó theo với bản chất của mình. Những tính chất mạnh mẽ hay yếu đuối trải qua nhiều đời dần dần thâm nhập vào tâm thức của mỗi chúng ta, và rồi biểu lộ ra ngoài thành những thói quen, những thói quen này tạo thành một thể xác khỏe mạnh hay yếu đuối... Vì thế, những điều này xét cho cùng đều do chúng ta tự tạo lấy, không phải là một ân huệ trời ban cho như nhiều người lầm tưởng. Sự yếu đuối của thể xác vốn bắt nguồn từ nơi tinh thần. Rồi chính sự yếu đuối ấy, vốn hình thành từ nơi tập quán, thói quen, trở lại ngăn cản sự hoàn thiện hay hướng thượng của tinh thần. Và cái vòng luẩn quẩn này kéo dài mãi mãi theo hướng chìm người ta vào chỗ yếu ớt, trụy lạc. Khi chủ nhân tinh thần không ý thức được vai trò của mình, như hầu hết người ta đều như thế, và giao phó mọi việc cho tên nô bộc thể xác quyết định, tất nhiên tên nô bộc này sẽ nắm lấy mọi quyền hạn và biến ông chủ tinh

thần trở thành một tên nô lệ. Sự thất bại của con người có nguồn gốc từ mối quan hệ thể xác và tinh thần như thế.

Nghe những lời này, tôi có cảm tưởng mình đang đứng trước một nhà hiền triết hơn là một dũng sĩ đã từng đánh cọp. Vì sao một người chạy theo sức mạnh lại có thể chuyển sang theo đuổi cuộc sống tinh thần, đối với tôi vẫn là điều hết sức tò mò muốn biết.

Một lần nữa, ông chứng tỏ là biết được điều tôi đang suy nghĩ. Ông mời chúng tôi trở vào nhà và bắt đầu kể cho chúng tôi nghe về cuộc đời của chính mình, cũng là lời giải đáp cho điều tôi muốn biết:

– Từ nhỏ, tôi đã nuôi trong lòng một ý chí mãnh liệt trở thành người đánh cọp. Ý chí tôi danh thép không lay chuyển, nhưng thể xác tôi yếu ớt.

Chúng tôi đều kinh ngạc khi nghe lời này của ông. Một thân hình vạm vỡ có một không hai như thế kia mà bảo là “yếu ớt” thì chúng tôi không sao hiểu nổi! Biết được sự thắc mắc của chúng tôi, ông nhoẻn miệng cười và nói tiếp để giải thích:

– Các em tưởng là tôi sinh ra đã có ngay xác thân lực lưỡng thế này sao? Không đâu, đó là cả một quá trình rèn luyện với tinh thần và ý chí sắt đá mới có thể đạt được đấy. Và chính nhờ sự tập trung tư

tưởng vào những ý tưởng rèn luyện sức mạnh, cuối cùng tôi đã vượt qua được trở ngại khó khăn về thể lực. Nhưng cũng từ đó tôi luôn hun đúc cho mình một sức mạnh tâm linh, một ý chí dũng mãnh. Và chính nhờ đó mà tôi hàng phục được loài thú dữ của rừng xanh.

Bất chợt, trong đầu tôi nảy ra một ý nghĩ lạ kỳ không hiểu nổi, và tôi buột miệng hỏi ông:

– Thưa ngài, theo ngài thì tôi có thể đánh cọp được chăng?

Ông cười:

– Được chứ. Nhưng em cũng nên biết là có rất nhiều loại cọp. Loài hung dữ và tai hại nhất trong số đó là loài cọp trong khu rừng đục vọng của con người. Việc giết chết những con cọp của rừng xanh thật ra chẳng mang lại ích lợi gì. Chúng chỉ hung dữ trong giang sơn của chúng, và rất ít khi tự tìm đến gây hại cho con người. Nhưng loài cọp dữ trong nội tâm của mỗi người thì luôn chờ dịp để giết chết những điều lành của chúng ta trong từng giờ từng phút.

Tôi nói:

– Nhưng theo như chúng tôi được biết, chính ngài đã đánh hạ rất nhiều những con cọp rừng xanh như thế. Tôi muốn biết là từ khi nào và vì sao ngài đã

từ một người khuất phục thú dữ chuyển sang khuất phục những vọng tưởng nội tâm như hiện nay?

Vị tu sĩ im lặng một lúc lâu. Có vẻ như ông đang hồi tưởng lại những chuyện đã xảy ra trong quá khứ, mà cũng có thể là ông đang cân nhắc xem có nên trả lời câu hỏi của tôi hay không. Lát sau, ông nở một nụ cười và bắt đầu kể:

– Khi tôi đã nhiều lần đánh hạ những con cọp dữ, tiếng tăm và sự vinh quang đã đẩy lòng kiêu căng tự phụ của tôi lên đến mức tưởng như tột cùng. Tôi quyết định không chỉ đánh hạ loài cọp, mà còn phải làm cho chúng khiếp sợ và vâng theo lời tôi như những con vật nuôi trong nhà. Tôi đã làm được điều đó, và tôi bày ra rất nhiều trò lạ mắt để biểu diễn trước công chúng về sức mạnh và khả năng khuất phục loài thú dữ của tôi. Sự thành công của tôi khiến cho mọi người đều nể sợ. Người ta xem tôi như một dũng sĩ anh hùng và đi đến đâu tôi cũng chỉ nghe toàn những lời khen ngợi, tán tụng.

Ông dừng lại một lát, với vẻ chua chát khi nghĩ về chuyện đã qua.

– Ngày kia, cha tôi đến gặp tôi với vẻ mặt suy tư: “Con ơi, cha rất lấy làm lo lắng về những việc con làm. Theo như luật nhân quả, cha sợ rằng con không tránh khỏi những thảm họa khôn lường về sau.” Tôi

bật cười với cha tôi và nói: “Cha không nên tin vào những chuyện vô căn cứ như thế. Không ai có thể nhìn thấy được cái gọi là luật nhân quả ấy. Nhưng ai cũng có thể dễ dàng thấy rõ được luật của sức mạnh. Con đã chiến thắng và sẽ chiến thắng. Cha đừng lo cho con, chỉ trừ khi con thối chí và đâm ra sợ hãi. Bằng không thì chẳng có con cọp nào có thể làm hại được con.” Cha tôi có vẻ căng thẳng, người nói: “Con không thể phủ nhận luật nhân quả như thế. Kinh điển từ xưa đã từng ghi chép, và nhiều bậc thánh nhân đã xác nhận điều này. Kẻ làm điều xấu sẽ phải nhận lãnh kết quả xấu. Hơn nữa, loài thú ở rừng xanh căm ghét con, một ngày kia chúng sẽ làm hại con.” Cha tôi nói ra những lời này với vẻ lo lắng thật sự và người đã làm tôi cảm động. Tôi tìm cách nói để trấn an người: “Thưa cha, loài cọp vốn là hung dữ. Cuộc sống của chúng chỉ toàn là giết chóc. Chúng giết chết con mồi để ăn thịt, nhưng ngay cả khi đã no nê chúng cũng không tha cho những con vật hiền lành mà chúng gặp. Chúng có thể vồ chết một con nai chỉ để uống một ngụm máu rồi bỏ đi. Thưa cha, nếu như con đánh hạ những con vật hung dữ như thế thì lẽ nào lại là việc xấu? Biết đâu vì khiếp sợ với con mà chúng sẽ ngần ngại ít nhiều trong việc làm hại những loài vô tội. Việc làm như vậy làm sao lại phải chịu quả báo xấu hổ cha? Xin cha đừng buộc con phải từ bỏ việc đang làm.”

Chúng tôi yên lặng lắng nghe và bị thu hút hoàn toàn vào câu chuyện. Theo phong tục Ấn Độ, cha mẹ có quyền quyết định hầu như tuyệt đối với con cái. Không có người con nào dám cãi lại cha mẹ, cho dù là trong việc chọn nghề nghiệp sinh sống hay con đường sự nghiệp của mình. Vị tu sĩ chậm rãi kể tiếp:

– Cha tôi tỏ vẻ thông cảm với những điều tôi nói. Nhưng ông vẫn không giấu được vẻ lo lắng, căng thẳng ngày càng nhiều hơn. Im lặng một lúc như để cân nhắc kỹ những điều sắp nói, rồi ông mới bảo tôi bằng một giọng rất nghiêm trọng: “Con ơi, cha cũng không giấu con chuyện này. Hôm qua, khi cha đang ngồi thiền ngoài hiên trước, có một tu sĩ lạ mặt đến và nói với cha rằng: “Tôi có một điều muốn nhắn gửi đến con ông. Nếu anh ta không từ bỏ ngay những trận đấm đá hung bạo như hiện nay, thì không bao lâu nữa anh ta sẽ phải gánh chịu một tai họa khủng khiếp. Trong sáu tháng trời anh ta sẽ phải ở trong trạng thái dở sống dở chết. Và chỉ sau đó anh ta mới biết chán ngán cảnh thế gian mà đi theo con đường xuất gia làm một tu sĩ.” Tuy cha tôi rất lo lắng về lời cảnh báo có tính chất tiên tri ấy, nhưng tôi không xem đó là quan trọng. Tôi không hề lấy đó làm điều lo lắng. Trái lại, tôi cho rằng có lẽ chính những kẻ ganh tỵ với sự thành công và danh tiếng của tôi đã

tìm cách đe dọa tôi bằng cách đặt ra một lời tiên tri vớ vẩn như thế qua trung gian của một tu sĩ.

Vị tu sĩ đột nhiên dừng lại và trầm ngâm rất lâu. Về mặt ông lộ rõ sự hối hận về sai lầm đã qua trong quá khứ. Khi ông ta tiếp tục câu chuyện, giọng ông chìm xuống, thâm thì, như vọng về từ xa xăm:

– Không bao lâu sau đó, tôi đến chơi *Cooch Behar*. Phong cảnh nơi đây khá mới mẻ và hấp dẫn đối với tôi, nên tôi có dự tính sẽ lưu lại một thời gian để nghỉ ngơi, thư giãn. Khi biết tin tôi đến, người ta thâm thì với nhau trên đường phố và tin ấy nhanh chóng truyền lan khắp nơi. Đi đến đâu tôi cũng nhìn thấy những ánh mắt chiêm ngưỡng, thán phục và cũng đầy vẻ tò mò. Người ta tụ tập thành từng đám đông trên đường tôi đi qua, chỉ cho nhau xem và bàn tán về tôi. Nhiều người trong số họ còn cố chứng tỏ đã biết về tôi nhiều nhất, bằng cách kể lại những trận đánh cọp của tôi mà họ đã từng được xem. Tất nhiên, đã có không ít những sự thổi phồng trong khi kể chuyện, và vì thế hầu như tất cả người dân thành phố đều mong muốn nhân dịp này được một lần tận mắt nhìn thấy tôi.

Ông lắc đầu nhẹ nhàng khi kể đến đây, dường như ông vẫn chưa thôi ray rứt khi nhớ lại những giây

phút vinh quang hảo huyền mà ngày ấy ông không hề nhận ra. Ông kể tiếp:

– Buổi chiều, khi tôi đang ngồi trong nhà trọ thì có tiếng vó ngựa dồn dập chạy đến. Tôi nhìn ra và thấy đó là những người vệ sĩ mặc đồng phục rất nghiêm trang. Họ xuống ngựa bước vào trong sân. Một người trong số họ có vẻ nhận biết tôi. Anh ta tiến lên trước và cúi chào thật lịch sự. Những người khác cũng đều chào theo anh ta. Anh ta đến gần tôi hơn và nói: “Thưa ông, tôi rất hân hạnh được diện kiến với ông hôm nay, và xin cung kính chuyển đến ông lời mời của hoàng tử *Cooch Behar*. Ngài muốn được gặp ông vào ngày mai.” Tôi hơi phân vân vì không muốn phải gián đoạn những ngày nghỉ ngơi thư giãn chỉ vừa mới bắt đầu. Nhưng có vẻ như đây là một trong những kiểu mời mọc mà người được mời không có quyền từ chối. Dù sao đi nữa, tôi đang ở trên lãnh thổ của ông ta, và nếu không có một lý do nào thật hợp lý thì không thể không nhận lời được. Nghĩ như vậy, tôi đành nói vài câu xã giao rồi báo cho họ biết là tôi nhận lời. Sáng hôm sau, tôi thật bất ngờ khi thấy người ta đưa một chiếc xe song mã thật lộng lẫy đến đón, lại có cả một đoàn kỵ binh đi theo hộ tống nữa. Xe đưa tôi đi một vòng quanh thành phố và phải băng qua mấy khu rừng cây mới đến dinh thự của hoàng tử. Ông này đích thân ra

trước cửa để đón tôi và mời tôi vào một căn phòng sang trọng với những chiếc ghế bành lót nệm rất lớn. Sau phần nghi thức chào hỏi, hoàng tử cho tôi biết ngay mục đích của buổi gặp gỡ: “Tôi đã nghe tin đồn trong khắp thành phố này về ông. Người ta nói ông vẫn thường đánh hạ những con cọp dữ bằng tay không?” Tôi từ tốn gật đầu. Hoàng tử nở một nụ cười bí hiểm rồi nói: “Chuyện nghe có vẻ khó tin đấy. Tôi tự hỏi phải chăng ông đã đánh nhau với những con cọp đã bị cho ăn thuốc phiện?” Máu nóng trong người tôi sôi lên. Và để phản đối, tôi mặc nhiên không thềm đáp lại lời khó nghe ấy. Hoàng tử biết là cách nói khích của ông ta đã mang lại hiệu quả, liền đi thẳng vào đề: “Tôi vừa mới bắt được một con cọp *Rāja*.¹ Tôi có lời thách ông thi đấu cùng với nó. Nếu ông có thể tay không đánh ngã được nó, trời lại rồi rời chuồng cọp mà không cần bất cứ sự trợ giúp nào từ bên ngoài, con cọp ấy sẽ thuộc về ông. Ngoài ra là một số tiền hai ngàn ru-bi và nhiều quà tặng khác. Còn nếu ông từ chối, tôi buộc lòng sẽ phải thông báo cho thần dân trên khắp đất nước này được biết rằng ông chẳng bao giờ là một người thực sự đánh ngã được cọp cả, mà chỉ là một kẻ bịp bợm hạ đẳng.” Khi ấy, tôi giận muốn điên lên và nhận lời ngay không cần suy nghĩ. Sau này nghĩ lại, tôi mới biết hoàng

¹ Giống cọp cực kỳ hung dữ ở vùng rừng già thuộc tỉnh Bengal.

tử cố tình chọc giận tôi để đảm bảo là tôi sẽ không từ chối hoặc trốn tránh. Dụng ý của ông chỉ là muốn được tận mắt xem tôi đánh nhau với con cọp hung dữ khét tiếng mà ông tin là không ai có thể đánh hạ được. Khi thấy tôi đã nhận lời, hoàng tử lộ vẻ hân hoan ra mặt. Nhìn vẻ mặt khoái trá của người, tôi chợt liên tưởng đến các hoàng đế La Mã ngày xưa đã thích thú như thế nào khi mang những người Thiên chúa tử đạo ra cho thú dữ xé xác. Hoàng tử nói với tôi: “Ông có một tuần để chuẩn bị. Và tôi lấy làm tiếc là từ nay cho đến ngày thi đấu, ông không được gặp trước địch thủ của mình.” Có lẽ hoàng tử e rằng tôi sẽ trốn mất vì khiếp sợ nếu như tôi nhìn thấy trước con cọp ấy chẳng? Nếu vậy thì ông ấy đã lầm, vì tôi thà chết chứ chẳng bao giờ rút lui theo cách ấy. Tôi rời khỏi dinh hoàng tử để trở về nhà trọ, và bắt tay ngay vào việc chuẩn bị cả tinh thần lẫn thể chất cho trận đấu. Không hiểu sao tôi linh cảm thấy đây là một trận đấu không giống như bao nhiêu trận đấu khác mà tôi đã trải qua. Ngoài đường phố, người ta xôn xao đủ thứ tin đồn liên quan đến tôi và trận đấu sắp tới. Hoàng tử đã cho chuẩn bị rất quy mô và chu đáo. Ông dựng lên một khán đài với sức chứa hàng ngàn người, giữa là khu vực đấu trường với lồng sắt an toàn và con cọp *Rāja* bị nhốt trong đó. Người ta cũng tính toán đến việc bỏ đói con cọp để nó tăng thêm phần hung dữ, tất nhiên là để cho trận đấu

càng hấp dẫn hơn. Nhưng còn có một tin đồn khác nữa về tôi. Không hiểu vì sao mọi người đều biết được và lan truyền khắp nơi lời tiên tri dự báo về số phận thê thảm của tôi trong trận đấu sắp tới. Người ta bàn tán nhau, kẻ thì cho rằng tôi sẽ thắng, người lại bảo chắc chắn sẽ thua. Cả thành phố như sôi động cả lên và có vẻ như người ta không còn chuyện gì khác để quan tâm ngoài trận đấu sắp tới giữa tôi và con cọp *Rāja*. Vé vào cửa để xem trận đấu đã bán hết trước hai hôm. Đến ngày thi đấu còn có không dưới vài trăm người chen lấn đứng từ xa ở bên ngoài vì không mua được vé để vào xem. Có một điều mà ít ai quan tâm đến. Đó là hoàng tử thu một khoản lợi kếch sù từ tiền bán vé, bất kể kết quả trận đấu sẽ như thế nào!

Khi câu chuyện được kể đến đây, cả tôi và *Chandi* gần như nín cả hơi thở lại để chăm chú lắng nghe. Chúng tôi quên hẳn một điều rất quan trọng: người đang kể chuyện cho chúng tôi nghe chính là người đã tham gia trận đấu. Và chính vì quên mất điều này, nên chúng tôi không dần được tâm trạng hồi hộp, lo lắng cho số phận của người dũng sĩ đánh cọp trước cuộc chiến đấu một mất một còn sắp diễn ra. Vị tu sĩ thông thả kể tiếp:

– Khi tôi xuất hiện trên đấu trường giữa những tiếng rống kinh hồn của con cọp dữ, cả khán đài

dường như đều nín lặng đi trong chốc lát. Mấy ngàn tia mắt cùng đổ dồn vào tôi, lúc đó chỉ mặc duy nhất một cái quần cụt, phô bày cả thân hình lực lưỡng với những bắp thịt cuộn cuộn đang sắp đến lúc thi thố tài năng. Tuy vậy, đứng trước con cạp hung dữ to lớn này, ai nấy đều có cảm giác tôi chỉ là một con cừ non đang nộp mạng. Tôi bước đến, mở khóa để vào lồng an toàn và khóa cửa lại sau lưng mình. Chuồng cạp đặt bên trong, và phải qua một cánh cửa sắt nữa tôi mới đối mặt với con cạp. Tuy vậy, chỉ thoáng nhìn thấy tôi bên ngoài, con cạp đã nhảy dựng lên với những tiếng gầm khủng khiếp. Những người xem đều im phăng phắc. Họ lo sợ đang nhìn thấy tôi đi dần vào chuồng cạp trong một cuộc chiến đấu có vẻ như không cân sức. Khi tôi vừa đẩy cánh cửa sắt để bước vào, con cạp liền nhảy vọt tới nhanh như một mũi tên. Tôi xoay người để tránh, nhưng cú nhảy của nó quá nhanh và móng vuốt đã chạm được vào bàn tay mặt của tôi, xé rách toạt một mảng da thịt và tạo thành một vết thương khá lớn, máu tuôn lênh láng. Tôi chợt nhớ đến lời tiên tri mà cha tôi đã kể lại và thấy rợn cả người. Tuy nhiên, tôi biết mình không còn gì để chọn lựa vào lúc này. Vì thế, tôi nhanh chóng lấy lại tinh thần, áp chặt vết thương tạm thời trên mảnh quần cụt để giảm bớt lượng máu chảy, và sẵn sàng đối phó với đòn tiếp theo. Lần này, khi thân hình to lớn của nó phủ lên người tôi, tôi nhanh

nhện tràn sang một bên vừa tránh kịp, và giáng trả một quả đấm thoi sơn bằng tay trái ngay vào hàm cọp. Nó lảo đảo xoay quanh mấy vòng và lại phóng tới. Đã kịp thủ thế sẵn, tôi tiếp tục giáng cho nó một loạt quả đấm liên tiếp trên đầu. Nhưng điều bất lợi lớn nhất của tôi là vết thương đầu tiên. Mùi máu tươi như một thứ thuốc kích thích làm cho con cọp điên tiết lên không còn biết đau đớn, sợ sệt. Trong nhiều trận đấu trước đây, những quả đấm của tôi thường vô cùng hiệu quả. Có những con cọp sau khi bị tôi đấm vào đầu hay cằm, đã khiếp sợ đến mức không còn dám phóng tới mà chỉ thu mình chờ tôi nhảy đến tấn công. Nhưng con cọp hăng máu này rõ ràng là không còn biết sợ, nó liên tục tấn công tôi bằng những đòn chí tử, với những nanh vuốt sắc nhọn. Đã thế, bàn tay mặt của tôi đã trở nên vô dụng, và tôi chỉ có thể phản công bằng tay trái. Tôi và cọp quần nhau một hồi thì tôi không còn biết là mình đã bị thương ở những nơi nào nữa. Bản năng sinh tồn cho tôi biết là phải nhanh chóng hạ gục nó nếu không thì tôi sẽ không còn đủ sức để đứng vững nữa. Tôi lựa thế tung một cú đấm bằng hết sức mình vào đầu nó. Con cọp rống lên một tiếng đau đớn, nhưng thay vì dội ngược, nó lại chồm ngay lên và phóng đến chỗ tôi. Bất ngờ và thất thế sau khi vừa ra một đòn hết sức, tôi không tránh né kịp bị nó hất ngã ngửa ra trên sàn. Nhiều tiếng hét kinh khiếp vang lên trên

khán đài. Khán giả nhao nhao cả lên và nhiều người la lớn: “Bắn chết nó đi, bắn chết con cọp ngay đi!” Người gác chuồng cọp đã sẵn sàng hành động đúng như thế, vì mọi người đều nghĩ là tôi đã thua cuộc và cần phải cứu lấy mạng sống của tôi. Nhưng lúc đó tôi và con cọp đã quấn vào nhau, chồm qua quật lại nhanh như cắt, và phát súng mất bình tĩnh của ông ta đã đi vào khoảng không vô ích. Ngay khi ấy, tôi lừa được một dịp thuận tiện, hét lên một tiếng lớn và dồn hết sức lực của mình giáng vào giữa đỉnh đầu con cọp một quả đấm. Nó ngã lăn ra sàn gạch và không còn cử động.

– Thế là con cọp đã bị hạ.

Đến đây, tôi nói chen vào và thở ra để trút hết sự căng thẳng tự này giờ.

– Vâng, nó đã bị hạ.

Vị tu sĩ cười một cách hóm hỉnh khi đáp lại với tôi câu này. Và ông kể tiếp:

– Tôi dùng hai tay dẫm máu tươi, banh rộng quai hàm của nó ra và đặt đầu mình vào đó trong một lúc. Khán giả đều nín thở rợn người khi chứng kiến việc ấy. Sau đó, tôi lấy sợi dây xiềng quấn quanh cổ nó và buộc vào song sắt của chuồng cọp. Rồi tôi quay lưng đi về phía cửa chuồng một cách đắc thắng.

Nhưng thật bất ngờ, ngay lúc ấy con Rāja vùng dậy và vươn mình nhảy vọt tới. Trong lúc đã đuối sức, tôi đã không buộc đầu dây đủ chặt, và sợi dây xiềng bị kéo tuột ra bởi sức mạnh cú nhảy của con thú. Nó phóng được tới và phủ xuống từ trên cao. Miệng nó ngoạm được một miếng lớn vào vai tôi, máu tuôn ra xối xả. Tôi ngã quy. Nhưng ngay lập tức tôi vùng dậy, lăn nhanh qua bên và quay lại giáng liên tục cho nó mấy đấm nữa vào đầu. Con thú giãy lên mấy cái rồi nằm im bất động. Lần này, tôi buộc nó chặt hơn rồi mới từ từ rời khỏi chuồng sắt. Bấy giờ, trên khán đài mới bùng lên những tiếng hoan hô và những tiếng la hét phấn khích. Người ta hoan nghênh chiến công hiển hách của tôi, và người ta tự hào về chuyện tôi đã tay không đánh gục con thú hung dữ nhất của rừng xanh. Tuy tôi bị thương rất nặng nề, nhưng tôi đã hội đủ các điều kiện chiến thắng: đánh gục con cọp, trói nó lại trong chuồng và đi ra mà không có sự trợ giúp của bất cứ ai. Khi người ta băng bó các vết thương cho tôi vừa xong, họ công kên tôi đi qua khắp các đường phố. Nhiều người ném tiền vàng lên kiệu cho tôi. Cả thành phố tôn xưng tôi như một vị anh hùng chưa từng có. Hoàng tử cho người mang đến ngay cho tôi số tiền đã hứa. Nói chung, lúc bấy giờ tôi hầu như không còn thiếu bất cứ thứ gì mà từ trước tôi hằng mong muốn đạt được như tiền bạc, danh vọng... tất cả đều thừa thãi. Tuy nhiên, điều kỳ

là là bỗng dưng tôi có một tâm trạng chán ngắt, lãnh đạm với tất cả những gì đang xảy đến. Giây phút kề cận cái chết vừa qua như một gáo nước lạnh làm tôi thức tỉnh. Tôi nhận ra tất cả những gì mình theo đuổi từ trước đến nay đều chỉ là phù phiếm, không thật. Và chỉ cần bước qua lằn ranh sống chết là hết thấy đều sẽ không còn chút ý nghĩa gì nữa!

Câu cuối cùng được ông nhấn mạnh bằng cách nói chậm và rõ ràng từng tiếng. Rồi ông dừng lại trầm ngâm. Tôi nhìn thấy được trong ánh mắt ông vẻ suy tư cho thấy những kinh nghiệm tâm linh thực sự mà ông đã trải qua sau lần đối mặt cùng cái chết. Dường như cho đến nay, điều đó vẫn còn là một kinh nghiệm quý giá mà ông muốn truyền đạt với chúng tôi. Ông chớp mắt mấy cái như đang nhớ lại mọi việc rồi kể tiếp:

– Thời gian tiếp theo đó quả là một thời kỳ khủng khiếp đối với tôi. Các vết thương nặng nề không khỏi ngay mà hành hạ tôi đau đớn không thôi. Bất cứ lúc nào mạng sống của tôi cũng đều nằm trong sự đe dọa mà không vị thầy thuốc nào dám đoán chắc là có thể cứu vãn được. Tôi chịu đựng cơn đau thể xác từng giây từng phút, cùng với nỗi lo sợ về một cái chết tưởng chừng như không sao tránh khỏi. Nhưng chính trong thời gian này, những sự chiêm nghiệm tâm linh của tôi về cuộc sống cũng chín mùi đến một

mức độ không ngờ được. Và kỳ lạ thay, quãng thời gian này kéo dài đúng sáu tháng, khớp với lời cảnh báo tiên tri của vị tu sĩ ngày trước.

Chúng tôi không giấu được vẻ ngạc nhiên khi nghe kể đến đây. Phải chăng người ta sẽ có được khả năng biết trước mọi việc khi đã đạt đến sự chứng ngộ? Nhưng đây là một câu chuyện thật hoàn toàn do người trong cuộc kể lại, và xác nhận nó bằng chính cuộc đời mình, nên độ tin cậy là không còn gì để nghi ngờ nữa. Chúng tôi rất nôn nao muốn biết phần tiếp theo của câu chuyện.

– Làm thế nào mà tôi bình phục được sau sáu tháng kinh hoàng ấy, chính tôi cũng không hiểu nổi. Có lẽ đây là một sự thử thách mà tôi phải trải qua trước khi đạt được điều mà từ trước đến nay tôi chưa từng đạt được. Ngay khi vừa bình phục, tôi rời khỏi *Cooch Behar* để trở về quê quán. Tôi nói với cha tôi suy nghĩ của mình lúc đó: “Thưa cha, giờ thì con đã hiểu ra vị tu sĩ đưa ra lời cảnh báo con ngày trước chính là vị thầy đáng kính có thể cứu vớt đời con. Nhưng làm sao con có thể tìm được người vào lúc này?” Cha tôi hiểu lòng tôi lúc đó, người an ủi tôi bằng một giọng quả quyết: “Con đừng lo. Nếu ngài đã có ý muốn cứu độ cho con, chắc chắn ngài sẽ đến đây vào thời điểm thích hợp.” Và quả đúng như cha tôi đã tin tưởng. Ít lâu sau thì vị tu sĩ ấy bất ngờ

xuất hiện. Người đến gặp tôi và nói bằng một giọng từ hòa, êm ái: “Con không cần đánh cọp dữ nữa. Con hãy đi theo thầy. Thầy sẽ dạy con khuất phục những con cọp tham dực ẩn nấp trong khu rừng vô minh của lòng mình. Con đã có quá đủ những lời khen ngợi, ca tụng của người đời. Giờ đây con hãy theo ta tinh tấn tu tập để đạt đến sự khen ngợi và ca tụng của những vị thiên thần và các bậc hiền thánh.”

Ngừng một chút, vị tu sĩ kết thúc câu chuyện đời mình bằng một giọng trầm trầm, chắc nịch:

– Kể từ đó, chính tôn sư là người dẫn dắt tôi trên con đường tâm linh. Người khơi dậy nơi tôi những năng lực tinh thần đã từ lâu bị quên lãng. Với sự hướng dẫn của người, mỗi ngày tôi càng mở rộng hơn lòng từ bi thương xót của mình đến với hết thảy muôn loài, và thậm chí cũng không còn để tâm hằn học, hận thù đối với loài cọp dữ trong rừng sâu nữa. Qua một thời gian, tôn sư đã đưa tôi lên núi Hy Mã Lạp Sơn để tiếp tục công phu tu tập thiền định.

Chúng tôi nghiêng mình chào tạm biệt vị tu sĩ với lòng cảm kích vô hạn. Qua câu chuyện cuộc đời của ông, chúng tôi đã học hỏi được rất nhiều, và cảm thấy vững tin hơn nữa vào những điều đã học được trên con đường tâm linh. Chúng tôi hiểu ra một điều là sức mạnh thể chất tuy không thể phủ nhận, nhưng

chính sức mạnh tinh thần mới là yếu tố quyết định sức mạnh của một con người. Và điều quan trọng nhất đối với tôi, là niềm mong ước được bỏ nhà ra đi sống đời sống xuất gia của một tu sĩ giờ đây càng mạnh mẽ và nung nấu tôi hơn bao giờ hết.

CHƯƠNG VI

THUẬT PHI THÂN

Một hôm, người bạn tôi là *Upendra* đến tìm tôi và nói với vẻ rất hăm hở:

– Ngày *Mukunda*, hôm qua tôi đã gặp một chuyện rất lạ lùng. Trong một buổi thuyết giảng, có vị tu sĩ kia đã bay lơ lửng lên không trung, với độ cao cách đất khoảng chừng một mét.

Tôi nhìn anh ta, nhoẻn miệng cười và hỏi:

– Có phải tên ông ta là *Bhaduri*, cư trú ở đường *Circular*?

Upendra gật đầu lộ vẻ ngạc nhiên:

– Thế ra anh đã biết vị này rồi sao?

Tôi đáp:

– Vâng, vì ông ta ở gần nhà tôi nên tôi cũng thường đến gặp ông.

Nghe tôi nói thế, *Upendra* có vẻ bị thu hút vào câu chuyện. Anh ta muốn được nghe biết thêm về vị tu sĩ đặc biệt ấy. Tôi liền kể cho anh ta nghe:

– Tôi được gặp ông ta trong một trường hợp tình cờ. Khi ấy, ông đã luyện thuần thục phép khí công *Patanjali*. Ông có thực hành khí công trước mắt tôi một lần và đến nay tôi vẫn còn nhớ rất rõ. Trong căn phòng kín, ông ngồi vận khí và tôi có cảm giác như một cơn giông bão khủng khiếp đang tràn qua. Rồi sau đó, ông thay đổi hơi thở của mình và tạo ra một ấn tượng yên tĩnh, êm ả sau cơn giông tố. Những cảm giác lạ thường trong lần ấy khiến cho tôi mãi mãi không sao quên được.

Upendra tỏ vẻ hoài nghi. Anh ta hỏi:

– Tôi nghe nói rằng ông ta không bao giờ bước ra khỏi nhà. Có thật vậy chăng?

– Vâng, đúng vậy. Ông sống theo lối nhập thất đã từ hơn 20 năm rồi. Ông chỉ ra khỏi cửa vào những dịp thánh lễ, và những lúc ấy ông thực hành hạnh bố thí với rất đông những người hành khát hoặc những kẻ đói khổ.

Upendra lại hỏi:

– Vì sao ông ta có thể lơ lửng được trên không, đi ngược lại với những định luật tự nhiên?

Tôi nói:

– Tất nhiên là chính tôi cũng không hiểu biết nhiều hơn anh lắm đâu. Nhưng tôi nghe nói một

số môn khí công có thể làm cho cơ thể con người ta nhẹ đi, và vì thế có thể lơ lửng trên không theo ý muốn. Trong một số trường hợp khác, các bậc chân tu đã chứng ngộ cũng có được năng lực kỳ diệu ấy mà chúng ta không thể giải thích bằng những quy luật thông thường.¹

Upendra hỏi tiếp:

– Tôi biết là ông ấy thường có những buổi thuyết giảng cho đệ tử vào buổi chiều. Tôi rất muốn được biết thêm nhiều hơn nữa về ông ta. Anh có thường đến tham dự các buổi thuyết giảng của ông ấy chẳng?

– Vâng, tôi rất thường đến dự các buổi thuyết giảng của ông ấy, và học được khá nhiều điều từ những kinh nghiệm thực tiễn trong việc tu tập của ông ta.

Sau câu chuyện với *Upendra*, buổi chiều hôm ấy trên đường đi học về tôi ghé vào thăm vị tu sĩ. Thật ra, ông cũng rất ít khi tiếp khách. Vì vậy, trước cửa nhà bao giờ cũng có một người đệ tử có nhiệm vụ canh cửa và từ chối những chuyến viếng thăm không báo trước. Tôi đã sắp bị mời ra như những người khác, thì may thay tu sĩ đã xuất hiện đúng lúc từ bên trong. Người nói:

¹ Trong sách Thiên Uyển Tập Anh có ghi chép lại một số trường hợp các thiên sư Việt Nam có khả năng phi hành trên không như Không Lộ, Từ Đạo Hạnh... (Người dịch)

– Đừng cản trở *Mukunda*. Cậu ấy có thể đến đây bất cứ khi nào cậu ấy thích.

Trong khi đi cùng tôi lên căn phòng của mình, tu sĩ nói:

– Việc sống giam mình trong căn nhà nhỏ này, thật ra không chỉ nhằm giúp ích việc tu tập của tôi, mà còn nhằm tránh cho người đời một số ý tưởng không hay. Em biết đấy, chân lý của bậc giác ngộ thường làm cho những kẻ phàm tục phải thất vọng và đau khổ vì họ không thể bám víu vào những ảo tưởng hư dối của mình được nữa. Vì vậy, nếu không phải là những kẻ thật tâm cầu đạo thì chẳng nên để cho họ nghe biết chân lý cao siêu của các bậc hiền thánh, kẻo sẽ làm cho họ thất vọng mà chán ngán cuộc sống này.

Chúng tôi cùng bước vào một căn phòng nhỏ đơn sơ. Chính trong căn phòng này, tu sĩ trải qua phần lớn thời gian của đời mình, vì ông thường rất ít khi ra khỏi cửa phòng.

– Bạch thầy, thầy là vị tu sĩ đầu tiên mà con được biết sống ẩn dật theo cách này.

Vị tu sĩ cười đáp lại:

– Sự giác ngộ không giới hạn ở bất cứ một hình thức tu tập nào. Điều quan trọng là có thể nhận ra được bản chất của mọi sự việc.

Ông ngồi xuống chỗ của mình trên sàn nhà. Tôi cũng tự tìm cho mình một chỗ thích hợp. Lúc này tôi mới lặng lẽ ngắm nhìn ông, đang chuẩn bị nhập vào thiền định. Tuy đã bước sang độ tuổi bảy mươi, ông không có vẻ gì là già nua, suy yếu. Ông ngồi thẳng lưng, thân hình to lớn, vạm vỡ và cân đối. Khuôn mặt đạo mạo với một chòm râu bạc, đôi mắt tinh anh dừng lại ở một điểm vô định trong không gian, cho thấy ông đang tập trung tư tưởng hoàn toàn trong cơn thiền định.

Bất giác, tôi cũng sửa lại tư thế ngồi và bắt đầu nhập thiền. Cả hai chúng tôi cùng trải qua thời gian êm ả quý giá này chừng hơn một giờ. Sau đó, tu sĩ lên tiếng trước, nói với tôi bằng một giọng êm ái, từ hòa:

– Con đã khá thuần thục trong việc ngồi thiền đấy. Nhưng con đã đạt được kinh nghiệm tâm linh thực sự nào chưa?

Ông có ý nhắc nhở tôi về mục đích của việc hành thiền:

– Con không nên nhầm lẫn giữa mục đích và phương tiện.

Tôi hiểu điều ông muốn nói. Việc thực hành thiền định chỉ như một phương pháp rèn luyện tâm linh. Sự rèn luyện ấy giúp chúng ta đạt đến điều gì thì còn

cần phải có sự soi rọi của một trí tuệ minh mẫn và sự dắt dẫn của một bậc minh sư nữa.

Vị tu sĩ lại nở nụ cười quen thuộc và chuyển sang một đề tài khác. Ông chỉ vào mấy cái bục lớn để trên chiếc bàn nhỏ và nói:

– Đây là những thư tín từ Hoa Kỳ gửi đến. Một số các tổ chức tu tập tinh thần ở đó thường quan hệ với tôi để nhờ hướng dẫn việc tu thiền. Tôi rất vui được giúp họ. Em nên biết, phép tu thiền cũng như ánh nắng mặt trời, mang lại hơi ấm khắp nơi mà không là sở hữu của riêng ai cả. Và sự giải thoát của con người hoàn toàn giống nhau ở cả phương Đông và phương Tây.

Lúc bấy giờ, tôi rất vô tư khi nghe những lời này của vị tu sĩ. Mãi về sau, tôi mới hiểu ra là ông đã nhìn thấy trước sứ mạng truyền bá thiền học sang Hoa Kỳ mà tôi sẽ thực hiện trong nhiều năm sau đó, vì thế ông muốn gieo vào lòng tôi ít nhiều những tư tưởng đầu tiên về việc giảng dạy thiền học ở phương Tây.

Tôi nói với ông một cách chân thành:

– Bạch thầy, thầy nên viết một tập sách hướng dẫn việc tu thiền. Sẽ có rất nhiều người được lợi lạc qua sự truyền dạy theo cách ấy của thầy.

– Tôi đã truyền dạy cho các môn đồ. Họ sẽ truyền dạy cho đệ tử của họ. Đó là những cuốn sách sống động và thực tiễn hơn nhiều. Một cuốn sách được viết ra trên giấy không thể mang lại niềm tin như những con người sống, và hơn thế nữa, nó thường chịu sự phê phán hẹp hòi của những kẻ chẳng hiểu biết gì.

Chiều hôm đó tôi ở lại với ông cho đến khi các đệ tử của ông quy tụ về để nghe thuyết giảng. Buổi giảng pháp của ông có sức thu hút rất mạnh. Ông trình bày những vấn đề một cách lưu loát, và khiến cho người nghe tiếp nhận được một cách dễ dàng những gì ông muốn nói.

Khi buổi giảng kết thúc, một người đệ tử đến trước ông và nói:

– Bạch thầy, thật tôn quý thay đức hy sinh cao cả, thầy đã từ bỏ mọi sự giàu sang sung sướng để đi theo con đường tu tập khắc khổ và mang đến cho chúng con mùi vị của đạo pháp.

Sự thật là lúc còn niên thiếu, vị tu sĩ này đã từ bỏ gia đình rất giàu có để ra đi xuất gia. Nhưng tôi nghe ông đáp lại lời nói ấy rằng:

– Con đã nói ngược lại với sự thật mất rồi. Những gì thầy từ bỏ chỉ là chút tiền bạc và những thú vui trần tục vô nghĩa. Đổi lại, thầy đã đạt được niềm

an lạc hạnh phúc vô biên không gì hơn được. Nếu so sánh như thế thì có đáng gọi là một sự hy sinh chẳng? Ngược lại, chính người thế gian đã từ bỏ đi những giá trị tâm linh quý báu mà họ hoàn toàn có thể được hưởng, để chạy theo những niềm vui tạm bợ trong phút chốc, những của cải vật chất mà không giúp gì cho họ khi đối mặt với những đau khổ của kiếp người. Những người như vậy, họ mất nhiều hơn là được. Và chính cách chọn lựa của họ mới là điều đáng ngạc nhiên một cách kỳ lạ!

Và để kết luận, vị tu sĩ đưa ra một nhận xét đầy tính cách thực nghiệm:

– Nhân quả xoay vần là một định luật khách quan từ ngàn xưa không ai tránh khỏi. Nếu chúng ta biết tự lo cho tương lai của mình bằng những việc làm tốt đẹp của hôm nay, thì đó chính là sự đảm bảo chắc chắn hơn bất cứ một công ty bảo hiểm nào của thời đại. Cuộc sống thế tục đầy dẫy những khổ đau, dằn vặt, và con người ta trở nên yếu ớt, thụ động vì thấy mình bất lực. Họ luôn khẩn cầu, van nài ở bất cứ một thế lực siêu nhiên nào đó để có được sự giúp đỡ, cứu rỗi. Nhưng họ không biết rằng chỉ có tự mình mới có thể cứu vớt được chính mình bằng những thay đổi tích cực trong nhận thức và lối sống.

Về sau, tôi vẫn thường đến với vị tu sĩ này sau những giờ tan học. Người dành cho tôi một sự ưu ái

đặc biệt mà tôi dễ dàng nhận ra nhưng phải mãi đến sau này mới hiểu được nguyên nhân. Ngày tôi chuẩn bị lên đường sang Hoa Kỳ, người đã nói rõ với tôi nguyên nhân ấy:

– Con hãy an lòng đi đến nơi ấy. Tinh hoa của nền văn hóa Ấn Độ được thể hiện qua pháp môn thiền định sẽ được con truyền bá rộng rãi trên đất Mỹ. Số mệnh thiêng liêng của con đã được xác định từ lâu xa về trước. Và ta tin chắc rằng với đạo tâm vững chắc, con sẽ thành công. Người dân nước Mỹ sẽ dành cho con một sự chào đón nhiệt tình và nồng hậu.

Nhưng tôi chỉ thật sự hiểu thấu những tư tưởng của vị tu sĩ khả kính và giàu nghị lực này sau khi chính bản thân tôi đã vượt qua rất nhiều thử thách. Và mối quan hệ hướng dẫn của ông với những người giàu đức tin ở nước Mỹ xa xôi kia có tác dụng gieo cấy trong tôi một ấn tượng tốt đẹp mà sau này đã giúp tôi mạnh mẽ hơn trên con đường truyền bá đạo pháp sang nơi ấy.

CHƯƠNG VII

ĐỨC PHẬT MẪU QUÁN THẾ ÂM

Tôi đến thăm ngài *Mahāsaya*,¹ đệ tử của đức *Ramakrishna* vào một buổi chiều. Khi gặp tôi, ngài tươi cười nói với vẻ hiền hòa:

– Con hãy chờ trong chốc lát. Bây giờ ta cần phải chiêm ngưỡng đức Phật mẫu Quán Thế Âm.

Lời nói đơn sơ của ngài bất chợt gọi lên trong tôi một lòng sùng kính vô biên như đã có từ bao đời trước. Danh hiệu đức Quán Thế Âm như có một mãnh lực vô hình khiến cho tôi bùng lên một thứ cảm xúc mạnh mẽ không sao tả được.

Ngài *Mahāsaya* có một dáng vẻ rất từ hòa, với chòm râu bạc trắng mềm mại và đôi mắt sáng ngời như soi rọi được khắp cõi vô cùng. Nhìn tư thế an vui tự tại của ngài trong lúc chiêm ngưỡng đức Quán Thế Âm, tôi có cảm tưởng đó là hiện thân toàn hảo nhất của sự tinh khiết.

¹ Vị thầy này trùng tên với sư phụ của tác giả là Lahiri Mahasaya, nhưng sư phụ của tác giả là đệ tử của đức Tổ sư Babaji.

Vị tu sĩ này nổi tiếng về lòng sùng kính vô hạn đối với đức Quán Thế Âm. Người ta nói là ngài có thể giao tiếp, cảm ứng được với đức Phật mẫu này, và tôi hoàn toàn không nghi ngờ gì về điều đó. Chính ngay khi bước chân đến gặp ngài, tôi đã cảm nhận được rất rõ ràng điều đó bằng trực giác của mình.

Trong đời tôi, nỗi đau khổ lớn nhất mà tôi đã từng ném trải chính là khi tôi mất mẹ. Nhiều năm sau khi mẹ mất, tôi vẫn luôn cảm thấy một sự khát khao cháy bỏng được trông thấy lại hình dáng mẹ. Tôi đã cầu nguyện chỉ để được gặp lại người trong giấc mơ, và đôi khi lời cầu nguyện đó của tôi được đáp ứng. Tuy nhiên, từ khi tôi được tiến bộ phần nào trong việc tu tập tâm linh, thì lòng khao khát được gặp mẹ trở nên trầm lắng và sâu sắc hơn. Mặc dù tôi vẫn yêu mẹ như lúc nào, nhưng giờ đây tôi hiểu ra rằng mong ước của mình là vô lý và không mang lại ích lợi gì. Thay vì vậy, tôi cố gắng đạt đến những trình độ tâm linh cao hơn, và tin chắc là bằng cách đó tôi được đến gần mẹ tôi hơn.

Thời gian gần đây, tôi dần dần có một cảm giác mơ hồ về sự gần gũi giữa hình ảnh người mẹ đã khuất của tôi với đức Quán Thế Âm. Cảm giác ấy ngày càng rõ rệt, và tôi cảm thấy tấm lòng từ bi vô hạn mà đức Phật bà này dành cho mọi chúng sanh, trong đó có tôi, quả thật không thể phân biệt nổi với

tình thương trời bể mà mẹ đã dành cho tôi. Tự trong thâm tâm, lý trí của tôi cho rằng lòng thương yêu và tôn kính mẹ đã khiến tôi thánh hóa địa vị của người lên như đức Quán Thế Âm. Nhưng trực giác của tôi lại hiểu khác. Sự gần gũi giữa hai hình tượng đến với tôi một cách hoàn toàn tự nhiên không do suy luận, và tôi âm thầm cầu nguyện, niệm danh hiệu đức Quán Thế Âm mỗi ngày với lòng chí thành và cả với sự thương yêu trù mến như ngày xưa tôi đến với mẹ tôi.

Tôi không nghĩ rằng cảm nhận của mình là đúng hay sai, nhưng tôi biết chắc một điều là do những thôi thúc đó tôi đã tìm đến tôn sư *Mahāsaya* ngay khi được nghe biết về ông.

Tôn sư *Mahāsaya* là người sống khiêm tốn và giản dị nhưng có kiến thức rất uyên thâm. Ngài có rất nhiều đệ tử. Ngài cũng có mở một lớp học để giúp cho việc học tập của các em học sinh trung học. Trong khi dạy dỗ các học trò xuất gia cũng như thế tục, ngài không bao giờ dùng đến những lời lẽ nghiêm khắc, cũng không dùng đến bất cứ một hình thức trừng phạt nào. Những điều ngài dạy thường rất ít khi đọc thấy trong sách vở, vì ngài truyền dạy bằng chính sự thực chứng trong đời sống tâm linh của mình, và các vị đệ tử noi theo tấm gương đạo hạnh của ngài nhiều hơn là những lời thuyết giảng khô khan.

Ngài đặc biệt sùng kính đối với đức Phật mẫu Quán Thế Âm, và cũng dạy đệ tử ngài hãy lễ kính đức Phật mẫu thay vì lễ kính ngài.

Trong khi chờ đợi tôn sư tiếp chuyện với mình, tôi cũng quỳ xuống bên cạnh người và chí thành chiêm ngưỡng đức Quán Thế Âm. Một lúc lâu sau, tôn sư ra khỏi thiền định và lấy tay xoa đầu tôi như một dấu hiệu để báo cho tôi biết là ngài đã sẵn sàng nói chuyện cùng tôi. Tôi cúi chào theo đúng nghi thức đối với một bậc thầy, rồi ngồi xuống bên ngài và nói:

– Bạch thầy, con nghe nói thầy có thể giao tiếp, cảm ứng được với đức Phật mẫu Quán Thế Âm?

– Đúng vậy, ta vẫn thường làm như thế.

– Con có thể thỉnh cầu thầy ban cho con một ân huệ, để con có được sự cảm ứng với đức Phật mẫu chỉ một lần giống như thầy được chăng?

Tôn sư *Mahāsaya* yên lặng một lúc lâu. Rồi ngài nói:

– Đó không phải là điều ta có thể làm được. Không ai đã giúp ta làm được điều đó, và ta cũng không có khả năng giúp cho ai được như vậy cả.

Tôi hiểu ý ngài muốn nói gì. Nhưng vẫn khẩn khoản:

– Bạch thầy, nhưng bằng vào sự chứng nghiệm của bản thân thầy, thầy có thể ban cho con niềm tin và một sự dắt dẫn.

Tôn sư yên lặng. Tôi phủ phục quỳ dưới chân ngài với sự thành khẩn mà tôi chưa từng biểu hiện từ trước đến nay. Khoảng nửa giờ đồng hồ trôi qua, tôn sư phá tan sự yên lặng và nói:

– Con đã lầm rồi. Ta không thể ban cho con niềm tin được. Nhưng ta thấy rằng điều đó đã tự có nơi con. Nhân danh đức Phật mẫu, ta chấp nhận lời thỉnh cầu của con. Con sẽ được toại nguyện.

Tôi sung sướng không sao tả xiết. Lòng tôi ngập tràn một niềm hạnh phúc vô biên. Tôi tạ ơn tôn sư và từ biệt ngài để ra về.

Cuộc đời có những sự tình cờ không sao giải thích được. Căn nhà mà tôi đến để gặp ngài *Mahāsaya* hôm nay, chính là căn nhà số 50 đường *Amherst*, tức là căn nhà cũ của gia đình tôi, nơi tôi đã sống những ngày thơ ấu khổ đau khi mẹ tôi qua đời. Từng bậc thang lầu cho đến những bức tường vô tri giác, đối với tôi như đều ghi khắc những kỷ niệm không sao quên được... Tình yêu thương với mẹ và lòng sùng kính vô biên đối với đức Quán Thế Âm, với tôi đều tăng lên gấp bội khi tôi được sống lại trong căn nhà này. Tôi luyến tiếc dạo quanh mấy vòng rồi mới bước ra khỏi cửa để trở về nhà.

Đêm hôm đó là một đêm mà và sau tôi không sao quên được. Tôi ngồi thiền như thường lệ cho đến khoảng 10 giờ đêm. Đột nhiên, căn gác nhỏ của tôi bỗng sáng rực lên một thứ ánh kỳ diệu khác thường, vừa rực rỡ vừa êm dịu, khiến tôi cảm thấy hoàn toàn thư thái. Ánh sáng ấy bao phủ quanh tôi trong một khoảng thời gian mà tôi không thể biết là bao lâu, vì lòng tôi cảm thấy kinh ngạc và sung sướng đến độ không còn quan tâm đến thời gian trôi qua nữa. Thế rồi giữa vùng hào quang chói rạng đó, tôi nhìn thấy đức Quán Thế Âm hiện ra với hình dáng tuyệt đẹp mà không một pho tượng nào tôi đã từng xem qua có thể lột tả đúng được. Khuôn mặt ngài hiền dịu và bao dung, với một nụ cười làm xóa tan đi hết thảy những âu lo, phiền muộn. Ngài nói với tôi bằng một giọng ngân nga trong trẻo mà tôi chưa từng nghe thấy trên thế gian này bao giờ:

– *Mukunda*, Mẹ bao giờ cũng yêu thương con với một tình yêu thương không bao giờ khô cạn.

Bất chợt, tôi cảm thấy một niềm hân hoan không sao tả hết. Khi ấy, tôi tự hỏi mình: Đức Quán Thế Âm hay mẹ tôi đang nói? Và trong vùng hào quang linh diệu, đầu óc tôi bỗng bừng sáng suốt đến lạ thường, tôi thấy lóe lên trong đầu câu trả lời mà từ xưa nay tôi chưa hề nghĩ đến: “Tại sao mình phải để tâm phân biệt như thế? Mẹ là Quán Âm, Quán Âm

là Mẹ, cả hai đều là biểu tượng của tình yêu thương không bờ bến. Chẳng phải ngài vừa xác nhận điều đó qua lời nói đó hay sao?” Và tôi thấy lòng thanh thản hơn bao giờ hết khi những gút mắt nội tâm cuối cùng đã được tháo tung bằng một cách vô cùng đơn giản. Vầng sáng quanh tôi đang từ từ tan biến sau khi linh ảnh của đức Quán Thế Âm không còn nữa. Tôi ngồi lặng rất lâu sau đó trong tư thế tọa thiền, không muốn đánh mất đi niềm phúc lạc vô biên vừa đạt được.

Hôm sau, tôi tìm đến tôn sư *Mahāsaya* để tạ ơn ngài. Nhưng ngài tránh không cho tôi lễ lạy và nói:

– Phật tánh trong con vẫn thường tồn. Nếu con biết tìm lại được tánh Phật ấy thì không cần phải lễ lạy ta.

Và ngài nói tiếp khi thấy tôi có vẻ còn hoang mang chưa hiểu:

– Ta không phải là thầy của con. Vị ấy sẽ xuất hiện trong tương lai vào một thời điểm thích hợp và dẫn dắt con trên đường học đạo.

Lời tiên tri của ngài về sau tất nhiên sẽ trở thành sự thật. Nhưng trước khi điều ấy xảy ra, tôi vẫn còn học hỏi được rất nhiều qua những lần tiếp xúc với ngài.

Tôi thường đến thăm ngài vào những buổi chiều khi thuận tiện. Một hôm, tôi mang đến một vòng hoa tươi và nói:

– Bạch thầy, đây là vòng hoa do tự tay con chọn lựa và kết thành. Con muốn dâng lên thầy để tỏ lòng tôn kính.

Nhưng tôn sư khéo léo từ chối và nói:

– Con hãy dành những sự tôn kính này để dâng lên Phật mẫu. Như vậy, cả ta và con đều đến dưới chân người và sẽ càng gần gũi nhau hơn.

Hôm ấy, tôn sư đề nghị tôi cùng đến viếng đền *Dakshineswar* và tôi nhận lời.

Hôm sau, chúng tôi xuống tàu vào buổi sáng để đi khoảng 4 dặm trên sông Hằng. Đền thờ đức Quán Thế Âm được xây dựng rất lớn với kiến trúc có tám mái tròn nhô lên cao vút. Tượng đức Quán Thế Âm được đặt trên một tòa sen khổng lồ đúc bằng bạc với một ngàn cánh hoa, chạm trổ công phu và được đánh bóng sáng rực. Tôn sư *Mahāsaya* chiêm ngưỡng và lễ bái tượng đức Quán Thế Âm với tấm lòng sùng kính vô biên. Và khi ngài xưng tụng danh hiệu đức Quán Thế Âm, sự sùng kính của ngài như lan tỏa khắp chung quanh và chính tôi cũng thấy dâng lên một niềm tin tưởng vô biên không tả được. Trong chuyến

hành hương này, tôn sư cũng giảng cho tôi nghe về hạnh nguyện của đức Quán Thế Âm và vì sao người ta hoàn toàn có thể đạt được sự cảm ứng với ngài:

– Điều rất lạ lùng là mọi người ai cũng muốn thấy được sự linh ứng, nhưng tự thân họ lại có quá ít niềm tin và luôn sống trong sự nghi ngờ.

Tôi hoàn toàn có thể hiểu được nhận xét thực tiễn này của tôn sư.

Một thời gian sau khi tiếp xúc với tôn sư *Mahāsaya*, tôi mới biết ngài còn có nhiều khả năng kỳ diệu khác mà ngài thể hiện rất tự nhiên như việc hít thở khí trời.

Một hôm, ngài *Mahāsaya* đưa tôi đến lớp học. Trên đường, chúng tôi gặp một người quen cũ và anh này làm tôi phải nản lòng với chuyện đi chơi, vì anh ta bám lấy chúng tôi bằng một câu chuyện dài nhằng nhịt không sao dứt được. Ngài kê tai tôi nói nhỏ:

– Ta biết con không mấy thích câu chuyện vô vị này. Nhưng con đừng lo, khi chúng ta đi đến ngôi nhà ngói đỏ đằng kia, anh ta sẽ bỗng dưng nhớ ra một chuyện cần kíp, và vội vã đi khuất mắt chúng ta ngay thôi.

Tôi nghe ông nói và lấy làm ngạc nhiên pha lẫn chút hoài nghi. Chẳng mấy chốc, chúng tôi đã đến

chỗ ngôi nhà ngói đỏ. Anh chàng huyênh hoang ngay khi ấy bỗng đứng đứng sững lại như chợt nhớ ra điều gì. Nhìn bộ dạng hốt hoảng của anh ta thật tức cười. Và anh ta hối hả đi ngay thậm chí quên chào từ biệt hoặc cho chúng tôi biết lý do của sự chia tay đột ngột ấy.

Tôi chuyển từ tâm trạng ngạc nhiên sang kinh ngạc dị thường, pha lẫn với niềm vui thoải mái vì không còn bị quấy rối bởi một gã lảm chuyện không đâu. Khi ấy, tôi hiểu là tôn sư *Mahāsaya* chẳng những có khả năng đọc thấu lòng người, mà ngài còn nhìn thấy trước được những chuyện sắp đến nữa. Và câu chuyện xảy ra tiếp theo đây chứng minh cho ý nghĩ ấy của tôi về ngài.

Tôn sư vỗ vai tôi thân mật và hỏi:

– Con thích xem chiếu bóng không?

Vào thời đó ở Ấn Độ, việc được đi xem một buổi chiếu bóng là khá hấp dẫn, nhất là đối với lứa tuổi thanh thiếu niên. Nhưng tôi không giống như những thanh niên bình thường khác, nên không thấy lôi cuốn mấy với những thú vui loại này. Tuy nhiên, tôi không muốn làm phật lòng tôn sư. Vả lại, dù đi đâu mà được ở bên người thì tôi cũng đều thấy vui. Vì thế, tôi vui vẻ gật đầu tán thành. Chúng tôi ghé lại gần bờ một hồ nước trước sân trường đại học

Calcutta để ngồi nghỉ chân chốc lát trên một chiếc ghế đá. Tôn sư nói:

– Thầy ta ngày trước thường khuyên ta ngồi thiền gần những nơi có mặt ao hồ phẳng lặng, yên tĩnh. Khung cảnh như thế này thường dễ làm cho chúng ta đạt đến một tâm thức an bình, tĩnh lặng.

Lát sau, chúng tôi đi vào giảng đường của trường đại học. Người ta đang có một buổi chiếu bóng thuyết trình về một đề tài khoa học. Chúng tôi tìm một chỗ thích hợp và ngồi xem.

Tôi không mấy hứng thú với vấn đề đang trình bày, và cảm thấy hết sức nhạt nhẽo, vô vị với những hình ảnh được trình chiếu. Chỉ một lúc, tôn sư *Mahāsaya* quay sang tôi nói nhỏ:

– Này con, tuy rằng ta biết con không thích buổi chiếu bóng này, nhưng chúng ta cũng không nên ngang nhiên bỏ đi ra, vì như thế sẽ ảnh hưởng đến những người khác. Con hãy chuẩn bị, điện sắp bị mất trong giây lát, chúng ta hãy nhân đó mà đi ra ngay. Khi chúng ta ra đến hành lang, hệ thống điện sẽ hoạt động trở lại.

Ngay khi đó, đột nhiên tất cả chìm vào bóng tối. Có những tiếng la hét hoảng trên khán đài vì bất ngờ. Chúng tôi nhanh chóng dắt tay nhau đi ra hành

lang. Quả nhiên, khi chúng tôi đã đều bước trên hành lang phía bên ngoài, đèn điện liền vụt sáng trở lại khắp nơi.

Khi chúng tôi ra đến ngoài đường phố, ngài *Mahāsaya* nói với tôi:

– Ta biết con không thích buổi chiếu bóng vừa rồi của người thế tục. Bây giờ ta sẽ cho con xem một buổi chiếu bóng khác, hy vọng sẽ làm con thích.

Nói xong, ngài đến gần và đưa tay áp nhẹ lên ngực tôi, gần vị trí của trái tim.

Đột nhiên, tôi không còn nghe thấy bất cứ một âm thanh nào nữa cả. Đường phố nhộn nhịp, xe cộ qua lại, tất cả diễn ra trước mắt tôi hết như trong một bộ phim câm. Hơn thế nữa, tầm mắt tôi tự dừng như mở rộng một cách kỳ diệu. Tôi nhìn gần, nhìn xa, nhìn thấy cả phía sau lưng mình, nghĩa là khắp mọi nơi. Bất cứ tôi chú ý đến điểm nào, nơi ấy liền hiện rõ trước mắt tôi như trong gang tấc. Tầm mắt tôi không bị che khuất, cũng không còn bị trở ngại vì khoảng cách gần xa. Tôi thử nẩy ra ý muốn nhìn ra xa, liền thấy rõ cả những khu phụ cận của thành phố cũng rõ ràng như đang ở ngay trước mắt mình.

Cảm giác kỳ diệu này làm cho tôi cảm thấy say sưa, ngây ngất trong một niềm vui sướng lạ lùng. Tôi

cảm thấy toàn thân mình nhẹ nhàng, thư thái như không còn bị trói buộc bởi xác thịt phàm tục này. Tôi có cảm tưởng mình dễ dàng bay vút lên tận các vì tinh tú mà không có một trở ngại nào. Trạng thái khó tả này kéo dài với tôi trong một lúc, cho đến khi tôn sư *Mahāsaya* đưa tay vỗ nhẹ vào ngực tôi lần nữa...

Tất cả trở lại bình thường. Tôi lại nghe thấy tiếng người cười nói xôn xao đi lại... Và trong một lúc, tôi có cảm giác thân xác mình nặng nề gấp trăm ngàn lần trước đây, đến nỗi tôi không muốn nhấc chân lên để đi theo thầy nữa. Tôi biết cảm giác ấy là vì tôi vừa bước ra khỏi trạng thái xuất thần kỳ diệu kia một cách quá đột ngột. Tôi thầm cảm ơn tôn sư đã cho tôi được nếm trải một kinh nghiệm tâm linh mà tôi biết sẽ còn rất lâu tôi mới có thể tự mình đạt đến.

– Ta hy vọng là con thích buổi chiều bóng vừa rồi.

Tôn sư nói với một nụ cười rộng mở trên môi người. Tôi xúc động đến phát khóc lên được. Tôi đã muốn quỳ xuống lạy tạ ơn người ngay trên đường phố, nhưng người đã kịp giữ tôi lại bằng một thái độ dứt khoát:

– Con không nên làm vậy. Ta chỉ làm thế vì con xứng đáng được nhìn thấy trước một vài kinh

nghiệm tâm linh như thế. Về sau con sẽ tự mình chứng nghiệm những điều còn cao siêu kỳ diệu hơn thế nữa.

Những lời dạy của ngài tôi còn ghi khắc mãi trong suốt cuộc hành trình tu tập của mình. Và phép mầu kỳ diệu ngài đã ban cho tôi lần ấy đã có giá trị động viên rất lớn đối với tôi, giúp tôi vượt qua rất nhiều những khó khăn, trở ngại về sau. Hơn tất cả, ngài đã giúp tôi củng cố một niềm tin không gì lay chuyển nổi đối với lòng từ bi vô lượng vô biên của đức Quán Thế Âm, một chỗ dựa vững chắc giúp tôi có thể an nhiên tự tại ngay trong cả những hoàn cảnh đầy bất trắc.

Nhiều năm về sau, tôi được chứng kiến nhiều phép mầu kỳ diệu của các bậc tôn sư, và tôi hiểu ra một điều là đức tin sâu vững của con người có giá trị vượt xa những năng lực tri thức. Những gì người ta phải cố gắng nhiều thế kỷ để đạt đến bằng tri thức, bằng khoa học, thì về phương diện tâm linh đôi khi có thể đạt đến chỉ trong một thời gian rất ngắn. Hơn thế nữa, tôi còn biết được rằng hạnh phúc chân thật và sự tồn tại của nhân loại không phải nhờ vào những tiến bộ khoa học kỹ thuật tối tân của một nền văn minh vật chất, mà là nhờ vào những thành tựu về mặt tâm linh mà các bậc thánh nhân đã đạt được và truyền lại.

CHƯƠNG VIII

SỨ PHỤ ŚRĪ YUKTESWAR

C háng bao lâu đã đến lúc tôi phải đối mặt với kỳ thi tốt nghiệp trung học, theo như mong muốn tối thiểu mà cha tôi kỳ vọng ở tôi trước khi cho phép tôi bước vào con đường xuất gia tu học.

Một buổi chiều, tôi đọc thấy trong tập sách ôn thi của một vị giáo sư danh tiếng lời nhận xét sau đây: *“Đức tin có thể giúp chúng ta vượt qua mọi việc, trừ việc muốn thi đậu mà không chịu học bài.”*

Tôi gấp sách lại và nghĩ: “Tác giả này đã không có đủ đức tin trong cuộc sống. Ông ta có thể là một học giả khoa cử nhưng sẽ không bao giờ có thể hưởng được lợi lạc từ đức tin.”

Mặc dù tôi có hứa với cha tôi sẽ hoàn tất việc học như người mong đợi, nhưng tôi đã không có đủ can đảm dành nhiều thì giờ cho việc học. Trong suốt những tháng cuối cùng của niên học, tôi lại thường bị cuốn hút vào những buổi trầm tư bên bờ sông Hằng thay vì là dành trọn thời gian cho việc ôn thi.

Có những buổi chiều, tôi lang thang đi qua khu đất trống dành cho việc hỏa táng các xác chết. Đôi khi tôi ở đó cho đến tận lúc đêm xuống. Khung cảnh bãi tha ma hoang vắng, rùng rợn này thật chẳng có chút hứng thú, hấp dẫn nào đối với những con người bình thường. Nhưng nó đặc biệt có sức lôi cuốn với những ai đang muốn thể nghiệm tính chất vô thường của cuộc sống.

Cuối cùng rồi ngày thi cũng sắp đến. Chỉ còn không đầy một tuần nữa, hoặc là tôi có thể vượt qua kỳ thi bất đắc dĩ này để làm vừa lòng cha tôi, hoặc là tôi sẽ thất bại ê chề và lại phải tiếp tục những ngày tháng nặng nề buồn chán nơi trường học.

Thời gian chờ đợi đối với tôi thật nặng nề. Tôi thực sự đã không chuẩn bị đủ kiến thức để tham gia kỳ thi. Nhưng tôi lại hoàn toàn không muốn thi hỏng, vì đối với tôi thì đây chính là cơ hội để vượt qua và giải thoát khỏi con đường khoa cử.

Tôi đang lang thang với tâm trạng bất ổn thì nghe có tiếng gọi trên đường phố:

– *Mukunda!* Anh đi đâu mà biệt tích suốt mấy ngày nay vậy?

Tôi quay lại. Đó là *Nantu*, một bạn học cùng lớp và được chúng tôi mệnh danh là “*nhà học giả*” vì

sức học uyên bác của anh. Tôi cười thật tươi đáp lời anh:

– À! Cứu tinh của tôi đây rồi. Thú thật với anh là tôi đang đi tìm câu giải đáp cho kỳ thi sắp tới.

Nantu cũng bật cười vui vẻ trước lời thú nhận của tôi:

– Tất nhiên là bạn bè phải giúp nhau thôi. Tôi hiểu anh chẳng có hứng thú gì với sách vở, nên phải gặp khó khăn vào lúc này rồi. Tôi chỉ mong ngày sau lúc anh thành Phật sẽ nhớ cứu độ cho tôi trước đấy nhé!

Tôi cười xòa với câu nói đùa chân thật và tỏ ra đầy sự cảm thông của *Nantu*. Anh đề nghị tôi đến nhà anh để cùng nhau chuẩn bị cho chuyen thi cử.

Giải pháp của *Nantu* đề ra tuy không chắc chắn lắm nhưng quả thật khiến tôi rất yên lòng. Ít ra thì tôi cũng có được những lý do tương đối để nuôi hy vọng. “*Nhà học giả*” này hệ thống toàn bộ chương trình học và đề ra một số vấn đề mà anh tin là sẽ rơi vào kỳ thi năm nay. Anh giải đáp các vấn đề ấy cho tôi thật kỹ, và thậm chí đề nghị tôi học thuộc một số trong đó. Tôi rời khỏi nhà anh khá khuya khoắt, trong đầu nhét đầy những kiến thức vừa được anh giảng giải, cùng với niềm hy vọng là đức tin và

sự may mắn sẽ giúp tôi vượt qua được khó khăn lần này.

Nhưng trong lúc vội vàng, *Nantu* đã quên khuấy đi môn tiếng Phạn cổ. Mà môn này lại là một trong những điểm rất yếu của tôi. Tôi băn khoăn tự hỏi không biết rồi sự thiếu sót này sẽ được đền bù bằng cách nào đây!

Sáng sớm hôm sau, tôi đi bách bộ trên đường phố vắng vẻ để ôn lại những kiến thức vừa học đêm qua. Không khí trong lành của buổi sáng tinh mơ giúp tôi cảm thấy trong người sảng khoái và sáng suốt hơn bao giờ hết. Tôi lấy làm ngạc nhiên mà thấy mình có thể nhớ lại một cách rõ ràng từng điểm một trong những điều mà *Nantu* đã giảng giải.

Trong lúc vui chân, tôi không hiểu tại sao mình lại rẽ vào một con đường nhỏ bằng qua một khoảng đất trống khá rộng. Thật ra tôi cũng chẳng hề có mục đích đi đến đâu, chỉ là muốn đầu óc được thư giãn đôi chút sau một đêm căng thẳng mà thôi.

Trong lúc tôi đang thong thả đếm từng bước chân trên con đường nhỏ, một cơn gió bỗng thổi ngang qua trước mặt tôi một tờ giấy. Tôi cúi xuống nhặt lên và thấy có vẻ như đó là một trang sách bị xé ra từ một cuốn sách viết bằng tiếng Phạn cổ. Tôi thử đọc xem thì thấy đó là một bài văn khá lưu loát và súc tích.

Tôi vừa đi vừa xem và bỗng thấy thích bài văn cổ ấy nên gấp miếng giấy cho ngay vào túi.

Buổi chiều, tôi sắp xếp thời gian ghé thăm một học giả nổi tiếng về chữ Phạn cổ, đưa cho ông ta xem bài văn cổ ấy và đề nghị ông giúp tôi phân tích, nhận xét về nó. Ông ta nhìn tôi, cười hóm hỉnh và hỏi đùa:

– Đây không phải là đề thi tốt nghiệp trung học môn tiếng Phạn năm nay đấy chứ?

Nói thế, nhưng ông có vẻ rất thích bài văn này. Ông say sưa giúp tôi phân tích bài văn thật kỹ, và còn thông qua đó chỉ ra nhiều điểm quan trọng trong môn học này.

Điều mà tôi có nằm mơ cũng không nghĩ đến là tôi đã vượt qua kỳ thi tốt nghiệp một cách thật dễ dàng, cho dù chỉ với điểm số trên trung bình đôi chút. Khởi nói thì có lẽ độc giả cũng hiểu được những gì đã xảy ra: Tôi “trúng tử” môn tiếng Phạn với bài văn bất gặp tình cờ kia, và cũng nhớ được các “bài giảng” của *Nantu* vừa đủ để lấp kín những khoảng trống trong bài thi!

Cha tôi vui mừng khôn xiết khi biết kết quả thi đậu của tôi. Còn bản thân tôi thì xem đây như là thời điểm cáo chung của những ngày dài học tập trong

trường lớp, và là giấy phép để tôi bước chân vào đời sống xuất gia như cha tôi đã hứa. Hơn thế nữa, đây còn là sự củng cố thêm đức tin sâu vững của tôi, vì lập luận của vị giáo sư trong tập sách kia rằng “trừ việc muốn thi đậu mà không chịu học bài” đã không còn đúng vững nữa trong trường hợp của tôi, một cậu học trò theo đuổi những kinh nghiệm tâm linh nhiều hơn là học bài trong trường lớp. Nếu có dịp gặp được ông ta đâu đó, có lẽ tôi sẽ không ngần ngại mà nói rõ cho ông biết, việc tôi thi đậu chỉ hoàn toàn là nhờ vào đức tin mà thôi!

Tôi không bỏ lỡ thời gian chuẩn bị ngay cho tương lai theo đúng như mong ước của mình. Cùng với một người bạn đồng chí hướng là *Jitendra Mazumdar*, tôi quyết định sẽ tìm đến tu viện *Mahāmandai* ở *Bénarès* để bắt đầu cuộc sống thoát ly gia đình.

Tuy nhiên, điều tôi không hề nghĩ đến trước đó là tình cảm gia đình lại níu chân tôi mạnh mẽ đến thế. Từ khi mẹ tôi qua đời, tôi ngày càng thấy thương yêu hai em trai của mình là *Sananda* và *Bishnu* nhiều hơn. Và ngay cả đối với những vật vô tri giác như cũng trở nên quyến luyến đậm đà đối với tôi khi trong trí tôi thực sự nghĩ đến việc rời khỏi gia đình. Thế là tôi rơi vào một tâm trạng phân vân không dứt khoát, kéo dài qua nhiều ngày.

Sau cùng, tôi quyết định phải tự mình xác định hướng đi đúng đắn nhất bằng cách bước vào căn gác nhỏ quen thuộc của mình và tham thiền để tìm ra đáp án. Với sự quyết tâm cao độ, đêm đó tôi tham thiền đến tận khuya, và cuối cùng tôi nhận ra tất cả những tình cảm quyến luyến kia không thể nào vượt qua được lòng ham thích cuộc sống xuất gia mà tôi đã theo đuổi từ thuở bé. Tất cả những dự báo của mẹ tôi trong lời di chúc để lại, rồi những nhận xét của các bậc tôn sư mà tôi đã gặp... Và cuối cùng, yếu tố quyết định nhất là một điều kỳ diệu vốn đã xảy ra cho mẹ tôi nhiều năm về trước. Trong khi đang tham thiền, bỗng tôi nghe có một cảm giác lạnh lạnh trong lòng bàn tay, khiến tôi phải chú ý đến. Tôi mở mắt nhìn xuống. Lạ thay, chính là món linh phù bằng bạc mà tôi đã cất giữ rất cẩn thận trong một cái hộp có khóa, để trong ngăn tủ!

Khi tôi nhận ra món linh phù, trong trí tôi nhớ lại tất cả những gì mà mẹ tôi đã kể. Tôi biết là cuộc đời tôi gắn bó với món vật linh thiêng này, và sự xuất hiện kỳ lạ của nó hôm nay chắc hẳn là một thông điệp giúp tôi sớm đi đến quyết định cuối cùng. Ngay lúc ấy, tôi biết rằng sứ mệnh tương lai của tôi đã bắt đầu kể từ giây phút này.

Việc chuẩn bị được tiến hành rất nhanh chóng. Cha tôi giữ lời hứa đồng ý cho tôi ra đi nhưng với

một sự lưu luyến mà tôi dễ dàng nhận ra trong mắt người. Khi tôi đến tu viện *Mahāmandai* ở *Bénarès*, *Jitandra* đã có mặt ở đó rồi. Vị sư trưởng ở đây là *Dayānanda* hãy còn khá trẻ. Ông đón tiếp tôi một cách nồng hậu. Với dáng người cao và hơi gầy với vẻ mặt trầm tĩnh, người đã tạo cho tôi một ấn tượng ban đầu khá tốt đẹp. Gương mặt khô ngô của ông có những nét phảng phất gợi nhớ đến nét từ hòa trên khuôn mặt đức Phật mà tôi thường chiêm ngưỡng.

Chỗ ở mà tôi được bố trí trong tu viện có một căn gác nhỏ yên tĩnh, mỗi buổi sáng tôi có thể tham thiền ở đó trong vài giờ, hoặc vào những lúc thuận tiện khác trong ngày. Những bạn đồng tu khác trong tu viện có vẻ chưa quen mấy với việc thực hành môn thiền định, nên họ tỏ ra thiếu thông cảm với những giờ tọa thiền của tôi.

Tôi được giao một công việc ở văn phòng, và trong thời gian đầu mọi người đều hài lòng với những gì tôi làm được. Nhưng buổi chiều kia, một bạn đồng tu nói với tôi về chàm chọc khi thấy tôi đang sửa soạn lên gác:

– Huynh không nên nhập *Niết-bàn* quá sớm như thế!

Hôm sau, tôi tìm gặp sư trưởng *Dayānanda* để kể lại sự việc và nói:

– Bạch sư trưởng, con không biết người ta muốn con phải làm những gì, nhưng nếu không thể thực hành công phu thiền định thì không có một điều gì khác có thể làm cho con cảm thấy bù đắp được.

Sư trưởng tỏ ra rất cảm thông với tôi. Người nói với các đệ tử đang đứng gần đó:

– Các con đừng ngăn cản *Mukunda*. Dần dần rồi cậu ta sẽ quen dần và hòa nhập được với đời sống mới.

Nhưng tôi lấy làm ngờ vực về sự vâng lời của các đệ tử người, vì sau lần ấy tôi không thấy họ có thái độ thay đổi gì tích cực.

Một hôm, sư trưởng nói với tôi:

– *Mukunda*, cha em vẫn gửi tiền đến đây cho em mỗi tháng. Ở đây em sẽ không cần dùng đến tiền, nên ta muốn em hãy gửi trả về nhà. Ngoài ra, ta muốn em biết thêm điều này: khi em đói, hãy giữ đừng biểu lộ cho người ngoài nhìn thấy.

Tôi hơi băn khoăn về câu nói sau cùng của sư trưởng. Tôi không biết là bộ dạng của tôi có làm cho người ta thấy rõ là tôi đói hay không, nhưng tôi biết rất rõ một điều rằng đó là sự thật. Ở đây chúng tôi chỉ ăn lần đầu trong ngày vào lúc giữa trưa, trong khi ở nhà tôi vẫn quen với bữa ăn thịnh soạn lúc chín

giờ. Và ba tiếng đồng hồ chênh lệch không phải là một thời gian ngắn ngủi hoặc dễ chịu chút nào cho một cậu trai trẻ đang lớn như tôi.

Thay vì “*quen dần đi*” như lời sư trưởng nói, tôi càng ngày lại càng cảm thấy khó chịu hơn. Tôi luôn nhớ lại những ngày còn ở nhà, người đầu bếp chỉ cần dọn cơm trễ chừng 10 phút đã có thể bị tôi quở trách!

Trong một nỗ lực để chế ngự bản thân mình, tôi đã thử nhịn đói trong một ngày. Nhưng vô ích, vì sau đó tôi càng thấy nôn nao hơn nữa trong lúc chờ đợi bữa trưa ngày hôm sau!

Một hôm, trong lúc tôi đang chờ đợi giờ cơm trưa sắp đến thì *Jitandra* đến báo một tin chẳng lành:

– Xe lửa của sư trưởng *Dayānanda* về trễ giờ, chúng ta sẽ đợi sư trưởng về để cùng ăn.

Trong hai tuần qua, sư trưởng có việc phải đi vắng. Để tỏ lòng kính trọng người, hôm nay tất cả chúng tôi phải đợi người về đến nơi để cùng ăn cơm. Điều oái ăm là nhà bếp đã nấu nướng sẵn sàng, và hương vị của các món ăn – khá đặc biệt trong ngày đón tiếp sư trưởng – không bay đi đâu mà dường như chỉ xông thẳng vào mũi tôi. Cái mùi thơm ngào ngạt đó mới nghĩ thấy thì vô cùng dễ chịu, nhưng ngay sau đó lại

có tác dụng làm cho cơn đói cồn cào lại càng hoành hành thô bạo hơn trong bao tử. Tôi buồn bực nằm co trong cơn chờ đợi, không thiết nghĩ đến bất cứ một việc làm nào. Thời gian bấy giờ đối với tôi như kéo dài vô tận.

Trời đã về chiều, và màn đêm dần buông xuống trước khi sư trưởng của chúng tôi về đến tu viện. Tôi đón tiếp sự trở về muộn màng của người với niềm vui sướng mà tôi nghĩ là người sẽ chẳng bao giờ hiểu được nguyên do!

Nhưng sự việc chưa chấm dứt ở đây. *Jitendra* chậm rãi thông báo cho tôi biết tin “*thời sự*” mới nhất bằng một giọng uể oải, có lẽ anh ta cũng đã đói cực kỳ:

– Sư trưởng còn đi tắm, và người phải tham thiền một lúc. Sau đó, chúng ta mới dùng cơm.

Tôi rủ cả người ra và nghĩ thầm: “Người chết đói đầu tiên trong năm nay ở *Bénarès* này chắc hẳn phải là tôi.”

Đúng chín giờ thì bữa cơm mới được bắt đầu. Buổi cơm tối hôm đó hẳn là một trong những giây phút tuyệt vời khó quên nhất trong đời tôi, sau một ngày chờ đợi dài đằng đẵng tưởng như hàng thế kỷ.

Tôi ăn ngấu nghiến như chưa từng được ăn. Nhưng tôi cũng còn đủ sự lưu tâm để nhận thấy là vị sư

trưởng chỉ ăn uống qua loa như để không làm buồn lòng các đệ tử. Vì thế, sau bữa ăn tôi bước vào phòng người.

– Bạch sư trưởng, ngài không thấy đói sao?

– Có chứ. Trong bốn ngày qua ta chẳng ăn uống gì. Và khi đi trên xe lửa ta không bao giờ ăn vì những rung động nặng nề ở đó làm cho tâm thức rất khó được an định. Ngày hôm nay lại còn khá nhiều công việc tổ chức làm ta bận trí, nên ta đã ăn uống quá sơ sài. Thôi được, ngày mai ta sẽ bù đắp lại vậy.

Tôi nhớ lại tâm trạng của mình trong suốt ngày hôm đó và lấy làm kinh ngạc pha lẫn sự hổ thẹn khi so sánh với những điều ngài nói. Nhưng tôi vẫn không sao hiểu được trọn vẹn vấn đề. Tôi đánh bạo hỏi ngài:

– Bạch sư trưởng, ngài có dạy không nên bày tỏ cho người khác biết cơn đói của mình. Nhưng nếu trong trường hợp đói mà không có ai mời ăn, chẳng phải sẽ chết đói hay sao?

– Này con, nếu có trường hợp đó, con hãy vui vẻ chịu chết.

Tôi giật nảy cả mình như bị tạt vào một gáo nước lạnh. Câu trả lời của sư trưởng vượt ngoài sức tưởng tượng của tôi. Ngài vẫn thong thả nói tiếp:

– *Mukunda*, con đừng tưởng việc để tâm tìm kiếm vật thực sẽ nuôi con sống mãi. Khi nghiệp lực không còn nữa, dù con có nằm trên một núi thức ăn, con cũng không sống được. Còn nếu nghiệp lực chưa dứt, việc ăn uống của con tự khắc sẽ được giải quyết không cần lo lắng. Con nên biết, con cũng như ta, chúng ta bỏ đời sống gia đình ra đi cầu đạo, hẳn phải vì một cái gì đó cao quý và quan trọng hơn chứ không phải là vấn đề vật thực.

Những lời ngắn gọn nhưng dứt khoát của vị sư trưởng làm tôi thấy như bừng tỉnh sau một cơn mê dài. Tôi vụt hiểu ra sự vô nghĩa, tạm bợ của xác thân vật chất này, và tinh thần tôi đã yếu đuối biết bao nhiêu mới bị nó hành hạ tưởng như không sao chịu đựng được. Và tôi lấy làm xấu hổ khi thấy rõ mình hoàn toàn chưa có đủ sự chuẩn bị để đối phó với những vấn đề lớn lao hơn, như sự sống chết của một đời người!

Tôi nhớ lại những lần hiếm hoi khi tôi vượt lên được sự ràng buộc của thể xác bằng một tinh thần cương nghị, dũng mãnh. Những khi ấy tôi thấy tôi mạnh mẽ và thanh thoát biết dường nào. Bài học hôm nay ở tu viện *Mahāmandai* tại *Bénarès* này sẽ là một bài học tôi không thể nào quên cho đến tận cuối đời.

Từ *Calcutta* ra đi, tôi không mang theo bất cứ món của cải quý giá nào, ngoại trừ món linh phù bằng bạc của mẹ tôi để lại. Tôi luôn giữ nó thật cẩn thận bên người, hoặc khi không mang theo nó, tôi để vào trong một chiếc hộp nhỏ có khóa rồi đặt trong ngăn tủ ở phòng tôi. Những khi nội tâm bất an hoặc gặp phải chuyện gì khó khăn, trắc trở, tôi đều lấy nó ra và ngồi lặng yên ngắm nhìn trong một lát. Những khi ấy, tôi nghĩ đến mẹ tôi và thầy *Lahiri Mahāsayā*, và tự nhiên một nguồn sức mạnh tinh thần vô biên như được truyền tiếp đến cho tôi, khiến tôi lại cảm thấy vững vàng và tự tin hơn để tiếp tục chí nguyện của mình.

Sáng hôm ấy, tôi mở khóa chiếc hộp đựng món linh phù để nhìn ngắm nó. Kỳ lạ thay, ổ khóa vẫn còn nguyên vẹn, nhưng món linh phù đã không cánh mà bay! Lời dự báo của vị tu sĩ lúc trao nó cho mẹ tôi giờ đây đã ứng nghiệm. Và nếu đúng như thế, có nghĩa là nó đã làm xong sứ mệnh hộ phù cho tôi. Điều này đồng nghĩa với việc một bước ngoặt quan trọng nào đó của đời tôi chắc chắn là đang âm thầm đến gần. Tôi đã nghĩ như vậy và bản khoản chờ đợi.

Mối quan hệ giữa tôi với các bạn đồng tu trong tu viện *Mahāmandai* ngày càng xấu đi. Việc tôi dành nhiều thời gian cho việc tham thiền có vẻ như không

thích hợp với đường hướng tu tập chung của toàn tu viện. Sự căng thẳng với các huynh đệ đã đến mức làm cho sư trưởng cũng phải phật lòng.

Thất vọng nặng nề vì cảm thấy mình không đạt được những điều mong muốn như khi bước chân ra đi, tôi mơ hồ cảm thấy tu viện này có lẽ không phải là nơi thích hợp cho việc tu tập của tôi. Tôi dồn nỗ lực vào việc tham thiền và cầu nguyện sao cho sự hộ trì của chư hộ pháp sẽ giúp tôi sớm tìm được bậc minh sư đích thực của mình.

Một hôm, trong lúc đang tham thiền nhập định ở trạng thái hoàn toàn tập trung, tôi bỗng nghe có tiếng nói văng vẳng quanh mình:

– Vị đạo sư của con sẽ xuất hiện trong ngày hôm nay.

Tiếng nói ấy làm tôi cảm thấy hân hoan vui mừng khôn tả. Và chỉ trong phút chốc tôi vụt nhớ ra ngay. Chính là âm hưởng giọng nói của đức Phật mẫu Quán Thế Âm mà tôi có lần đã được nghe khi còn ở *Calcutta*.

Tâm trạng thư thái, vui mừng của tôi vẫn còn đang kéo dài chưa dứt, thì bỗng nhiên tôi nghe có tiếng gọi giật giọng từ bên dưới:

– *Mukunda*, hãy dẹp ngay chuyện tọa thiền của anh đi. Chúng tôi cần anh đi chợ mua đồ.

Nếu vào một lúc khác, có lẽ tôi đã bực tức lên và cự nự đôi câu trước những lời thô thiển đó. Nhưng hôm nay tôi thấy lòng rất vui và hoàn toàn không muốn đánh mất niềm vui ấy. Tôi thư thả đứng lên, leo xuống gác và nhận nhiệm vụ đi mua đồ cùng với một người nữa là *Habu*.

Chúng tôi phải mua đồ ở một khu chợ khá xa, nằm ở khu *Bengali* của thành *Bénarès*. Nhưng những món đồ cần mua không nhiều lắm, nên chỉ khoảng gần trưa là chúng tôi đã mua xong và trên đường trở về. Chúng tôi chen qua những đám người đông đảo đủ mọi tầng lớp của phố thị, và cuối cùng cũng ra đến khu đường trống.

Ngay khi đi qua một ngã tư, tôi nhìn theo con đường nhỏ cắt ngang qua lối chúng tôi đang đi và nhìn thấy một tu sĩ ở cách đó không xa. Vừa nhìn thấy ông ta, tôi bỗng giật nảy cả người. Ông mặc áo cà sa màu vàng sậm, khuôn mặt và dáng dấp của ông quen thuộc với tôi đến mức lạ kỳ: chính là khuôn mặt rất thường xuất hiện trong những giấc mơ của tôi thời niên thiếu.

Tuy vậy, tôi vẫn còn chưa thấy chắc chắn lắm, nên sau một lúc dừng lại để ngắm nhìn ông, tôi lại rảo bước đi theo *Habu* lúc ấy đã mang đồ đi khá xa và đang đứng lại để chờ tôi với dáng ngạc nhiên.

Nhưng tôi bỗng nghe hai chân mình nặng như chì, tưởng chừng không sao nhấc lên được. Một sức mạnh kỳ bí thôi thúc tôi quay lại và hướng về người tu sĩ. Ngay khi ấy đôi chân tôi trở lại bình thường. Không tin nổi vào cảm giác của chính mình, tôi liền thử quay lại đi theo *Habu* nhưng vô ích, đôi chân tôi quả nhiên lại không sao nhấc lên được nữa. Thế là tôi tuân theo một mệnh lệnh tự trong tâm thức mình và quay lại đi về hướng vị tu sĩ.

Tự nãy giờ, vị tu sĩ vẫn đứng yên nơi một góc đường với dáng vẻ thản nhiên, hiền hậu. Có vẻ như ông đang kiên nhẫn chờ tôi đến. Khi tôi đến gần, tôi thấy ánh mắt người nhìn tôi và tôi quả quyết ngay là mình đã nghĩ đúng. Tôi đến ngay trước mặt người và không ngần ngại quỳ ngay xuống trên đường phố:

– Kính lạy sư phụ.

Tôi nói ra lời ấy như tuân theo một nhân duyên từ tiền kiếp mà chính tôi cũng không sao hiểu nổi. Vị tu sĩ nở nụ cười thật từ hòa, đưa tay sờ đầu tôi theo như cách mà các bậc tôn sư vẫn làm để tỏ lòng thương yêu với môn đệ.

– Con đã đến, cuối cùng thì con đã đến. Ta chờ đợi con cũng đã khá lâu rồi.

Tôi ngẩng lên nhìn người một lát trước khi người ra hiệu cho tôi đứng dậy. Người có đôi mắt đen sáng

ngời và biểu lộ rõ sự điềm tĩnh, khuôn mặt rắn rỏi với những nét cương nghị nhưng đôn hậu, và một mái tóc uốn quăn thành từng lọn dài xuống tận hai vai, hòa hợp với chòm râu ngắn hơi vuốt nhọn xuống dưới cằm.

Như đã biết nhau tự thuở nào, sư phụ nắm tay đưa tôi đi về một am thất ở khu *Mahal* của *Bénarès*. Dáng đi nhanh nhẹn với tấm lưng cao và thẳng đứng của người như không có chút dấu ấn nào của tuổi tác. Nhìn người bước đi, tôi có thể cảm nhận được những nét hài hòa giữa sức mạnh và sự dịu dàng.

Khi chúng tôi đến một am thất nằm gần bờ sông Hằng, sư phụ nói với tôi bằng một giọng rất êm ái:

– Ta sẽ dành cho con tất cả tình thương và những gì thuộc về ta.

Tôi đáp lời người một cách cung kính:

– Bạch sư phụ, con chỉ mong muốn được đi theo người để đạt đến chân lý giác ngộ. Tất cả những điều khác con không màng đến.

Tuy chúng tôi không trao đổi gì nhiều với nhau, nhưng bóng chiều cũng đã nhanh chóng đổ xuống. Niềm vui của lần gặp gỡ kỳ diệu này đã khiến tôi cảm thấy thời gian như đang trôi qua quá nhanh. Sư phụ đưa tôi vào nhà. Chúng tôi cùng vào một căn

phòng nhỏ và ăn xoài với bánh ngọt. Người hỏi tôi một số việc, nhưng có vẻ như chỉ để trấn an tôi mà thôi, vì tôi nhận thấy là người đã biết rõ những việc ấy trước khi tôi kịp nói ra. Người nói với tôi:

– Con đừng buồn về việc món linh phù đã không còn với con nữa. Nó đã hoàn tất sứ mạng cần thiết của nó và sẽ không ích gì nếu con còn giữ nó với con.

– Bạch thầy, sự gặp gỡ hôm nay với thầy là niềm vui sướng vô biên khiến cho con thấy không có gì phải quan tâm đến chuyện mất mát ấy nữa cả.

Và tôi cũng nói ra một điều mà tôi nghĩ có lẽ sư phụ đã biết rõ:

– Bạch thầy, con cảm thấy không khí ở tu viện hiện nay con đang ở quá ngọt ngào. Có lẽ con rất cần phải thay đổi chỗ ở.

Sư phụ nhìn tôi và mỉm cười, có vẻ như ngài đang chờ đợi tôi nói ra câu này:

– Có một nơi mà không khí sẽ không ngọt ngào đối với con chút nào. Đó là gia đình con ở *Calcutta*. Hãy trở về với gia đình. Tình thương của con bao trùm hết thấy chúng sanh, vậy tại sao con lại loại trừ chính những người mà lẽ ra con phải thương yêu hơn hết?

Tôi không thấy có gì không hợp lý trong lời nói của sư phụ. Tuy nhiên, ý tưởng về một kẻ ra đi thất bại quay trở về làm tôi không sao chịu đựng nổi. Những bức thư từ nhà gửi đến vẫn khẩn thiết van nài tôi quay trở về, nhưng tôi đã đứng đưng không hề nghĩ đến chuyện thay đổi ý định. Anh *Ananta* cuối cùng đã bực tức và tuyên bố: “Hãy để cho con chim non ấy tung bay khắp những vùng trời cao rộng mà nó còn khao khát. Rồi sẽ đến lúc nó phải mỏi mệt và quay về với tổ ấm gia đình.”

Trong đầu óc non nớt bốc đồng của tôi lúc ấy, tôi không cho đó là lời chân thật xuất phát từ tình cảm, mà cảm thấy như một lời khiêu khích, thách thức đầy gay cấn. Vì thế, tôi đã nhủ lòng sẽ không bao giờ quay trở lại gia đình. Phải mất nhiều năm sau tôi mới ý thức được đầy đủ những sai lầm trong suy nghĩ của mình khi ấy.

– Bạch thầy, con không thể nào trở lại *Calcutta*. Con có thể theo thầy đi đến bất cứ nơi đâu, nhưng xin thầy đừng buộc con quay về với gia đình. Xin thầy cho con biết đạo hiệu của thầy và nơi ở mà con có thể tìm đến.

– Ta tên là *Śrī Yuktaswar Giri*. Tu viện chính của ta ở *Serampore*, đường *Rai Ghat*. Ta chỉ đến đây trong vài ngày để thăm mẹ.

Tôi thăm nghĩ những việc xảy ra ở đời quả là không sao lường trước. *Serampore* cách *Calcutta* chỉ không đến mười hai dặm đường. Vậy mà tôi đã phải chờ đợi đến tận bây giờ, và phải tại thánh địa *Bénarès* này mới có cuộc gặp gỡ quan trọng này. Bất chợt, tôi liên tưởng đến biết bao bậc hiền thánh của xứ Ấn Độ từ xưa kia, và ngay cả chính đức Phật cũng đều đã từng đặt chân lên thánh địa này.

Sư phụ *Śrī Yukteswar* nghiêm nét mặt và nhìn tôi, nói với vẻ thật nghiêm khắc:

– Con sẽ đến chỗ ta trong bốn tuần nữa, hãy nhớ lấy.

Rồi người chậm rãi nói tiếp:

– Vì ta đã bày tỏ lòng thương yêu vô hạn dành cho con, nên đổi lại con đã cãi lời ta. Nếu trong lần gặp gỡ sắp tới mà con vẫn không làm ta hài lòng, ta không đảm bảo là sẽ thu nhận con. Ta rất nghiêm khắc trong việc nhận đệ tử, và tất cả đều phải tuyệt đối tuân theo những chỉ dẫn của ta.

Người nhấn mạnh hai chữ “*tuyệt đối*”. Tôi thấy hơi lo ngại, nhưng vẫn kéo dài sự yên lặng. Sư phụ *Śrī Yukteswar* hiểu được suy nghĩ của tôi thật dễ dàng. Người nói:

– Lòng tự ái của con đã ngăn không cho con trở về với gia đình, phải không? Con sợ sẽ bị mọi người chế giễu rằng đã học đạo không thành?

Tôi không xác nhận sự thật ấy, chỉ đáp lại với sự bướng bỉnh của một con ngựa non:

- Con sẽ không trở về nhà.
- Con phải trở về trong ba mươi ngày nữa.

Người gằn giọng vào chữ “*phải*”, như một mệnh lệnh không chấp nhận sự chối từ. Nhưng tính hiếu thắng của tôi không dễ bị đập tan như vậy. Tôi kính cẩn đáp lời ngài:

- Bạch sư phụ, không khi nào con trở về đâu.

Sau đó, tôi quỳ xuống từ biệt mà không nói thêm điều gì khác nữa. Khi bước ra khỏi am thất của thầy, tôi vẫn còn băn khoăn chưa sao hiểu nổi ý muốn của thầy khi nhất quyết buộc tôi phải trở về nhà. Và tôi lấy làm buồn bã khi không thể tuân theo lời dạy của thầy.

Mãi về sau này, tôi vẫn nhiều lần nhớ lại và vô cùng ân hận vì chuyện ấy. Và mỗi lần như thế, tôi càng thêm kính phục sự hiểu biết sâu xa và tế nhị của thầy. Không những người dạy cho tôi về đạo hạnh mà còn là cách suy nghĩ hoàn thiện tình cảm con người nữa.

Từ hôm sau đó, mối quan hệ giữa tôi với các bạn đồng tu trở nên căng thẳng đến mức không sao chịu nổi. Gần như ngày nào tôi cũng có ít nhất một hai

lần đụng chạm với họ. Và ba tuần sau, khi sư trưởng *Dayānanda* có việc phải đi *Bombay*, thì mọi chuyện bùng nổ không cứu vãn được nữa. Họ đưa ra lời chỉ trích cực kỳ xúc phạm đối với tôi:

– *Mukunda* chỉ là một kẻ ăn bám. Anh ta chẳng làm được gì mà cũng không hề đóng góp tiền ăn cho tu viện.

Trong lúc bốc đồng, tôi thấy giận chính mình vì đã nghe lời sư trưởng gửi trả tiền về nhà. Sau đó, tôi quyết định là không thể nào kéo dài cuộc sống căng thẳng này lâu hơn được nữa. Tôi tìm đến chỗ *Jitendra* và nói:

– *Jitendra*, tôi sẽ rời khỏi đây. Anh vui lòng chuyển lời từ biệt và cáo lỗi của tôi đến với sư trưởng khi người trở về.

Jitendra giấy nẩy lên khi nghe tôi nói:

– Tôi cũng sẽ đi. Đây không phải là nơi chúng ta có thể thực hành công phu thiền định như mong muốn.

Tôi liền nói với *Jitendra*:

– Tôi vừa gặp một vị minh sư. Tu viện của người ở tại *Serampore*. Chúng ta sẽ cùng đi đến đó.

Và như vậy, con “chim non” lại tiếp tục vỗ cánh bay sang hướng đông, về gần *Calcutta*.

CHƯƠNG IX

CHUYẾN ĐI BẰNG ĐỨC TIN

Vào thời điểm đó, anh *Ananta* đã chuyển từ *Calcutta* đến ở tại *Agra*, vì anh làm chuyên viên kế toán tại đây cho công ty đường sắt *Bengal-Nagpur*. Tôi và *Jitendra* định ghé lại thăm anh trước khi đi đến tu viện ở *Serampore*.

Mặc dù rất vui khi được gặp tôi, nhưng anh cũng không bỏ lỡ một cơ hội để lên lớp tôi về ý nghĩa cuộc đời. Anh nói:

– *Mukunda*, rồi em sẽ sống ra sao nếu không có phần gia tài của cha để lại? Em đã lãng phí cuộc đời mình một cách hoàn toàn vô ích.

Tôi không cần suy nghĩ, trả lời anh ngay:

– Em chỉ có một phần gia tài quý giá nhất là đức tin mà cha mẹ đã hun đúc cho em từ thuở bé. Những thứ khác hoàn toàn chỉ là tạm bợ nên em không quan tâm đến.

– Em phải biết là tiền bạc bao giờ cũng cần đến trước nhất. Điều thực tế là đức tin chỉ được nói đến

sau khi đã có đủ tiền bạc. Em hãy chờ đấy mà xem, cuộc đời còn dài mà.

Tôi bất chợt ứng khẩu đáp ngay lời anh:

– Đức tin là trên hết, tiền bạc chỉ có giá trị khi người ta có đủ đức tin. Anh hãy chờ đấy mà xem, cuộc đời ngắn ngủi lắm.

Tôi không ngờ rằng lời nói ấy có giá trị như một lời tiên tri, vì chỉ có hai năm sau thì *Ananta* đã từ già cuộc đời để đến với một thế giới mà tiền bạc không giúp gì cho anh được nữa!

Anh *Ananta* cười cầu hòa khi thấy câu chuyện đã có vẻ đi đến chỗ hơi căng thẳng. Anh tìm cách chuyển hướng sang một đề tài khác hơn:

– À, ra là thế. Nhưng em lại từ bỏ *Bénarès* có vẻ hơi sớm đấy. Nào, giờ thì em đã định đi đến những đâu nữa đây, nhà tu sĩ?

– Không hẳn là thế. Thời gian ở *Bénarès* đã mang lại cho em những gì cần thiết. Giờ thì *Jitandra* đang rủ em viếng đền *Taj Mahal*. Sau đó, cả hai chúng em sẽ đi *Serampore* để đến tu viện của một vị đạo sư mà em vừa gặp được.

Ngày chúng tôi vừa đến, anh *Ananta* sắp xếp đủ mọi thứ tiện nghi cho chúng tôi nghỉ lại. Tuy nhiên,

thỉnh thoảng tôi bắt gặp anh nhìn tôi với ánh mắt khác thường. Tôi không biết là chuyện gì, nhưng dám chắc là anh đang toan tính trong lòng điều gì đó khác thường.

Hôm sau, khi chúng tôi cùng ăn điểm tâm, tôi hiểu ra điều đó. Trong khi lấy thức ăn cho tôi, anh *Ananta* vờ như vô tình đặt một câu hỏi mà thật ra là cố nối tiếp vấn đề của ngày hôm trước:

– Như vậy là em nhất quyết không cần đến phần gia tài của cha để lại?

Tôi đáp với giọng cương quyết, tỏ ra không có gì để phải suy nghĩ lại:

– Em cho rằng chỉ có đức tin là điều cần thiết nhất cho sự tồn tại tốt đẹp của một con người.

Anh tôi bắt ngay vào vấn đề bằng một giọng điệu khích bác, tỏ rõ thâm ý anh đã chuẩn bị từ mấy ngày qua:

– Chỉ nói không thôi thì quá dễ. Cuộc đời đầy dẫy những bất trắc sẽ chứng minh cho em thấy điều ngược lại. Nếu em rơi vào một tình huống cấp bách, lúc đó sẽ chỉ có tiền bạc cụ thể mới cứu được em chứ không phải là đức tin. Khi ấy chắc chắn em sẽ sẵn sàng quỳ xuống van xin bất cứ ai có thể giúp được em bằng những hành động cụ thể chứ không phải là những lời răn dạy thuyết giảng về đức tin.

– Không bao giờ. Không bao giờ em cần phải van xin ai khi có đủ đức tin. Chính đức tin sẽ giúp em an lành vượt qua mọi sự.

Anh *Ananta* đi vào vấn đề chính mà tôi tin là anh đã sắp đặt sẵn trong lòng từ trước:

– Điều em nói chỉ là lý thuyết. Nếu phải nhận một cuộc thách đố để chứng minh bằng thực tế, liệu em có dám không?

– Không có gì phải nghi ngờ cả. Em chấp nhận bất cứ hình thức thử thách nào đối với niềm tin này.

Anh tôi bắt đầu trình bày kế hoạch mà anh đã vạch sẵn:

– Được! Anh sẽ gửi em và *Jatindra* đến *Brindaban*, cũng gần đây thôi. Vé xe lửa lượt đi sẽ được mua sẵn cho các em, ngoài ra các em không được mang theo bất cứ tiền bạc hoặc tài sản giá trị nào. Các em không được xin ăn, xin tiền hoặc tiết lộ cuộc thử thách này cho bất cứ ai biết. Vấn đề anh cần biết ở đây là liệu chỉ với đức tin của mình các em có thể được ăn uống no đủ, thăm viếng một vài nơi ở *Brindaban* và an toàn trở về đây trước lúc nửa đêm hay không. Nếu các em làm được điều đó, anh tin chắc là sẽ không còn việc gì khác có thể làm cho anh ngạc nhiên hơn được nữa.

Tôi đáp ngay không chút ngần ngại:

– Em bằng lòng chấp nhận cuộc thử thách này.

Trong một thoáng, tôi vụt nhớ lại tất cả những điều kỳ diệu đã xảy ra cho tôi chỉ nhờ vào đức tin vững chắc. Từ khi tôi thoát chết khỏi căn bệnh mà tất cả thầy thuốc đều đã bó tay, đến hai con điều giầy bắt được một cách lạ kỳ, món linh phù hiện ra trong tay tôi vào giây phút quyết định nhất, những lời động viên đúng lúc của các vị tôn sư, hình ảnh đức Phật mẫu Quán Thế Âm hiện ra với tôi, kỳ thi tốt nghiệp với kết quả không ngờ, và gần đây nhất là việc gặp gỡ trong cuộc đời thực vị sư phụ mà tôi nhiều lần nhìn thấy trong giấc mộng. Với tất cả những điều ấy, tôi không tin là đức tin của tôi giờ đây lại có thể dễ dàng sụp đổ trước bất cứ hoàn cảnh khắc nghiệt nào.

– Ý chí của em thật đáng khen.

Anh tôi nói thế rồi quay sang *Jitandra*:

– Còn em, dù muốn hay không cũng hãy đi theo *Mukunda* để làm người chứng, và cũng có thể sẽ là nạn nhân của đức tin đấy.

Jitandra có vẻ kinh ngạc cực độ. Sự việc xảy ra quá nhanh đến nỗi dường như anh chưa kịp hình dung ra tất cả mọi chuyện sẽ phải diễn ra như thế

nào theo các điều kiện của cuộc thử thách. Tuy nhiên, vì không biết phải phản ứng thế nào, anh yên lặng chấp nhận.

Chỉ trong nửa giờ sau, *Jitendra* và tôi đã có mặt tại nhà ga để đón xe lửa đi *Brindaban*. Bất chấp lời cam kết của chúng tôi, anh *Ananta* muốn tự mình chứng thực mọi việc, nên anh đưa hai chúng tôi vào một góc nhà ga và lục lọi kỹ lưỡng. Anh rất hài lòng khi thấy quả là chúng tôi không mang theo gì, ngoài bộ y phục đang mặc trên người.

Jitendra đến lúc này có lẽ đã đủ thời gian để hình dung ra tính chất nghiêm trọng của sự việc, liền lên tiếng kêu ca với anh tôi:

– *Ananta*, ít nhất chúng tôi cũng phải có được vài đồng ru-bi dự phòng, để khi gặp chuyện khẩn cấp có thể gọi điện thoại về nhà chứ?

Không đợi anh *Ananta* trả lời, tôi quay sang nói với *Jitendra* bằng giọng nghiêm nghị:

– Tôi sẽ không nhận cuộc thách thức này nếu anh mang theo dù chỉ một xu.

Jitendra cố xoay chuyển tình thế bằng cách quay sang thuyết phục tôi:

– Dù sao thì có tiền trong túi vẫn làm cho tinh thần dễ an ổn hơn chứ.

Tôi không đáp lời, chỉ đưa mắt nhìn anh trách móc. Anh chàng liền im bặt.

Khi ấy, anh *Ananta* nói với tôi bằng một giọng mềm dẻo hơn:

– Không phải là anh quá tàn nhẫn đối với em đâu, nhưng anh muốn làm rõ mọi chuyện một lần, còn hơn là để em suốt đời đeo đuổi mãi những chuyện không đâu. Bằng như em có thể chứng tỏ được là em đúng, anh sẵn sàng nhận em làm thầy.

Điều kiện lạ thường này của anh đưa ra quả là tương xứng với tính cách kỳ dị của cuộc thách thức. Bởi vì theo phong tục Ấn Độ, người anh cả có uy quyền rất lớn trong một gia đình, và không bao giờ chịu nhún mình với các em trong bất cứ lãnh vực nào. Nếu anh tôi chịu nhận tôi làm thầy, có lẽ đây sẽ là trường hợp có một không hai ở xứ này!

Xe lửa bắt đầu lăn bánh và khuôn mặt của *Jitendra* có vẻ như ngày càng nghiêm trọng. Sau cùng, anh ta không đành lòng được nữa và quay sang ghé vào tai tôi nói nhỏ:

– Tôi e là lát nữa chúng ta không thể dọn đức tin lên bàn ăn được rồi.

Tôi thản nhiên:

– Anh hãy yên tâm, việc gì đến sẽ phải đến.

– Dù sao đi nữa, tôi cũng không thể hoàn toàn yên tâm với cái đức tin vô hình của anh. Tôi muốn đi thăm viếng đền *Taj Mahal* chứ không muốn đến nằm lại vĩnh viễn trong các lăng tẩm ấy vì chết đói.

– Hãy vui lên đi, *Jatindra*, và đừng nói nhảm như thế. Anh không thấy là chúng ta đang có điểm phúc được viếng thăm thành phố *Brindaban*, một thánh địa đã từng có dấu chân của ngài *Śrī Krishna* đó sao?

Khi xe ngừng ở một ga nhỏ, có hai người khách mới lên và bước vào ngồi chung toa với chúng tôi, nơi băng ghế đối diện. Chỉ còn một ga nữa là chúng tôi đến nơi.

Ngồi yên được một lát, một trong hai người khách gọi chuyện hỏi chúng tôi về đời sống trong tu viện. Ông ta có người em trai sắp vào sống trong một tu viện, và muốn đảm bảo là hiểu biết được ít nhiều về nơi mà em mình sắp đến. Chúng tôi rất lấy làm vui vẻ mà trao đổi với ông về những nội quy, luật lệ thông thường trong một tu viện. Dù sao, cũng là việc nên làm để khuyến khích một người theo đời sống xuất gia. Hai người khách lấy làm vui mừng và ngạc nhiên khi được biết chúng tôi mặc dù còn khá trẻ nhưng đã thực sự nếm trải qua đời sống khắc khổ trong một tu viện tại *Bénarès*.

Khi câu chuyện đã khá thân mật và lan sang một số đề tài khác, một người hỏi tôi:

– Các vị đến *Brindaban* để làm gì? Các vị có ai quen ở đó chăng?

Tôi đã hứa với *Ananta* là không tiết lộ cuộc thách thức cho bất cứ ai biết, nhưng tôi không thể nói dối trong bất cứ trường hợp nào. Vì thế, tôi tìm cách để nói đúng sự thật mà không phạm vào điều đã hứa:

– Chúng tôi đến đó như khách hành hương, vì đã từng nghe tiếng về những thánh tích nơi ấy. Thật ra mà nói, chúng tôi không quen ai ở đó cả.

Jitandra ngâm tỏ vẻ hết sức khâm phục câu trả lời của tôi. Và anh ta càng khâm phục hơn nữa khi nghe một trong hai người khách đưa ra câu nói mà anh nôn nao chờ đợi:

– Thật là quý hóa. Chính tôi đang có việc đến thăm người quen ở gần một nơi thánh tích của *Brindaban*. Chúng tôi sẽ rất hân hạnh nếu được cùng đi thêm với quý vị một đoạn đường trước khi chia tay.

Sự niềm nở và chân thật của hai người khách khiến cho chúng tôi không thể nào từ chối. Và lại, chúng tôi còn chờ đợi gì hơn thế nữa kia chứ?

Khi xuống ga xe lửa, hai người hành khách nắm tay chúng tôi cùng bước ra khỏi sân ga và gọi một chiếc xe ngựa. Họ hướng dẫn xe đi về một khu phố sầm uất, quanh quẹo qua rất nhiều đường phố và cuối cùng dừng lại trước một tòa nhà lớn có khoảng sân trước rất rộng với những cây cao che rợp bóng mát.

Chủ nhà tiếp đón rất nồng hậu vì là người quen thân với hai người bạn mới của chúng tôi. Sau câu chuyện chào hỏi ngắn ngủi, chúng tôi bắt đầu cảm thấy gần gũi với nhau ngay vì những quan điểm khá giống nhau khi bàn về cuộc sống. Không bao lâu đã thấy gia nhân trong nhà chuẩn bị xong và dọn lên một bàn tiệc hết sức thịnh soạn.

Chúng tôi được mời thưởng thức những món đặc sản ngon nhất của thành phố, vì chủ nhà vốn đã có dự tính đón tiếp những người bạn từ xa đến, nên cũng muốn nhân dịp này giới thiệu với chúng tôi những gì tốt đẹp nhất của thành phố này.

Sau bữa ăn, chúng tôi được mời đi dạo ở hoa viên sau nhà, có trồng nhiều loại hoa thơm và đẹp đẽ. Trong hoa viên còn có cả một hồ sen rộng với cảnh trí yên tĩnh rất thích hợp cho việc tọa thiền. Trong khi đi dạo, tôi nhân lúc thuận tiện liền kể tai *Jitendra* nói nhỏ: “Này bạn, bữa ăn bằng đức tin cũng khá ngon đấy chứ.” *Jitendra* chỉ nhìn tôi cười không nói,

nhưng tôi biết anh đang tự trách vì sự thiếu kém đức tin của chính mình.

Nghỉ ngơi trong chừng một tiếng đồng hồ, chúng tôi được chủ nhà mời cùng dự chuyến tham quan các thánh tích trong thành phố. Chúng tôi đi bằng xe ngựa và ghé vào nơi nào cũng được đón tiếp rất niềm nở, vì chủ nhà vốn là một bậc danh gia vọng tộc nổi tiếng trong thành phố. Đến chiều, sau khi đã hết lòng cảm giữ chúng tôi nhưng không được, chủ nhà liền đích thân đưa chúng tôi ra ga xe lửa và lấy sẵn hai vé hạng nhất để chúng tôi trở về *Agra*.

Khi chúng tôi đã ngồi yên trên toa xe lửa, *Jitendra* mới quay sang nói với tôi:

– *Mukunda*, tôi quả thật chưa có được một đức tin vững vàng như anh. Nhưng qua kinh nghiệm lần này, tôi nghĩ là mình đã thay đổi rất nhiều.

Tuy không nói ra, nhưng trong lòng tôi thầm nghĩ:

– Thật ra thì tôi cũng không hoàn toàn vững vàng như anh tưởng đâu. Bởi vì cũng đã có lúc tôi thấy lo sợ trong lòng. Nhưng cũng may là đức tin cuối cùng đã chiến thắng. Và chính kinh nghiệm lần này đã củng cố thêm đức tin cho tôi nữa chứ chẳng riêng gì anh.

Và tôi nghĩ không cần thiết phải nói ra với *Jitindra* những suy nghĩ ấy. Anh có vẻ đang rất hân hoan nghĩ đến lúc gặp lại anh *Ananta*.

Chúng tôi thông thả cuộc bộ từ nhà ga về và gọi cửa nhà anh *Ananta* trước lúc nửa đêm. Khi vừa nhìn thấy chúng tôi, khuôn mặt anh lộ rõ vẻ kinh ngạc. Anh nhìn chằm chằm vào *Jitindra* và hỏi:

– *Jitindra*, em hãy nói sự thật. Các em đã đi đến đó và trở về như thế nào? Làm thế nào các em được ăn uống và có tiền mua vé xe lửa? Các em không gặp bất cứ người quen cũ nào để xin tiền đấy chứ?

Anh nôn nóng đưa ra hàng loạt câu hỏi giạt giọng, không kịp để cho chúng tôi nghỉ ngơi chốc lát sau một chặng đường dài và cả một ngày đi xa. Chúng tôi lặng lẽ vào phòng khách, ngồi xuống ghế nệm trước khi *Jitindra* lên tiếng trả lời anh:

– Xem nào, anh *Ananta*. Ít nhất anh cũng nên tỏ ra yên lòng khi thấy chúng tôi đã an toàn về đến nơi như thế này chứ. Anh xem chúng tôi có vẻ gì là đã nhịn đói suốt ngày nay chẳng? Còn việc gặp người quen cũ, anh đừng lo. Chúng tôi đã không gặp ai, nhưng dù có gặp cũng không thể có chuyện xin tiền. Anh biết tính *Mukunda* rõ hơn tôi mà.

Anh *Ananta* sau một lúc kích động đã lấy lại được bình tĩnh và nhận ra sự thật để chấp nhận. Anh liền đi lấy nước và một ít thức ăn nhẹ cho chúng tôi. Sau đó, không khí trở nên đầm ấm hơn khi cả ba chúng tôi cùng ngồi với nhau. *Jitendra* lúc ấy mới nói một cách trịnh trọng:

– Với tư cách một người chứng và cũng là người trực tiếp tham gia, tôi tuyên bố *Mukunda* đã thắng cuộc thách thức này. Chúng tôi đã hoàn tất chuyến đi thành phố *Brindaban*, ăn một bữa trưa thịnh soạn ngon nhất thành phố, tham quan hầu hết các thánh tích bằng xe ngựa, và đi xe lửa vé hạng nhất trở về đây. Tất cả những điều ấy đều được thực hiện hoàn toàn bằng vào đức tin, vì chúng tôi không có mang theo đồng bạc nào, như anh đã biết.

Anh *Ananta* sửng người ra nhìn chúng tôi như những sinh vật kỳ dị nhất mà anh chưa từng được gặp. Khi đã lấy lại tinh thần, anh yêu cầu *Jitendra* kể lại chi tiết cụ thể về chuyến đi. Sau khi kể lại mọi việc cho anh nghe xong, *Jitendra* kết luận:

– Không chỉ có riêng anh, mà chính tôi cũng đã không có đủ đức tin khi khởi sự chuyến đi này. Nhưng bây giờ thì mọi chuyện đã khác, tôi hoàn toàn tin tưởng là người ta có thể dựa vào đức tin như một sức mạnh rất cụ thể, không mơ hồ chút nào.

Anh *Ananta* quay sang tôi, nghiêm nét mặt:

– *Munkunda*, không phải chỉ là chuyện thắng hay thua một lời thách thức. Anh đã sai rồi. Và anh thành thật xin em hãy thu nhận anh làm người học trò đầu tiên để dẫn dắt anh bằng đức tin của em. Và trước hết, hãy truyền cho anh pháp môn thiền định mà em đang theo đuổi.

Tôi không từ chối. Hơn nữa, đó cũng là một trong những điều kiện mà tôi đã chấp nhận với anh khi bắt đầu cuộc thách thức. Chúng tôi làm lễ nhập môn với hình thức đơn sơ nhưng không kém trang nghiêm ngay trong đêm ấy. Và tôi chỉ dạy cho anh những điều cơ bản về phép tọa thiền mà lẽ ra anh đã có thể học được nơi cha mẹ từ trước đây nếu như anh có đủ đức tin.

Buổi sáng, chúng tôi cùng ăn điểm tâm trong một không khí hòa hợp, cởi mở chưa từng có. Sau đó, tôi định sẽ lên đường ngay đi *Serampore* để đến tu viện của thầy *Śrī Yukteswar*.

Jitendra thấy nhớ nhà và muốn về thăm. Vì thế, chúng tôi chia tay nhau ở *Calcutta*. Từ đó, tôi đáp xe lửa đi qua 12 dặm nữa về phía bắc để đến *Serampore*. Khi đang đứng chờ trước cổng tu viện ở đường *Rai Ghat* sau khi đã nhờ một vị sư huynh đi thông báo cùng thầy, tôi bất chợt nhớ ra và nhẩm tính lại. Hôm

nay đúng là ngày thứ 28 kể từ hôm tôi gặp thầy *Śrī Yukteswar* ở *Bénarès*. Và thầy đã nói với tôi vào hôm đó rằng: “Con sẽ đến chỗ ta trong bốn tuần nữa.”

Một niềm vui dâng lên trong lòng tôi. Trải qua bao năm đợi chờ và tìm kiếm, cuối cùng thì tôi cũng đã gặp được bậc minh sư như mong muốn. Và chính tại nơi đây, trong tu viện êm ả của người, tôi sẽ trải qua mười năm tốt đẹp nhất của đời mình và chuẩn bị những hành trang tinh thần cần thiết để về sau có thể thực hiện sứ mệnh thiêng liêng là truyền bá pháp thiên của Phật giáo sang nước Mỹ.

CHƯƠNG X

CUỘC SỐNG Ở TU VIỆN

Thầy *Śrī Yukteswar* ngồi trên một tấm thảm trải dưới sàn phòng khách. Khi tôi được đưa đến gặp thầy, khuôn mặt thầy rất thản nhiên không biểu lộ cảm xúc gì. Tôi cúi chào, lễ bái thầy theo nghi thức thầy trò, rồi kính cẩn thưa:

– Bạch thầy, con đến để xin được làm đệ tử thầy.

– Hoặc là ta không xứng đáng, hoặc là con không xứng đáng, vì con đã cãi lời ta. Nếu một người có đủ trí sáng suốt để cãi lời ai đó, thì người kia không xứng đáng để làm thầy. Còn nếu như không đủ sáng suốt mà dám cãi lời thầy, thì người như thế chưa đủ tư cách làm đệ tử.

– Bạch thầy, con đã sai. Đây là lần đầu tiên con học được điều đó nơi thầy. Từ nay con sẽ không bao giờ như thế nữa. Con sẽ tuyệt đối vâng theo lời dạy của thầy.

– Như vậy thì được. Từ nay ta sẽ chịu trách nhiệm tinh thần về cuộc đời của con.

– Và con cũng xin đặt tương lai con hoàn toàn trong tay người.

Buổi lễ nhập môn đã có thể tiến hành. Thầy *Yukteswar* xác định lại lời tôi đã hứa một cách rất thiết thực:

– Việc trước tiên ta muốn con làm là hãy trở về với gia đình ở *Calcutta*. Con phải vào trường để tiếp tục học lên cho xong đại học.

Tôi nhận lời không ngần ngại:

– Bạch thầy, con xin nghe theo lời dạy của thầy.

Nhưng tự trong lòng tôi dấy lên một mối hoài nghi, chán nản. Những kiến thức mà tôi không chút đam mê kia sẽ theo tôi đến suốt cuộc đời này sao? Vì sao cha tôi muốn như vậy, rồi giờ đây thầy tôi cũng vậy?

Nhưng thầy tôi đọc thấu mọi suy nghĩ ấy. Ông ôn tồn giải thích để làm tan đi mối nghi trong lòng tôi:

– Ngày sau, sứ mệnh của con là truyền bá chánh pháp sang phương Tây. Sứ mệnh ấy sẽ được thực hiện một cách tốt đẹp và dễ dàng hơn nhiều nếu như con đã có được một mảnh bằng đại học. Vì thế, thầy hy vọng là ngày nay con không nên dễ dãi với chính mình.

– Bạch thầy, thầy có thể nhìn xa hiểu rộng hơn con. Con không có lý do gì để không vâng theo lời thầy.

Và quả thật là lòng tôi không còn phân vân gì. Hơn nữa, lúc này tôi thật tâm muốn làm vui lòng thầy. Kể từ đây, xem như nguyện vọng lớn nhất đời của tôi đã được thực hiện. Tôi đã tìm được một nơi nương tựa tinh thần vững chắc, một ngọn đèn sáng dẫn dắt tôi trong đêm tối trần gian. Tôi nghĩ là mẹ tôi cũng rất vui khi biết rằng những lời dự báo về tương lai của tôi, mà bà đã được nghe từ thuở mới lọt lòng, giờ đây đang dần dần trở thành hiện thực.

Thầy tôi đứng dậy, vẫy tay bảo tôi đi theo người. Ông muốn đưa tôi đi thăm qua toàn cảnh tu viện, nơi tôi sẽ gắn bó cuộc đời mình kể từ đây.

Ngay khi ấy, tôi chợt nhìn thấy trên bức vách phía trong, được treo ở một vị trí trang trọng trong một khung gỗ chạm trổ tinh vi đẹp đẽ là một bức chân dung vô cùng quen thuộc và tôn kính đối với tôi, thầy *Lahiri Mahāsaya* ở *Bénarès*. Tôi buột miệng gọi tên thầy:

– Thầy *Lahiri Mahāsaya*.

– Đúng vậy, ngài là sư phụ của ta. Bạch tôn sư cao cả nhất mà ta đã từng được biết.

Tôi từ từ đến trước bức chân dung và thành kính chiêm ngưỡng một lúc lâu. Tôi nhớ lại sự che chở mà ngài đã dành cho tôi trong suốt thời gian qua, và giờ đây, ân huệ lớn nhất mà ngài tiếp tục ban phát cho tôi là đã đưa tôi đến với một trong những đệ tử cao quý của ngài.

Như vậy, sư phụ tôi cũng là bạn đồng sư với cha tôi. Sau này tôi mới biết hai người đều hiểu nhau sâu sắc. Vậy mà phải chờ đến khi trải qua bao nhiêu là cố gắng tôi mới có thể tự mình tìm được đến dưới chân người. Chuyện nhân duyên đưa đẩy quả là việc không thể nào đoán trước được đối với những kẻ còn trong vòng phàm tục.

Sư phụ đưa tôi đi một vòng quanh tu viện. Đó là một tòa kiến trúc hai tầng theo lối cổ trông rất chắc chắn. Bao quanh là những khoảng sân rộng với cây rợp bóng mát. Có lẽ được xây dựng đã từ khá lâu nên những bức vách đều đã phủ rêu xanh bên ngoài. Xa về phía sau là vườn cây ăn trái khá rộng, trồng nhiều loại cây và có cả các loài hoa quý nữa. Trên tầng trên có lan can vây quanh ba phía, cho thấy có một khoảng sân thượng bên trên để từ đó người ta dạo chơi và nhìn ra chung quanh.

Giảng đường là một căn phòng rộng nằm ở tầng dưới. Từ đó, có cầu thang dẫn lên phòng khách của

sư phụ ở tầng trên, có sân thượng nhìn ra hướng con đường lớn.

Vật dụng trong nhà như bàn ghế, giường tủ... khá đầy đủ, tiện nghi. Hầu như tất cả đều được làm bằng gỗ quý, trông giản dị nhưng chắc chắn và sạch bóng.

Buổi cơm chiều khá đơn giản, với đậu xào và một ít rau luộc. Tôi được biết có hai đệ tử được giao cho việc chợ búa, bếp núc và các công việc nội bộ linh tinh khác của tu viện.

Sau bữa ăn, chúng tôi cùng ra ngồi hóng mát trên sân thượng, trên một tấm chiếu trải gần ngoài lan can. Tôi thưa với sư phụ:

– Bạch thầy, xin thầy kể cho con nghe qua về cuộc đời thầy.

Sư phụ cười thật thoải mái:

– Cuộc đời ta chẳng có gì để lưu tâm, vì nó sẽ chẳng có điểm nào để con phải ghi vào sổ sách. Tất cả đều giản dị, bình thường, không khác mấy với bao nhiêu người mà con đã gặp. Tên ta lúc trước là *Priya Nath Karar*. Ta sinh ra cũng tại *Serampore* này. Cha ta là một nhà buôn lớn và rất thành công. Ông để lại cho ta một di sản đồ sộ. Mặc dù ta không quan tâm nhiều đến của cải, nhưng chính tu viện này

cũng là cơ ngơi người đã gây dựng và để lại cho ta, nên ta khỏi phải nhờ đến sự giúp đỡ của bất kỳ ai khác. Cũng như con, ta vốn không thích sự học tập ở nhà trường, vì ta cho rằng những kiến thức ở đó rất nông cạn. Khi lớn lên, ta đã lập gia đình và có một con gái, hiện nay đã có gia đình. Khi đã luống tuổi ta mới được gặp thầy *Lahiri Mahāsaya* ở *Bénarès* và theo học với người. Nhưng phải đến khi vợ ta qua đời, ta mới chính thức xuất gia, lấy pháp danh là *Śrī Yukteswar*. Thế đó, chuyện về đời ta chỉ đơn giản có thế thôi!

Tôi chăm chú lắng nghe, và biết thầy chỉ mới nói qua về những sự kiện bình thường. Điều quan trọng hơn trong cuộc đời của một vị tôn sư là những kinh nghiệm tâm linh và quá trình rèn luyện, những điều ấy hoàn toàn chưa được người nhắc đến.

Nhưng người đã im lặng. Và tôi cũng im lặng ngồi bên cạnh người, không hỏi gì thêm nữa. Chúng tôi cùng ngồi ngắm những vì sao sáng rực trong đêm trong trẻo của vùng nhiệt đới. Như hai người bạn tri kỷ đã lâu lắm chưa từng có dịp gặp nhau, chỉ cần được ở bên nhau trong im lặng cũng đã cảm thấy những mối giao tình xưa bừng lên mãnh liệt trong lòng, tôi và thầy tôi đã lặng lẽ ở bên nhau như thế cho đến tận nửa đêm.

Đêm hôm đó là một đêm êm đềm và hạnh phúc nhất trong cuộc đời tôi kể từ khi mất mẹ, mặc dù tôi thực sự không chợp mắt chút nào. Sau khi gặp sư phụ, tôi đã tìm lại được cảm giác yên ổn, được che chở, giống như những ngày ấu thơ quán quít bên mẹ tôi.



Sáng hôm sau, thầy tổ chức lễ nhập môn để chính thức thu nhận tôi làm đệ tử và truyền thụ phép tọa thiền cho tôi. Trước kia, tôi đã từng được học môn này từ mẹ tôi, và sau đó còn có sự hướng dẫn của rất nhiều người, như cha tôi và một số đệ tử khác của thầy *Lahiri Mahāsaṃyā*. Giờ đây, sư phụ chỉ cần trải nghiệm lại những kiến thức và kinh nghiệm của tôi, đồng thời giải đáp những điểm còn nghi ngờ. Điều khác biệt lớn nhất khi tôi thọ giáo với sư phụ lần này so với những lần khác là lòng tin tưởng tuyệt đối. Tôi đặt hết niềm tin vào thầy, và cũng tự tin nhiều hơn so với trước kia. Và với tâm trạng ấy, những kiến thức đã học cũng như những điều thầy mới truyền dạy dường như đều tự chúng tỏa sáng trong tôi một cách rõ ràng, minh bạch. Tôi tiếp thu rất nhanh và đạt được những kinh nghiệm tâm linh mà những bạn đồng tu của tôi không sao bắt kịp.

Nhưng sư phụ tôi không cho phép tôi ở lại lâu bên người. Người nhắc lại lời đã nói, và bảo tôi trở về nhà ở *Calcutta* để tiếp tục theo đuổi việc học. Bây giờ thì tôi vui vẻ thực hiện điều đó như một phần trong nỗ lực tu tập của mình mà không tránh né nữa.

Khi đưa tôi ra cổng tu viện, thầy nói với tôi:

– Con sẽ trở lại đây trong ba mươi ngày nữa.

Và tôi hân hoan trở về nhà. Không giống như những lần trốn đi lên Hy Mã Lạp Sơn thất bại phải quay về, lần này tôi đã tìm được con đường sáng để noi theo mà không cần phải lên tận đỉnh núi cao ngàn đời tuyết phủ kia.

Cả gia đình đều hết sức vui mừng trước sự trở về của tôi. Nhất là cha tôi càng vui sướng hơn khi biết tôi quyết định sẽ tiếp tục theo đuổi việc học lên đại học. Ông nói với tôi vào một buổi chiều khi chúng tôi cùng ngồi chơi ngoài sân sau bữa cơm:

– *Mukunda*, cha rất lấy làm sung sướng và hãnh diện về con. Con đã gặp được sư phụ trong một hoàn cảnh nhiệm mầu kỳ diệu cũng giống như cha ngày trước. Và cha rất vui khi thấy rõ là thầy *Lahiri Mahāsaya* vẫn che chở cho cả gia đình ta trong từng giây từng phút. Ta đã hết lòng cầu nguyện và giờ đây mong ước của ta được đáp ứng. Con không cần phải

bỏ ta ra đi để tìm thầy học đạo. Sư phụ con sẽ đáp ứng cho con mọi sự hướng dẫn cần thiết trên đường tu tập mà không cần phải lên tận đỉnh Hy Mã Lạp Sơn xa xôi kia nữa.

Qua hôm sau, cha tôi đã lo xong mọi thủ tục và tôi ghi tên vào học trường Đại học *Calcutta*.

Đường từ *Calcutta* đến *Serampore* không xa lắm, nên mặc dù theo đuổi việc học, tôi vẫn thường xuyên đến ở tu viện nhiều hơn thời gian ở nhà. Cả cha tôi và thầy tôi đều không ngăn cản điều đó. Các vị có vẻ như để cho tôi được tự do chọn lựa trong việc này. Và mặc dù không ham thích việc học, tôi cũng cố gắng hoàn thành mỗi môn học không dưới mức trung bình.

Những ngày ở lại tu viện là những ngày êm ả nhất đối với tôi. Tôi học theo nếp sống giản dị và điều độ của thầy, và điều đó đã tạo thành những nề nếp tốt đẹp giúp cho tôi có đủ sức chịu đựng trong cuộc sống bôn ba vất vả về sau này.

Sư phụ tôi luôn luôn dậy sớm, trước lúc bình minh. Thầy ngồi tĩnh tọa ngay trên giường cho đến khi ánh sáng ban mai bắt đầu hiện rõ.

Sau đó, thầy trò tôi cùng đi bách bộ một vòng ra bờ sông Hằng, con sông thiêng liêng tự ngàn đời của

xứ Ấn. Khi mặt trời bắt đầu ló dạng, những tia nắng đầu tiên làm ấm lên mặt sông còn đang phủ sương mờ, tôi cảm thấy tâm hồn mình như trải rộng ra đến tận những cõi xa mờ không bờ bến.

Trong những lần đi bên nhau như thế, chúng tôi thường trao đổi về một vài đề tài mà tôi đang nghiên ngẫm. Sư phụ luôn đưa ra cho tôi những chỉ dẫn sáng suốt và thích hợp. Nhiều lần, người làm tôi kinh ngạc cả về những kiến thức đối với các môn học ở trường đại học của tôi. Tôi vẫn tưởng người đã nói là không thích việc học tập ở trường và sẽ không có được bao nhiêu kiến thức về những lãnh vực ấy. Khi tôi nói thật với thầy về suy nghĩ này, người mỉm cười nói:

– Không thích không có nghĩa là không biết. Đôi khi người ta vẫn phải học biết những điều mình không thích, chỉ để có thể làm tốt hơn những điều mình thích. Hơn nữa, ta đã nói rằng những kiến thức ấy là nông cạn. Con có thể nào không hiểu được những điều nông cạn và lại giỏi về những điều sâu sắc hay sao?

Cách giải thích của sư phụ làm cho tôi chợt hiểu ra sự nông cạn của chính mình. Từ đó, tôi không bao giờ lơ là trong việc học tập ở trường đại học nữa.

Chúng tôi ăn điểm tâm qua loa sau khi đi dạo về. Và những công việc chấp tác trong tu viện được

phân công cho từng người rất rõ ràng, hợp lý. Sư phụ giao công việc và trách nhiệm cho từng huynh đệ, nên chẳng mấy khi sư phụ phải để tâm đến, trừ ra có những trường hợp đặc biệt cần phải có ý kiến của người.

Cơm ở tu viện bao giờ cũng là cơm chay,¹ ngay cả không được dùng đến món trứng. Bữa cơm trưa tuy có phần thịnh soạn hơn bữa sáng, nhưng vẫn rất đơn giản, không cầu kỳ. Thường là các món rau đậu và ngũ cốc chế biến. Sư phụ rất quan tâm đến việc ăn uống của các đệ tử, người chỉ dạy những phương thức ăn uống sao cho vừa giản dị vừa phải đảm bảo có đầy đủ dinh dưỡng, và không chạy theo sự ngon miệng.

Vào buổi chiều thường có nhiều người đến viếng thăm tu viện. Nhìn sư phụ tiếp khách mới thấy rõ được sự bình dị và lịch thiệp của người. Không bao giờ sư phụ tỏ ra vẻ mình là người hiểu biết hoặc cao thượng hơn người khác. Ngược lại, với những kẻ ỷ vào quyền thế hoặc địa vị xã hội, người vẫn đối xử với họ một cách bình thường không hề tỏ ra trọng vọng hoặc sợ sệt.

¹ Một số tu viện ở Ấn Độ không ăn chay. Người tu được phép dùng các món thịt được xếp vào loại "tam tịnh nhục", bao gồm thịt của những con vật mình không giết, không nhìn thấy người khác giết, và không phải bị giết để nhằm mục đích thịt dãi mình.

Trong việc luận bàn đạo lý, sư phụ luôn luôn biết chú ý lắng nghe người khác, nhưng không bao giờ để cho định kiến về một người chi phối đến khả năng phán đoán của mình. Có lần, sư phụ bảo tôi: “Chân lý có thể được nói ra từ miệng một đứa bé, và khi ấy vẫn cần phải nghe theo. Nhưng một học giả uyên bác cũng có khi chỉ nói ra những điều tự phụ kiêu căng và xa rời chân lý.”

Buổi cơm chiều rất thường khi có khách cùng ăn. Đôi khi, có những vị khách đến bất ngờ không báo trước, nhưng sư phụ bao giờ cũng khéo léo trong việc tiếp đãi. Trong sinh hoạt của tu viện, sư phụ chủ trương tiết kiệm nhưng không hà tiện. Người dạy: “Vật chất của cải là những thứ hư dối tạm bợ. Nó không xứng đáng để chúng ta tham tiếc, gìn giữ. Nhưng nếu kẻ nào tiêu pha một cách phung phí, kẻ ấy đã xúc phạm và tỏ ra không hề có sự cảm thông chia sẻ với những đồng loại của mình còn đang đói khổ.”

Những buổi giảng của sư phụ thực sự thu hút hoàn toàn tâm trí của chúng tôi, vì người nói bằng kinh nghiệm tâm linh thực sự của mình chứ không phải chỉ đọc lên từ kinh điển. Hơn thế nữa, mỗi khi trình bày một vấn đề, sư phụ luôn đọc được suy nghĩ, nhận thức của chúng tôi về vấn đề ấy, nên người có thể chọn những cách diễn đạt hoàn toàn thích hợp để chúng tôi tiếp thu một cách dễ dàng.

Sư phụ cũng không cố chấp vào giờ giấc sinh hoạt của bản thân mình như một số vị tôn sư vẫn thường làm. Mặc dù người luôn tuân thủ sự điều độ và đúng giờ, nhưng mỗi khi có người cần trao đổi học hỏi nơi sư phụ vào những giờ mà ngài sắp sửa tọa thiền, ngài luôn thản nhiên bỏ qua và vui vẻ tiếp tục cuộc nói chuyện. Đối với sư phụ, việc dẫn dắt những người học đạo cũng quan trọng không kém công phu tu tập của chính bản thân mình. Ngài dạy: “Nếu vì có lợi cho việc tu tập của mình mà khước từ một tâm hồn non nớt vừa tìm đến, thì người ấy chưa thật sự hiểu được ý nghĩa của giải thoát.”

Một buổi chiều, tôi đang ngồi chơi bên cạnh sư phụ thì có một con muỗi từ đâu vo ve bay đến, đậu lên đùi tôi. Tôi đưa tay lên định đập xuống, nhưng rồi nghĩ đến giới sát sanh và liền chuyển sang hát nhẹ, đuổi nó đi. Thầy hỏi tôi:

– Sao con không giết nó?

– Bạch thầy, con nghĩ là không nên sát hại sinh vật.

– Nhưng con đã phạm giới trong tư tưởng của con rồi.

Và thầy nói tiếp:

– Người ta phải dứt trừ ngay cả đến những ý định giết chóc.

Nhân dịp này, trong trí tôi liền nảy ra một vấn đề mà từ lâu tôi vẫn băn khoăn chưa hiểu rõ:

– Bạch thầy, như vậy ta có nên hy sinh mạng sống của mình để tránh khỏi phải giết chết một con thú dữ hay chăng?

– Không.

Sư phụ trả lời dứt khoát, và tôi hết sức kinh ngạc vì thầy đã nói khác với nhiều vị tôn sư khác khi được tôi hỏi về điều này. Sư phụ ôn tồn giải thích:

– Trong trường hợp đó, con đã phạm giới vì giết hại chính mình. Và mạng người là rất quan trọng. Trong vòng luân hồi, việc có được thân người cũng là rất khó, vì chỉ có thân người mới giúp ta dễ dàng tu chứng và giác ngộ. Trong trường hợp bắt buộc phải lựa chọn thì giết một con người là phạm tội nặng nề hơn nhiều so với giết một con vật. Nhưng đó không phải là giải pháp tốt đẹp nhất.

Tôi đi từ ngạc nhiên này sang ngạc nhiên khác:

– Bạch thầy, như vậy phải làm sao với con thú dữ ấy?

– Hãy khuất phục nó. Nếu có lòng từ bi, người ta sẽ khuất phục được thú dữ.

Lời dạy ấy về sau được minh chứng qua một câu chuyện tôi được nghe từ sư huynh *Prafulla*, người đã tận mắt chứng kiến và kể lại.

Lần ấy, sư phụ đang đến thăm một tu viện khác của người ở *Puri*. Khu vực này tọa lạc gần bờ biển vịnh *Bengal*, với khung cảnh thơ mộng và xanh tươi vì có rất nhiều cây cối. Vào buổi chiều, sư huynh *Prافulla* vừa từ trong tòa nhà chính bước ra thì kinh hoàng khi nhìn thấy một con rắn hổ mang thật lớn đang ngóc đầu lừ lừ tiến về phía sư phụ, đang đứng bên một khóm hoa cách đó chừng ba mét. Sư huynh vừa định kêu to lên để báo động, thì vừa kịp nhận ra là sư phụ đã thấy con rắn vì người đang ngẩng đầu lên và quay về phía nó. Con rắn vẫn chậm chạp bò đến. Sư phụ không tỏ vẻ gì là hốt hoảng hoặc sợ hãi. Người vẫn thản nhiên đứng đó và nhìn nó bằng ánh mắt sáng với vẻ hiền hòa. Ánh mắt ấy như nói với con rắn độc rằng người sẽ chẳng bao giờ làm hại nó.

Chỉ còn cách chừng nửa mét, con rắn bỗng nhiên từ từ hạ thấp đầu xuống, trườn nhanh đến sát chân người, cạ đầu vào mấy cái rồi phóng nhanh mất dạng vào vườn cây!



Một buổi trưa, sư phụ bỗng nhìn tôi chăm chú và nói:

– *Mukunda*, con gây quá.

Sự quan tâm của thầy làm tôi xúc động. Tôi quá thật đã dùng rất nhiều loại thuốc bổ và các loại thức ăn giàu dinh dưỡng, nhưng chúng đau bao tử kinh niên đã tác động như một thứ rò rỉ từ nội tạng, và tôi chưa bao giờ có thể lên cân hoặc cảm thấy thực sự khỏe mạnh. Tôi nói rõ với thầy về điều đó.

Sư phụ bảo tôi:

– Thuốc men cũng là một nhân tố tốt. Nhưng nếu đó là một căn bệnh xuất phát từ nghiệp quả thì thuốc men không phải là phương thức chữa trị hữu hiệu. Những gì thuộc về tinh thần phải được giải quyết bằng tinh thần.

Dừng lại một chút, sư phụ nói tiếp:

– Số mệnh của con trong tương lai đòi hỏi phải có một sức khỏe thật tốt và thân thể cường tráng. Vì vậy, con cần phải khỏi bệnh.

Sư phụ nói những lời ấy bằng giọng rõ ràng và dứt khoát như một mệnh lệnh. Và trong thoáng chốc tôi chợt nhớ đến câu chuyện của người tu sĩ đã từng đánh cọp. Tôi nhớ lại kết luận về “tinh thần làm chủ thể xác” của ông ta, và tự dung thấy trong lòng dâng tràn một niềm tin mãnh liệt. Tôi biết là sư phụ không nói ra những lời ấy như một sự an ủi tinh thần cho thể xác bệnh hoạn của tôi. Chắc chắn người

đã hiểu và biết là tôi có thể vượt qua bằng đức tin của mình.

Hai tuần lễ sau đó tôi nhận thấy rõ mình bắt đầu lên cân. Những cơn đau giảm dần và mất hẳn. Tôi ăn uống ngon miệng với bất cứ món ăn gì và sức khỏe nhanh chóng thay đổi ngày càng khá hơn. Chỉ ba tháng sau, thân thể tôi hầu như đã thay đổi hoàn toàn, trở thành một thanh niên lực lưỡng khỏe mạnh. Bất chợt tôi nhớ lại có lần tôi đã hỏi vị tu sĩ từng đánh cọp về việc mình “có thể đánh cọp được không?” Quả thật, với sức khỏe ngày nay, nếu muốn thì chắc hẳn tôi đã có thể rèn luyện cho việc đánh cọp được rồi!

Về sau, tôi còn biết được thêm rất nhiều trường hợp kỳ diệu mà sư phụ tôi dùng đức tin để chữa khỏi nhiều bệnh tật cho mọi người. Nhưng người không bao giờ làm việc này một cách bừa bãi. Dường như ngài hiểu rõ nhân duyên và nghiệp quả của mỗi người, và chỉ dùng đức tin để tác động trong những trường hợp mà ngài biết chắc là đúng đắn và mang lại hiệu quả.

Sư phụ tôi còn thông hiểu cả Kinh Thánh của đạo Thiên chúa. Ngài trích dẫn những câu mà ngài cho là phù hợp với giáo lý đạo Phật, và giảng giải một cách sâu sắc những câu chuyện kể trong đó.

Sự gần gũi sư phụ đã mang lại cho tôi niềm tin mạnh mẽ và kiến thức ngày càng mở rộng. Để củng cố niềm tin cho các đệ tử mới nhập đạo, người thường khuyên họ phải dẹp bỏ sự mặc cảm về quá khứ không tốt của mình và tập trung hoàn toàn nỗ lực vào công phu tu tập trong hiện tại để đạt được một tương lai tốt đẹp hơn. Tuy vậy, người chưa từng rầy la hoặc trách mắng những người chậm tiến. Thay vì vậy, người truyền dạy những kinh nghiệm thực tế mà bản thân mình đã từng trải qua, cũng như vỗ về, an ủi trong những lúc họ gặp khó khăn, chán nản.

Đôi khi tôi cảm thấy chỉ riêng một việc được ở bên sư phụ thôi đã có giá trị làm nâng cao mọi giá trị tinh thần mà tôi hiện có, cũng như thúc đẩy việc chứng nghiệm những trạng thái tâm linh cao siêu và mới mẻ hơn trước đây.

Nói tóm lại, cuộc sống bản thân người đã có thể xem là một bài giảng pháp tuyệt vời mà chúng tôi có thể lắng nghe mãi mãi, cho dù người không dùng đến ngôn ngữ thế gian để diễn giải.

Cung cách mà người đối xử với học trò cũng vô cùng đặc biệt. Người có nhiều đệ tử trẻ tuổi mà người thừa biết là tính khí còn đầy dẫy những sự bốc đồng. Trong những giờ giảng pháp hoặc tọa thiền, người luôn buộc tất cả phải giữ sự nghiêm trang, thành kính

và tập trung chú ý. Nhưng trong sinh hoạt thường ngày, người luôn cho phép những trận cười thoải mái hoặc sự trao đổi thân tình. Những lúc ấy, chúng tôi có cảm tưởng người là một người bạn thân thiết chứ không phải một vị tôn sư nghiêm khắc.

Trong tu viện cũng có một số đệ tử thuộc nữ giới. Không giống như một vài vị tôn sư khác, luôn cảnh giác học trò mình trước nữ sắc và thậm chí xem đó như một nguyên nhân tiềm ẩn sẵn sàng làm hại đời sống xuất gia, sư phụ không biểu lộ bất cứ một sự phân biệt nào. Người thương yêu và lo lắng cho tất cả giống như nhau, không phân biệt nam nữ. Người dạy: “Một người đàn ông mặc quần áo phụ nữ không thể trở thành đàn bà. Cũng vậy, tâm thức chúng ta không phụ thuộc xác thân tạm bợ này để phân biệt thành nam hay nữ. Tất cả mọi người đều có trí tuệ và tánh Phật giống như nhau. Không có cái gọi là nam hoặc nữ trong sự giác ngộ.”

Có lần tôi đánh bạo hỏi xem sư phụ nghĩ gì về quan điểm của một số vị tôn sư khác, khi họ cho rằng đàn bà là sự cám dỗ nguy hiểm nhất đối với đàn ông. Sư phụ nhìn tôi cười và nói:

– Điều đó đúng nhưng chưa đủ. Vì đàn ông cũng là sự cám dỗ nguy hiểm nhất đối với đàn bà.

Dừng một chút để tôi kịp hiểu ra, rồi người mới chậm rãi nói tiếp:

– Con nên biết, sự cảm dỗ có nguyên nhân từ ngay nơi bản tâm mình. Những kẻ chỉ biết nhìn thấy nguyên nhân từ bên ngoài sẽ không thể và không bao giờ chiến thắng hoàn toàn được sự cảm dỗ. Ta không dạy điều này cho tất cả mọi người, nhưng với những đệ tử xuất gia như các con thì cần phải hiểu rõ như vậy.

Tôi hiểu ý sư phụ muốn nói gì. Đối với những người thế tục mà đức tin và sự hiểu biết còn hạn chế, thì việc tránh né những nguyên nhân bên ngoài là cần thiết. Nhưng đối với những ai đã muốn tìm đến chân lý giác ngộ cuối cùng thì vấn đề không còn là sự tránh né nữa. Sau này, tôi còn có nhiều dịp được sư phụ dạy thêm về vấn đề này. Ngài nói:

– Nhiều vị tôn sư xem quan hệ tình dục giữa nam nữ là tội lỗi, và truyền dạy quan niệm ấy cho tất cả mọi người. Điều đó chỉ đúng với những ai đã thọ giới xuất gia và theo đuổi cuộc sống thoát tục. Còn đối với những đệ tử tại gia, hoạt động sinh lý là một bản năng tự nhiên để duy trì nòi giống. Vấn đề ở đây là dạy cho họ biết cách chế ngự dục tình để không đắm sâu vào sự thỏa mãn dục tính. Quan niệm sai lầm như vậy có thể tạo ra một mặc cảm tội lỗi không cần thiết trong cuộc sống gia đình, và điều đó có tác dụng ngăn trở hơn là thúc đẩy việc đạt đến sự an vui. Nên dạy cho các đệ tử tại gia biết về việc bảo tồn sinh lực

bằng lối sống chung thủy và tiết dục. Điều đó thiết thực và có thể được thực hiện bởi bất cứ ai. Những người có quan điểm cứng nhắc như trên thường rất khó mở rộng lòng để hóa độ các đệ tử tại gia, vì họ nhìn những người ấy như những kẻ đã hoen ố vì tội lỗi.

Trong sinh hoạt thường ngày, sư phụ rất ít khi sai bảo hoặc nhận sự phục dịch của các đệ tử cho những vấn đề thuộc về cá nhân mình. Người chỉ đồng ý khi biết vị đệ tử ấy thật lòng muốn được làm vậy. Người tự giặt giũ lấy quần áo của mình, vốn cũng chẳng có bao nhiêu vì người ăn mặc vô cùng giản dị. Người tự dọn dẹp, sắp xếp phòng mình lúc nào cũng ngăn nắp, sạch sẽ. Và mỗi khi có việc phải đi đâu, người tự mình sắp xếp hành lý, vật dụng.

Về sự tu tập của tôi, sư phụ có vẻ rất hài lòng, vì tôi tiếp thu những lời dạy của người và tiến bộ một cách nhanh chóng. Nhưng cách sống tùy tiện, buông thả đến phóng túng – ảnh hưởng của sự nuông chiều trong gia đình từ nhỏ – của tôi không được người tán đồng. Một hôm, người bảo tôi:

– Con nên suy nghĩ nhiều hơn về cung cách sống của cha con. Mọi thứ đều có quy củ, điều độ và được sắp xếp, tổ chức thật chặt chẽ.

Tôi hiểu đó là lời giáo huấn khéo léo của người. Và từ đó cố gắng hết sức để thay đổi lối sống của chính mình.



Hi vừa đến tu viện, sư phụ giao cho tôi việc tiếp khách và điều hành, giám sát những công việc mà sư phụ muốn giao phó cho các huynh đệ khác, nghĩa là thay thế sư phụ trong việc đưa ra các mệnh lệnh, chỉ thị.

Chừng nửa tháng sau, có một thanh niên tên là *Kumar* từ miền đông tỉnh *Bengal* đến và được giao công việc ở nhà bếp. Anh ta là người nhanh nhẹn, lanh trí và không bao lâu đã được sư phụ chú ý đặc biệt. Một hôm, sư phụ gọi tôi đến và nói:

– *Mukunda*, từ nay con hãy giao lại công việc cho *Kumar*. Còn con sẽ phụ trách công việc ở nhà bếp.

Tôi thản nhiên vâng lời sư phụ, vì tôi biết quyết định của người bao giờ cũng có những dụng ý sâu xa và sáng suốt. Nhưng *Kumar* không được như thế. Anh ta cho rằng việc tiếp quản công việc của tôi là một sự “thăng tiến” đặc biệt, cho thấy sư phụ đã dành sự ưu ái cho anh ta hơn tất cả mọi người khác. Từ suy nghĩ ấy, anh ta đâm ra hách dịch và kèn kiệu với tất cả huynh đệ trong tu viện. Mọi người liên ngậm

thỏa thuận phản kháng bằng cách đến tìm tôi mỗi ngày để nhận sự chỉ bảo, điều hành của tôi, thay vì là với *Kumar*.

Anh chàng không chịu đựng nổi sự khinh thường này, liền lập tức tìm đến sư phụ và nói với giọng tức tối:

– Bạch thầy, *Mukunda* thật khó chịu. Mặc dù anh ta giao công việc cho con theo lời sư phụ, nhưng các huynh đệ khác vẫn tìm đến anh ta để xin ý kiến.

Khi ấy tôi đang quét dọn ở một phòng bên cạnh và tình cờ nghe được câu chuyện. Sư phụ trả lời *Kumar* với giọng thản nhiên:

– Vì thế nên ta mới cho nó xuống nhà bếp, còn con thì lên phòng khách. Nhưng xem ra con không làm được công việc của mình rồi. Con nên biết rằng muốn người khác vâng lời mình thì phải tự mình chứng tỏ năng lực lãnh đạo điều hành, không thể chỉ dựa vào quyền hạn quy định của chức vụ. Bây giờ hãy để *Mukunda* làm công việc ấy và con thì trở lại với nhà bếp.

Sau việc ấy, tôi mới hiểu được dụng ý của sư phụ. Người đã nhìn thấy nơi anh ta tính kiêu căng tự phụ ngay từ đầu, và tạo một điều kiện để anh ta bộc lộ ra nhằm giúp anh ta diệt trừ cái bản chất không hay đó.

Nhưng *Kumar* vẫn chứng nào tật nấy. Anh ta thường xuyên gây gổ với các huynh đệ và cư xử thô lỗ với bất cứ ai. Một hôm, anh vô cớ nổi nóng và xúc phạm tôi bằng những lời nặng nề. Tôi cố dần lòng và nói với anh ta một cách bình tĩnh:

– Nếu anh không thay đổi được tính khí như thế, chắc chắn sẽ có ngày anh phải rời khỏi tu viện này.

Kumar không đếm xỉa gì lời nói ấy mà cất lên một giọng cười ngạo nghễ. Ngay sau đó thì sư phụ bước vào. Anh ta ngay lập tức mách lại nguyên văn lời đe dọa của tôi. Tôi cúi đầu chờ đợi một lời quở trách. Nhưng sư phụ trả lời với một sự thản nhiên, lạnh lùng:

– Có thể là *Mukunda* đã có lý khi nói thế.

Và người lặng lẽ bỏ đi. Chúng tôi đều biết là sư phụ đã rõ hết mọi chuyện.

Một năm sau, *Kumar* xin phép về thăm nhà. Sư phụ không cho phép, nhưng anh ta bất chấp và cứ sắp xếp ra đi. Hơn hai tháng sau, anh trở lại tu viện với một sự thay đổi tột hại đến không ngờ. Anh ăn nói cực kỳ thô tục và xúc phạm hầu hết mọi người, thậm chí còn lén hút thuốc lá và uống rượu, là những việc hoàn toàn bị cấm chỉ trong tu viện.

Một buổi tối, sư phụ gọi tôi vào và nói:

– *Mukunda*, con hãy bảo *Kumar* rời khỏi tu viện vào sáng mai. Ta không muốn tự mình nói với nó điều đó.

Người dừng lại một lát, vẻ mặt buồn bã, trầm tư:

– Ta đã cố hết sức để cứu vớt nó nhưng không được nữa rồi. Giá như nó đừng cãi lời ta mà về thăm nhà thì vẫn còn có hy vọng. Giờ thì đã hết rồi. Những thói xấu thế tục đã nhiễm vào tâm hồn non nớt của nó đến mức không thể cứu chữa được nữa.

Việc *Kumar* bị đuổi khỏi tu viện không làm cho mọi người vui, mà chỉ thương xót vì thấy trước một tương lai u tối ảm đạm đang chờ đón anh ta. Mặc dù anh không tốt với tất cả huynh đệ chúng tôi, nhưng tấm lòng bao dung không bờ bến của sư phụ đã cảm hóa hết thấy mọi sự hiềm thù, đổ kỵ trong chúng tôi, khiến cho mọi người đều mở lòng thương xót cho sự sa đọa của anh.



Sự viếng thăm của quan khách cũng là một phần quan trọng trong sinh hoạt ở tu viện của chúng tôi. Những buổi nói chuyện của sư phụ với khách đến thăm thường cũng là những bài học giá

trị cho chúng tôi khi được nghe. Người không bao giờ tỏ vẻ nghiêm khắc, đạo mạo khi trò chuyện. Thay vì vậy, người thoải mái, tự nhiên và vui vẻ. Đôi khi người còn pha trò khéo léo để làm cho câu chuyện thêm phần sôi nổi, hào hứng. Có lần, sư phụ dạy chúng tôi:

– Người tu hành không cần phải lúc nào cũng ra vẻ khắc khổ, nghiêm nghị. Sự giải thoát xét cho cùng chính là dứt trừ tất cả phiền não, nghiệp chướng và đạt đến an vui, hạnh phúc. Không có lý gì một người trên con đường đi đến giải thoát lại từ chối mọi niềm vui tự nhiên và biến cuộc sống thành một môi trường khô khan, lạnh lẽo.

Nhiều vị học giả, các nhà trí thức, khoa học gia... đến thăm tu viện chúng tôi và ra về với sự ngạc nhiên sâu sắc. Họ vẫn tưởng sẽ gặp nơi đây một vị tu sĩ chỉ biết đến những gì xảy ra trong bốn bức tường tu viện. Nhưng rồi họ phải kinh ngạc trước những kiến thức rộng rãi bao quát của sư phụ tôi về mọi lãnh vực. Hơn thế nữa, vì ngài soi rọi mỗi vấn đề bằng vào trí tuệ giác ngộ sáng suốt và khách quan nên đôi khi còn giúp họ phát hiện ra những khía cạnh độc đáo mà sự hạn chế thông thường đã làm cho họ không nhận thấy.

Cũng không ít những kẻ kiêu ngạo, hách dịch hoặc ỷ vào quyền thế đã học được những bài học đích đáng từ nơi sư phụ.

Một hôm, có một nhà khoa học nổi tiếng đến thăm chơi và tranh luận rất lâu về sự tồn tại của một thế giới tâm linh. Ông ta nói:

– Chúng tôi chỉ chấp nhận những gì có thể được phân tích và chứng minh trong thực tế hoặc qua thí nghiệm. Một thế giới tâm linh hoàn toàn không thể có vì chẳng ai chứng minh được điều đó cả.

Thầy tôi từ tốn đáp lại rằng:

– Ông không thể nhìn vào những công thức hóa học để nhận ra là có thế giới tâm linh. Nhưng tôi có một thí nghiệm đơn giản hơn có thể giúp ông chứng minh được điều đó. Hãy theo dõi và phân tích những tư tưởng, suy nghĩ của chính ông trong 24 giờ liên tục không dừng nghỉ. Ông sẽ nhận ra được những gì mà từ trước ông chưa từng nhận ra.

Ít lâu sau, nhà khoa học ấy trở lại thăm tu viện với hàng loạt những thắc mắc về các kinh nghiệm tâm thức khác nhau, nhưng ông không còn tranh cãi về sự tồn tại của một thế giới tâm linh nữa!

Địa phương chúng tôi ở có một vị thẩm phán rất có thế lực. Ông này nổi tiếng khắc nghiệt, đã từng

làm nhiều việc tàn bạo chỉ để chúng tỏ sức mạnh và quyền lực. Vào thời ấy, với thế lực của mình, nếu muốn ông ta có thể dễ dàng trục xuất chúng tôi ra khỏi tu viện mà không cần có một lý do gì chính đáng. Một hôm ông cho người đến thông báo trước là ông muốn đến thăm tu viện. Sư phụ liền nói với người tùy phái của ông ta:

– Không cần báo trước ngày giờ. Hãy bảo ông ấy có thể đến đây bất cứ khi nào cũng được.

Dụng ý của ông thăm phán là muốn có một nghi lễ đón tiếp thật long trọng, và vì thế ông ta nghĩ là cần có sự chuẩn bị. Chính tôi cũng cho rằng điều đó là cần thiết để bảo vệ sự an toàn cho tu viện.

Nhưng sư phụ tôi không nghĩ như thế. Người thản nhiên trước mọi sự đe dọa bằng quyền lực. Người nói: “Ông ấy đến đây để thăm một tu viện, không phải văn phòng một thuộc cấp của mình. Đối với chúng ta, ông ấy là một vị khách và sẽ nhận được sự đón tiếp trân trọng giống như bao nhiêu vị khách khác.”

Và ngày viếng thăm cũng đến. Sư phụ quả thật đã tiếp ông ta bình thường như bao nhiêu người khác. Thậm chí vẻ mặt kênh kiệu của ông đã khiến ông phải ngồi trên một cái ghế gỗ, thay vì sư phụ vẫn sai tôi đi lấy ghế bành mỗi khi có các vị tôn túc đến viếng. Ông thăm phán có vẻ bất mãn và hậm hực

ra mặt. Nhưng ông vẫn không quên những điều mà ông dự định sẽ đến đây để tranh luận với thầy tôi. Hai người trao đổi một lúc lâu, và ông thẩm phán cố khoe khoang sự am hiểu của mình về các bản kinh cổ xưa. Sư phụ điềm tĩnh lắng nghe và sau đó vạch rõ từng điểm sai trái trong cách giảng luận của ông. Cuối cùng, vị thẩm phán không nhịn được nữa, ông nói lớn:

– Này đại đức, có lẽ ông nên biết điều này: Trong kỳ thi tiến sĩ triết học, tôi đã đậu thủ khoa đấy.

Sư phụ thản nhiên đáp lại:

– Này ông, dù sao thì đây cũng là một tu viện, không phải một phiên tòa, nên phán quyết của ông chưa hẳn là phán quyết sau cùng. Sự hiểu biết nông cạn của ông về các vấn đề triết lý khiến cho tôi buộc phải ngờ vực về sự học hành khoa cử. Dù sao thì những điều ấy chắc hẳn cũng không liên quan đến ý nghĩa sâu xa trong các thánh kinh. Có lẽ ông cũng nên biết điều này: Người ta không đào tạo ra được các vị thánh nhân theo từng giai đoạn như các vị tiến sĩ khoa cử.

Tính cách chặt chẽ trong lập luận của sư phụ cuối cùng đã khuất phục được vị thẩm phán kiêu ngạo, hung hăng. Lúc ra về, ông kính cẩn chào sư phụ và nói:

– Đây là lần đầu tiên trong cuộc đời tôi được tiếp xúc với một vị thẩm phán của tâm hồn.

Và một tháng sau, sư phụ nhận được một lá đơn chính thức của ông ta xin được đến học đạo tại tu viện với tư cách đệ tử tập sự. Tất nhiên là ông sử dụng ngôn ngữ đầy dẫy những danh từ pháp luật như một bệnh nghề nghiệp, nhưng thành ý của ông đã được sư phụ dễ dàng chấp nhận. Về sau, chúng tôi mới biết ông vốn là một người cứng rắn nhưng lại rất nhiệt tình trong việc học hỏi đạo lý, chỉ vì từ trước chưa từng có ai khuất phục được tính kiêu ngạo của ông!

Tính cách của sư phụ không phải lúc nào cũng cứng rắn như thế. Sống với người trong một thời gian lâu dài, chúng tôi mới hiểu rõ rằng người chỉ cứng rắn như thế vào những lúc thật sự cần thiết, và hoàn toàn không xuất phát từ sự hiếu thắng hay tự ái cá nhân.

Trong quan hệ với đệ tử, tuy người rất thâm trầm và ít khi bộc lộ tình cảm, nhưng về sau chúng tôi đều cảm nhận được tình thương yêu bao la của người. Người chăm lo đến miếng ăn, giấc ngủ, thậm chí những chuyện buồn vui trong cuộc đời của mỗi chúng tôi một cách vô cùng chu đáo.

Sư phụ chưa từng tỏ ra lệ thuộc vào tiền bạc, vật chất. Người chi tiêu gói ghém trong những khoản thu

nhập vừa phải của mình. Việc giảng dạy ở tu viện hoàn toàn miễn phí, không có bất cứ một sự đóng góp nào từ các đệ tử.

Về sau tôi mới được biết người đã từ chối rất nhiều đề nghị đóng góp tài vật từ các đệ tử của mình, mà trong số đó có rất nhiều người giàu có hoặc giữ những cương vị quan trọng trong xã hội.

Cơ ngơi đồ sộ của thân phụ để lại được chuyển sang làm tu viện đã gây bất mãn cho một số người trong gia tộc của sư phụ. Những kẻ xấu trong dòng họ cho rằng như thế là một sự bất công và mất mát đối với họ. Vì thế, họ tìm mọi cách để tranh chấp quyền sở hữu với người. Sự việc đã nhiều lần phải đưa đến tòa án.

Sư phụ có đủ những chứng từ pháp lý về sự thừa kế từ thân phụ. Người tự mình lo liệu các thủ tục tố tụng rắc rối, không lôi kéo bất cứ ai trong tu viện cùng tham gia. Người đã cương quyết không nhượng bộ trước sự tranh chấp này.

Trong thời gian tranh chấp, một hôm có viên thừa phát lại từ tòa án đến tìm người. Ông ta chuyển đạt lệnh triệu tập của tòa và nói với một giọng xác xược:

– Ông nên rời khỏi tu viện này mà đến hít thở bầu không khí lương thiện hơn của pháp đình.

Lúc ấy tôi đang đứng gần đó, không kiềm được cơn giận liền bước tới và quát vào mặt y:

– Lời hỗn láo của ông với bậc tôn sư rất đáng để tôi đập cho ông một trận.

Một đệ tử trẻ khác là *Kanai* cũng nghe thấy và nóng nảy xông đến:

– Quân xác xược! Chốn tu viện thiêng liêng này không có chỗ cho người.

Sư phụ từ tốn ngăn chúng tôi lại:

– Này các con, không được nóng giận. Ông ta chỉ làm theo bổn phận của mình mà thôi.

Viên thừa phát lại đang hốt hoảng trước phản ứng tức giận của hai tu sĩ thanh niên lực lưỡng, còn chưa hoàn hồn thì đã chuyển sang kinh ngạc trước cung cách hòa nhã của thầy tôi. Ông ta xấu hổ cúi chào và rụt rè bước lui ra khỏi cửa.



Tấm gương sáng và sự truyền dạy nhiệt tình của sư phụ đã un đúc trong tôi lòng khát khao truyền bá chánh pháp. Tôi nỗ lực học tập và công phu không dừng nghỉ, mong sao một ngày kia có thể đáp lại công ơn to lớn và sự kỳ vọng của sư phụ. Người cũng biết được sự cố gắng của tôi, nên một hôm nhân

lúc vui vẻ trò chuyện người cho tôi biết một dự báo về tương lai để nhằm khuyến khích tôi:

– *Mukunda*, trong phần đời còn lại của con sẽ có rất nhiều việc để làm. Để giáo hóa được cho rất nhiều người mê tối, con sẽ phải phát huy những ưu điểm mạnh mẽ của môn thiền định. Con sẽ lần lượt đi qua và xây dựng các trung tâm truyền bá Phật pháp ở nhiều nơi khác nhau. Trong đó có ba cơ sở chính: một trường dạy phép tọa thiền cho thanh thiếu niên ở vùng đồng bằng tỉnh *Ranchi*, một tu viện trên sườn đồi ở *Los Angeles* thuộc Hoa Kỳ, và một tu viện khác nữa cũng ở Hoa Kỳ, thuộc *California* trên bờ biển Thái Bình Dương.

Tôi không hiểu vì sao sư phụ có thể tiên đoán trước một cách chính xác như vậy. Nhưng quả thật về sau tôi đã thực hiện hoàn toàn đúng như những gì người dự đoán. Và cuộc đời tu tập cũng như truyền đạo của tôi còn phải qua bao nhiêu gian nan vất vả, trôi giạt nhiều nơi, thậm chí còn chứng kiến biết bao điều kỳ bí, linh diệu khác nữa trước khi có thể thực hiện được tốt đẹp những lời dự báo đó. Những điều ấy, tôi sẽ chỉ có thể thuật lại phần nào trong những phần tiếp theo sau nữa của tập hồi ký này.

CHƯƠNG XI

SỰ GIAO CẢM NHIỆM MẦU

Mặc dù đã trải qua cả một thời thơ ấu với những dự báo nhiệm mầu và nhiều gian nan, vất vả mới gặp được sư phụ *Śrī Yukteswar* và được theo học tại đạo viện của người, nhưng tôi vẫn không tránh khỏi được một lỗi lầm mà hầu hết những kẻ sơ cơ học đạo đều mắc phải: Không bao giờ ý thức đầy đủ được về tầm quan trọng và giá trị của vị tôn sư đang kề cận dạy đạo cho mình. Điều này cũng là một tâm lý thông thường mà người thế tục vẫn gọi là “*Đứng núi này trông núi nọ.*”

Quả thật vậy. Sau sáu tháng tu tập với thầy *Śrī Yukteswar* tại tu viện ở đường *Rai Ghat*, tôi bắt đầu thấy chán nản với những phận sự được giao hàng ngày, và nhất là với bài vở ở trường đại học mà sư phụ đã buộc tôi phải trở lại theo học. Hơn thế nữa, tự trong tiềm thức xa xôi của mình, tôi vẫn chưa quên được giấc mơ học đạo trên dãy Hy Mã Lạp Sơn đầy thánh tích. Một hôm, không kiềm chế được tâm trạng âm ỉ của mình, tôi thưa với sư phụ:

– Bạch sư phụ, xin sư phụ cho phép con lên Hy Mã Lạp Sơn để tu tập một thời gian. Con hy vọng cảnh núi rừng hoang vu cô tịch trên ấy sẽ giúp con thuận tiện hơn trong việc điều phục tâm ý.

Sư phụ nhìn tôi với ánh mắt cảm thông sâu xa mà phải rất lâu về sau tôi mới hiểu được. Người đã hiểu thấu tâm trạng tôi lúc ấy và biết rằng những kinh nghiệm tâm linh của riêng người không giúp được gì cho tôi trong lúc ngọn lửa bốc đồng của tuổi trẻ vẫn còn đang rực cháy. Sư phụ nói với tôi bằng giọng điềm tĩnh pha chút nghiêm nghị:

– Này con, chốn rừng núi hoang vu ấy không phải chỉ toàn những người chứng đạo không đầu. Còn có những mối hiểm nguy từ thú dữ, những thổ dân hoang dã và đường đi gian lao hiểm trở. Hơn thế nữa, sự rét buốt quanh năm trên đó không phải là dễ chịu cho bất cứ ai. Làm sao con có thể không học đạo với một con người mà mong rằng sẽ đạt được giải thoát trong những động đá hoang vu vô tri giác?

Thật là một sự ngu mê mà suốt quãng đời về sau tôi không sao có thể tự tha thứ cho mình được. Câu trả lời của sư phụ như ngọn đuốc sáng rỡ soi thấu sự vô lý trong ý muốn bốc đồng của tôi, nhưng tôi như người lóa mắt không sao thấy ra được những điều người muốn nói. Vì thế, không bao lâu sau, tôi lập

lại yêu cầu trên một lần nữa với người. Lần này, sư phụ chỉ im lặng nhìn tôi không nói gì. Trong sự u mê của mình lúc ấy, tôi cho rằng đó là dấu hiệu đồng ý của người.

Khi trở về nhà ở *Calcutta*, tôi dành trọn buổi tối để tức thời chuẩn bị cho việc lên đường. Nhìn gói hành lý được chuẩn bị xong, tôi bỗng đứng nhớ lại gói hành lý năm xưa trong chuyến đi không thành lên Hy Mã Lạp Sơn. Tôi tự hỏi không biết lần này có lại thất bại nữa hay chẳng? Thật ra, trong chuyến đi lần trước, tôi chỉ lo sợ vì gia đình không cho phép sự ra đi của tôi; còn chuyến đi lần này tôi không có gì để lo sợ, mà chỉ cảm thấy một sự buồn bực kỳ lạ khi nghĩ đến việc sẽ không còn được gặp gỡ sư phụ *Śrī Yukteswar* hằng ngày nữa.

Tôi tự vạch ra cho mình một kế hoạch hành trình để đi lên Hy Mã Lạp Sơn. Nhưng trước tiên, tôi còn có một việc khác phải làm. Tôi tìm đến vị giáo sư dạy Phạn ngữ ở trường đại học của tôi, ông *Behari*, để hỏi xin địa chỉ của một người mà tôi cho là mình cần phải gặp trước khi lên đường. Tôi nói với giáo sư:

– Thưa ông, ông có nói với tôi về một vị cao đồ của đức *Lahiri Mahāsaya*. Ông có thể cho tôi địa chỉ của người ấy được chẳng?

– Chắc anh muốn nói đến *Ram Gopal Muzumdar*? Tôi vẫn gọi ông ta là vị tu sĩ không ngủ, vì từ khi

quen biết ông ta tôi chưa từng thấy ông ta ngã lưng nằm ngủ bao giờ. Ông luôn luôn sống trong tâm trạng tỉnh thức của thiền định. Đây là địa chỉ của ông ta ở *Ranbajpur*, gần *Tarakeswa*.

Tôi cảm ơn giáo sư và lập tức sắp xếp đi *Tarakeswa* bằng xe lửa. Những hiểu biết của tôi về vị tu sĩ không ngủ này còn rất sơ sài. Tôi chỉ nghe nói là người đã đạt đến một sự chứng ngộ sau nhiều năm tu tập thiền định trong một động đá hoang vu cô tịch. Tôi hy vọng người sẽ truyền đạt cho tôi được ít nhiều những kinh nghiệm thực tế mà tôi có thể áp dụng được trong những ngày tu tập sắp tới trên dãy Hy Mã Lạp Sơn hoang vu kỳ bí.

Tại *Tarakeswa* có một ngôi đền rất lớn được hầu hết người Ấn Độ sùng kính và thường xuyên tìm đến lễ bái rất đông đúc. Một trong những điểm đặc biệt nhất của ngôi đền thiêng này là việc cứu thoát nhiều căn bệnh hiểm nghèo cho những ai thành tâm đến đây cầu nguyện. Một bà cô của tôi đã may mắn được là một người trong số đó. Hơn thế nữa, trường hợp của bà còn đặc biệt hơn những người khác ở điểm là không phải bản thân bà có bệnh. Bà đã đến đây cầu nguyện cho người chồng trong hơn một tuần lễ với sự chí thành. Vào đêm thứ bảy, bà ngủ thiếp đi một lát trước điện thờ vì quá mệt mỏi. Khi giật mình tỉnh lại, bà nhìn thấy một nhánh lá tươi ngay trước

mặt mình. Vui mừng, bà mang nhành lá ấy về sắc nước cho chồng uống, và căn bệnh kinh niên của ông ta đã hoàn toàn biến mất ngay sau đó một cách thật khó tin.

Tôi đã nghe quá nhiều về ngôi đền đến nỗi không thể không đến viếng khi tôi vừa đặt chân đến *Tarakeswar*. Nhưng khi đến nơi, cách bài trí của ngôi đền đã làm cho tôi không khỏi ngạc nhiên khi vừa bước vào.

Điện thờ hoàn toàn hết sức đơn giản. Chỉ có một khoảng sân rộng mênh mông dành cho khách hành hương đến lễ bái. Và đối tượng lễ bái là một... tảng đá.

Vâng, chỉ là một tảng đá tròn đặt trên bệ thờ cao, tượng trưng cho mọi sức mạnh thiêng liêng trong vũ trụ với hình tượng không có điểm khởi đầu và điểm kết thúc.

Trong lòng tôi lúc ấy, tôi cho rằng người ta chỉ nên lễ bái những biểu tượng của giải thoát. Một tảng đá vô tri giác không phải là trí tuệ giải thoát mà tôi đang tìm kiếm. Vì thế, tôi chỉ đứng nhìn với vẻ ngạo mạn mà không chịu quỳ xuống lễ bái như bao nhiêu người khác. Một vài người trong số khách hành hương nhìn tôi với ánh mắt ngạc nhiên dò hỏi, nhưng tôi chỉ phớt lờ đi và lặng lẽ quay ra.

Ra khỏi đền thờ, tôi dò hỏi vài người khách đi đường và biết được đường đến ngôi làng *Ranbajpur*, một làng nhỏ mà người ta bảo tôi là cách đó cũng không xa lắm.

Không bao lâu tôi đến một ngã tư đường và dừng lại băn khoăn vì không biết phải đi thẳng hay rẽ theo lối nào. Tôi liền hỏi thăm một người có vẻ là dân địa phương lúc đó cũng vừa đi đến. Ông ta nghe tôi nói tên vị tu sĩ và tỏ ra rất quen thuộc. Ông ngắm nghĩ một chút như để tìm cách diễn đạt sao cho tôi dễ hiểu, rồi quay về phía ngã tư đường, ông đưa tay chỉ:

– Theo con đường rẽ sang tay phải, ông chỉ việc đi thẳng và sẽ đến nơi mà không cần hỏi thăm ai khác đâu.

Tôi cảm ơn sự nhiệt tình của ông ta và rảo bước đi nhanh vì nôn nóng muốn sớm gặp được người mình tìm kiếm. Một lát sau, tôi gặp một con kênh đào và con đường bắt đầu chạy dọc theo bờ kênh. Thật đáng ngạc nhiên khi tôi vẫn đi mãi, đi mãi cho đến khi trời đã tối mà chưa đến được nơi nào cả. Không có vẻ gì là tôi đang đi đến làng *Ranbajpur* như lời chỉ dẫn của những người trong thành phố, bởi vì họ đã nói với tôi là ngôi làng không xa lắm.

Trời tối hẳn và cảnh vật trở nên hoang vu kỳ lạ. Chỉ khi ấy tôi mới nhìn thấy được ở xa tít về phía

trước những đốm lửa nhỏ lơ mờ cho thấy có vẻ như là có một ngôi làng ở đó. Tôi ước chừng cũng phải mất khoảng một giờ nữa mới đến được nơi ấy, vì những đốm lửa trông không rõ lắm, chắc phải là rất xa.

Tôi cảm thấy mỗi mệt và thất vọng rã rời, vì đến lúc này thì tôi biết chắc là mình đã đi nhầm đường. Giáo sư *Behari* cũng đã nói với tôi rằng làng *Ranbajpur* nằm rất gần *Tarakeswar*. Như vậy, ngôi làng mà tôi nhìn thấy kia may ra cũng chỉ là một chỗ nghỉ chân, còn hy vọng gặp gỡ vị tu sĩ *Ram Gopal Muzumdar* trong hôm nay xem như đã hoàn toàn tan biến.

Tôi lần bước trong đêm tối được thêm một quãng xa nữa thì nghe có tiếng khua động. Một nông dân dắt bò từ dưới ruộng vừa bước lên đường. Chắc hẳn ông ta phải là người ở trong ngôi làng phía trước kia. Tôi hồi hả đến gần và hỏi thăm ông ta về tu sĩ *Ram Gopal*. Ông này suy nghĩ một lát và nói:

– Không có ai mang tên đó ở làng chúng tôi cả.

Ông ta có vẻ nghi ngờ vì không hiểu được tôi là ai. Tôi liền giải thích cho ông hiểu mục đích chuyến đi của tôi... Ông ta nói:

– Đúng là ông đã đi nhầm đường. Làng *Ranbajpur* nằm cách đây rất xa. Khi ở chỗ ngã tư bên ngoài

Tarakeswar, lẽ ra ông phải đi về bên trái thay vì bên phải.

May mắn thay, ông là một người rất tốt bụng. Ông đưa tôi về nhà và dọn chỗ cho tôi nghỉ đêm lại sau khi đã chiêu đãi một bữa tối thịnh soạn với cà-ri, súp đậu, khoai tây và chuối. Tôi ăn rất ngon vì quá đói.

Tuy nhiên, cho dù rất mệt mỏi tôi vẫn không sao chớp mắt ngủ được trong đêm đó. Thái độ của người chỉ đường cho tôi ban chiều làm tôi vô cùng khó hiểu, vì ông ta có vẻ biết rõ về tu sĩ *Ram Gopal* và ngôi làng mà tôi muốn đến. Như vậy, vì sao ông cố tình chỉ cho tôi đi sai đường? Hơn thế nữa, tôi vẫn chưa gặp được vị tu sĩ, người đã thôi thúc tôi vượt đường xa đến tận nơi này.

Trong cơn mê tưởng chập chờn vì quá mỏi mệt, tôi lại nhớ đến tảng đá tròn trong ngôi đền và có cảm giác như mình đã sai trái khi tỏ thái độ ngạo mạn trước một biểu tượng thiêng liêng mà rất nhiều người đang lễ bái... Tất cả những suy nghĩ và hình ảnh đó cứ chập chờn mãi trong đầu tôi khiến cho tôi không sao thiếp ngủ đi được... cho đến khi trời sáng rõ.

Sáng hôm sau, tôi trở ngược lại theo con đường cũ để tìm đến làng *Ranbajpur*. Tôi đã gặp và hỏi thăm ít nhất là 5 người trên đường đi. Người nào

cũng nói với tôi là còn chừng 2 dặm nữa sẽ đến làng *Ranbajpur*. Nhưng tôi đi đã 6 tiếng đồng hồ mà vẫn chỉ thấy toàn là đồng trống hai bên đường, không có dấu hiệu gì của làng mạc. Mặt trời nóng gắt và bầu trời trong xanh không một chút mây làm cho tôi thấy choáng nắng. Tôi tự nghĩ có lẽ không sao đủ sức để tiếp tục bước đi, nhưng cũng không nhìn thấy bóng mát nào gần đó khả dĩ có thể tạm dừng chân nghỉ ngơi trong chốc lát.

Ngay lúc đó, tôi nhìn thấy một tu sĩ từ phía trước đi ngược về phía tôi. Mặc dù con đường trống trơn, nhưng trước đó mấy phút tôi không hề nhìn thấy ông ta, nên tôi có cảm tưởng như ông ta đã đột ngột hiện ra không từ đâu cả!

Vị tu sĩ có vóc người nhỏ bé và thậm chí là hơi gầy ốm, nhưng đôi mắt sáng rỡ và linh hoạt. Trong đôi mắt ấy tôi nhìn thấy những tia sáng chiếu ra khi người nhìn vào tôi, còn sáng rực hơn cả ánh sáng mặt trời đang lúc giữa trưa này. Ông dừng lại trước mặt tôi, mỉm cười hiền hòa và nói:

– Lẽ ra tôi đã rời *Ranbajpur*, nhưng vì em tìm tôi với một ý tốt nên tôi còn ở lại để chờ em.

Tôi đi từ ngạc nhiên này đến ngạc nhiên khác khi vị tu sĩ lại tiếp tục nói mà không chờ tôi nói ra điều gì:

– Em thật ngây thơ khi nghĩ rằng có thể đến gặp tôi mà không được sự cho phép trước. Hơn nữa, lẽ ra giáo sư *Behari* không nên cho em địa chỉ của tôi.

Tôi cảm thấy việc tự giới thiệu mình là không cần thiết nữa, và càng không cần thiết phải hỏi xem tu sĩ này là ai, bởi những lời của ông đã nói lên quá rõ điều đó. Tuy hết sức ngạc nhiên nhưng tôi hơi khó chịu, có cảm giác như bị xúc phạm vì những lời nói thẳng của người.

Tu sĩ *Ram Gopal* – vâng, chính là ông ta – dường như không quan tâm mấy đến những cảm xúc của tôi lúc ấy. Ông tiếp tục nói những gì ông muốn nói, càng làm cho tôi thêm ngạc nhiên hơn nữa:

– Bây em, hãy nói cho tôi biết em nghĩ là có thể tìm thấy Phật ở những nơi nào?

Tôi đáp, hoàn toàn là theo lời dạy của thầy tôi:

– Trong tâm tôi, trong tâm ngài và cũng ở khắp mọi nơi.

Tu sĩ cười vẻ mỉa mai:

– Thế tại sao hôm qua em đã từ chối không lễ bái tảng đá trong đền thiêng? Phải chăng vì tảng đá ấy không có hình dáng đức Phật?

Tôi lặng thinh và chợt nhận ra sự sai lầm của mình. Vị tu sĩ nói tiếp:

– Đức tin chân thật không cần thiết phải được

biểu lộ qua bất cứ hình thể nào, và vì thế mà nó cũng có thể được biểu lộ qua mọi hình thể. Nếu em đã biết rằng đức Phật hiện hữu ở khắp mọi nơi, thì không có lý do gì để em từ chối bỏ lỡ đi một cơ hội lễ bái ngài thông qua hình thể tảng đá. Nên biết rằng, thậm chí em còn có thể lễ lạy hư không mà không cần có một hình thể nào biểu lộ. Sự kiêu mạn của em, coi thường đức tin của bao nhiêu người khác là một lỗi lầm không thể tha thứ nếu không có sự chân thành hối cải.

Tôi thấy mình không còn gì để biện bạch thêm nữa ngoài việc nhận lỗi. Tu sĩ *Ram Gopal* thân mật nắm lấy tay tôi dắt đi theo hướng ngược lại trên con đường. Một luồng hơi ấm từ cơ thể người như truyền qua cơ thể tôi. Mặc dù giữa trời trưa nóng bức, tôi chợt thấy vô cùng khoan khoái và mọi sự mệt nhọc bỗng chốc tiêu tan không còn nữa.

Vừa bước đi theo người được vài bước, tôi bỗng thấy kinh ngạc đến sững người lại không sao bước đi được nữa. Trước mắt tôi là một ngôi làng nhỏ nằm bên đường với những túp nhà tranh xinh xắn, người và súc vật đi lại đông đúc trên những con đường mòn chạy ngang dọc qua lại trong làng. Chỉ mới lúc nãy thôi, tôi đã đi ngang qua đây mà chỉ thấy toàn là đồng trống!

Tu sĩ *Ram Gopal* có vẻ như rất dễ dàng biết được những ý nghĩ của tôi. Ông nói:

– Từ sáng đến giờ em đã qua lại ngôi làng này đến 5 lần rồi, và tôi cho như thế là quá đủ để dẹp bỏ lòng kiêu mạn của em.

Rồi ông ta dắt tôi đi vào làng, vừa đi vừa nói tiếp:

– Trên con đường học đạo, có thể em phải tìm kiếm cho ra bậc minh sư đầy trí tuệ để nương theo cầu đạo giải thoát. Nhưng một khi đã được chứng ngộ, em sẽ nhìn thấy đạo giải thoát hiển hiện ở khắp cả mọi nơi. Dù em có tìm đến thánh tích *Lam-tỳ-ni*¹ hay một tảng đá ở ngôi đền tại *Tarakaswar*, lẽ ra em cũng đều phải chiêm bái với lòng thành kính như nhau.

Giọng nói của vị tu sĩ không còn vẻ trách cứ nữa mà như một lời giải thích ôn tồn, thân mật. Đến đây, ông lại vỗ vai tôi và nói tiếp:

– Nay người bạn nhỏ, em đã sai lầm khi muốn bỏ thầy ra đi tìm đến những động đá hoang vu. Thầy của em là một bậc minh sư đã giác ngộ. Em không thể tìm đâu ra một người như thế nếu em bỏ đi lên Hy Mã Lạp Sơn. Hơn thế nữa, những động đá vô tri

¹ Lumbinī (vườn Lam-tỳ-ni): thánh tích nơi đức Phật Thích-ca đản sanh, về sau vua A-dục có dựng trụ đá để ghi nhớ nơi đó, đến nay trụ đá này đã được tìm thấy.

giác không phải là điều kiện bắt buộc phải có cho sự chứng ngộ của bản thân em.

Và kỳ lạ thay, *Ram Gopal* lặp lại một cách chính xác điều mà thầy tôi đã từng nói với tôi trước đây:

– Các vị minh sư chứng ngộ không đòi hỏi phải cư trú cố định ở đâu cả, cho dù đó là dãy Hy Mã Lạp Sơn hay bất cứ một nơi nào khác.

Rồi để giải thích rõ hơn, vị tu sĩ nói tiếp:

– Dù là Ấn Độ hay Tây Tạng, sự xuất hiện của các bậc thánh nhân giác ngộ qua nhiều thế hệ cũng không hề có nghĩa là chỉ những nơi ấy mới có được các bậc minh sư chứng ngộ. Con người ở khắp mọi nơi đều mang trong tâm mình hạt giống giải thoát, chỉ cần biết tự tìm lại chính mình thì chúng ta sẽ nhận ra là không cần phải phí công đi đến bất cứ đâu. Trong lịch sử đã có không ít những trường hợp người cầu đạo đi đến cùng trời cuối đất để rồi một ngày kia chợt nhận ra vị minh sư là người luôn ở sát bên cạnh mình.

Lúc này, tôi lặng lẽ tán đồng những lời nói của *Ram Gopal*, và bất chợt nhớ lại sự gặp gỡ kỳ diệu giữa tôi với sư phụ *Śrī Yuktaswar* ngày trước. Quả thật có biết bao nhiêu điều người ta không sao có thể hiểu được hết với trí óc tầm thường của mình.

Ram Gopal bất chợt quay lại nhìn thẳng vào mắt tôi và hỏi một cách thật nghiêm nghị:

– Em có được một căn phòng riêng chỉ mình em sử dụng chứ?

– Vâng, tôi có.

Ram Gopal nhòen miệng cười và nói chậm rãi, dần từng tiếng một:

– Đó chính là động đá của em, không cần phải tìm động đá nào khác trên Hy Mã Lạp Sơn.

Rồi ông thong thả nói tiếp:

– Chỉ cần em tu tập đúng hướng, đó sẽ là nơi em chứng ngộ, đạt được giải thoát. Còn nếu em mãi nuôi ảo tưởng như hôm nay, cho dù em có ngồi giữa tuyết lạnh trên Hy Mã Lạp Sơn cho đến muôn đời cũng sẽ chẳng ích lợi gì.

Những lời giản dị mà dứt khoát của vị tu sĩ như chợt làm cho tôi bừng tỉnh. Giác mộng lên núi tuyết mà tôi ôm ấp từ thuở bé đến nay tan nhanh đi cũng như băng tuyết dưới ánh mặt trời.

Tu sĩ *Ram Gopal* chỉ tay vào một mái nhà tranh ở phía trước và ra hiệu cho tôi là đã đến nơi. Vừa nắm tay tôi dẫn vào nhà, người vừa nói tiếp:

– Nay bạn nhỏ, tấm lòng cầu đạo của em rất mạnh mẽ và có phần nào rất giống với chính ta ngày trước. Ta rất mến em.

Chúng tôi cùng ngồi dưới một mái hiên thoáng mát để dùng nước. Ông mang cho tôi một ly nước chanh, còn ông dùng nước lọc. Sau một lúc chuyện trò, ông để tôi ngồi ở mái hiên, còn ông sang một góc nhỏ bên chái nhà để ngồi thiền.

Trong đầu chất nặng những ý tưởng mới vừa tiếp nhận từ vị tu sĩ này, tôi cũng tự mình ngồi yên nhập vào thiền quán để chiêm nghiệm. Trong suốt bốn giờ đồng hồ sau đó, chúng tôi không còn ai để ý đến ai nữa cả.

Khi tôi ra khỏi cơn thiền định, ánh trăng chiếu sáng rõ vì mặt trời đã lặn mất từ lâu. Khí lạnh ban đêm làm tôi dễ chịu, nhưng cảm giác mạnh mẽ hơn của tôi khi trở về với cuộc sống vật chất này là cơn đói cồn cào. Tôi đã không ăn uống gì suốt ngày hôm đó trừ một ly nước chanh ban chiều, với vị chua càng làm cho bao tử tôi thêm khó chịu hơn nữa.

Dưới ánh trăng, tôi nhìn sang và thấy *Ram Gopal* vẫn còn ngồi bất động. Tuy nhiên, tôi không phải sốt ruột chờ lâu. Chỉ trong phút chốc ông đã vươn vai đứng dậy và đi về phía tôi.

– Ta biết em đang đói. Chúng ta sẽ cùng dùng cơm trong chốc lát nữa thôi.

Ông loay hoay nhóm lửa lên trong một cái bếp lò bằng đất nung. Tôi tự nghĩ không biết phải chờ đợi

bao lâu trong cơn đói sốt ruột này, khi mà giờ ông mới bắt đầu nhóm lửa thổi cơm.

Nhưng thật kinh ngạc biết bao khi ngay cả ý nghĩ lo lắng đó của tôi còn chưa kết thúc thì *Ram Gopal* đã từ phía bếp lò đi lại với một mâm cơm thơm tất. Tôi nhìn thấy có cơm và súp đậu nấu với một vài món ăn khác. Tôi tự hỏi không biết ông đã làm sao để nấu xong được chùng ấy thức ăn trong một khoảnh khắc mà tôi còn chưa kịp nghĩ đến.

Đặt mâm cơm xuống trước mặt tôi, ông nói:

– Ta biết em có một đức tin khá vững vàng, nhưng có lẽ còn lâu lắm em mới chấp nhận được rằng thế giới vật chất này chẳng có một định luật nào có thể chi phối được những bậc giác ngộ.

Tôi hiểu được hàm ý trong lời nói của tu sĩ, vì người hăn đã dễ dàng nhận ra vẻ mặt kinh ngạc của tôi. Chúng tôi cùng ăn cơm trong im lặng. Bữa ăn rất ngon và tràn đầy ân phước mà mãi mãi về sau tôi không sao quên được.

Đêm hôm đó, tôi ngủ trên một tấm nệm cũ trải trên sàn nhà vì căn nhà nhỏ không có giường. Chủ nhân của nó không hề có nhu cầu sử dụng đến thứ tiện nghi này. Tôi hiểu điều đó vì suốt đêm *Ram Gopal* ngồi trên chiếc tọa cụ bằng rơm của ông, không hề ngã lưng nằm nghỉ một chút nào.

Sáng hôm sau, tôi kính cẩn thưa với tu sĩ *Ram Gopal* những lời này:

– Bạch thầy, những kinh nghiệm tâm linh của thầy quả thật là vô giá đối với con. Xin thầy mở lòng từ bi truyền dạy cho con phép thiền định mà thầy đã thực chứng.

Ram Gopal nhìn tôi với ánh mắt hiền từ đầy cảm thông:

– Ta hiểu lòng của con, và ta cũng sẽ rất lấy làm sung sướng thu nhận được một người đệ tử như con. Nhưng điều đó không cần thiết nữa, bởi vì con đã có một vị tôn sư còn cao cả hơn ta rất nhiều.

Dừng một chút như để tôi kịp hiểu hết những lời đã nói ra, rồi vị tu sĩ mới nói tiếp:

– Vấn đề là sự chuẩn bị tự thân của chính con để tiếp nhận những tri thức được truyền trao từ một bậc thầy đã chứng ngộ. Điều đó có thể thấy rõ qua sự thay đổi tâm trạng của con từ khi mới gặp ta cho đến lúc này. Nếu con không sẵn sàng tiếp nhận, không một bậc tôn sư nào có thể giúp con đạt đạo cả.

Trầm ngâm trong giây lát, vị tu sĩ nói tiếp:

– Có một điều mà ta không thể không thú nhận với con là chính ta vẫn còn đang miệt mài trên đường cầu đạo. Những gì ta đạt được chưa phải là đã đủ, và chưa mang lại cho ta sự giải thoát hoàn toàn.

– Bạch thầy, nhưng con nghe nói thầy đã trải qua nhiều năm công phu tu tập.

– Đúng vậy, nhưng điều đó không có nghĩa là ta đã chứng ngộ hoàn toàn. Mặc dù những kết quả ta đã đạt được là không thể phủ nhận, nhưng con đường sắp tới cũng vẫn còn đầy gian nan vất vả.

Dừng một chút như để nhớ lại quá khứ, rồi người cất giọng đều đều kể lại:

– Ta đã trải qua 20 năm tu tập thiền định đầu tiên trong một hang đá cô tịch, mỗi ngày trung bình là 18 giờ đồng hồ. Sau đó, ta tìm đến một động đá xa xôi hẻo lánh hơn nữa để chuyên tâm tu tập trong 25 năm tiếp theo, mỗi ngày khoảng 20 giờ đồng hồ trong thiền định. Sau giai đoạn này, ta không cần phải ngủ như người thường, vì ta tìm được sự nghỉ ngơi cho tinh thần và thể xác ngay trong khi thiền định tỉnh giác. Hơn thế nữa, ta đã khám phá ra rằng giấc ngủ hoàn toàn không còn có lợi cho những kinh nghiệm tâm linh của ta. Trong giấc ngủ, một số bộ phận cơ thể quả thật có được nghỉ ngơi, nhưng còn nhiều bộ phận khác vẫn phải hoạt động bình thường. Đôi khi, bộ óc còn phải làm việc căng thẳng hơn cả bình thường nếu còn ôm ấp một suy tư nào đó vào giấc ngủ. Ngược lại, trong trạng thái nhập định và đạt đến sự buông xả hoàn toàn, cơ thể ta thật sự

được nghỉ ngơi trong sự tỉnh thức. Ta rõ biết mọi việc diễn ra trong nội tâm cũng như bên ngoài ngoài cảnh, nhưng lại hoàn toàn buông xả không vướng mắc bất cứ sự việc gì. Trong trạng thái đó, người ta không bao giờ mệt mỏi mà ngược lại còn có thể hồi sức rất nhanh nếu như trước đó đã phải làm điều gì mệt nhọc. Ta đã trải qua nhiều năm như vậy rồi, vì thế những người quen biết ta đều gọi ta là “vị tu sĩ không ngủ”.

Tôi rất ngạc nhiên khi nghe được những lời này. Không giấu được sự hoang mang, tôi buột miệng hỏi ngay:

– Bạch thầy, công phu tu tập của thầy như vậy, dù suốt đời cũng chưa chắc ai theo kịp. Như vậy mà thầy còn chưa đạt đến sự chứng ngộ hoàn toàn, vậy thì những kẻ mới nhập đạo như con đây làm sao dám có chút hy vọng gì?

Ram Gopal nhìn tôi, bật cười hồn nhiên như trẻ con:

– Con thật đại dột. Vậy ra con tưởng rằng có thể đạt đến sự chứng ngộ hoàn toàn sau bốn hoặc năm mươi năm công phu tu tập hay sao? Tuy nhiên, con cũng đừng vội thất vọng. Chính ngay khi con bắt đầu công phu tu tập đúng hướng, là lúc con đã bắt đầu cảm nhận được sự giảm nhẹ những khổ đau và tiến dần đến một đời sống thanh thoát không hệ lụy.

Hiểu được điều đó, con mới có thể vững bước trên đường tu tập mà không chán nản, thất vọng, nhưng đồng thời cũng không còn nuôi ảo tưởng sẽ đạt được chánh đạo chỉ bằng vào sự cố công trong một thời gian hạn hẹp của cuộc đời này.

Đến đây thì tôi đã hiểu ra được những điều tu sĩ muốn truyền đạt. Tuy rất ngạc nhiên, nhưng tôi cũng nhận ra là những điều này đã xóa tan rất nhiều ý tưởng ngờ vực trong tôi từ lâu nay. Chúng tôi tiếp tục câu chuyện trao đổi mà bản thân tôi phải thừa nhận là càng lúc càng thấy lý thú hơn. *Ram Gopal* kể cho tôi nghe về dịp gặp gỡ của người với đức *Babāji*, sư phụ của thầy *Lahiri Mahāsayā*. Tôi vui mừng mà ghi nhận những mẩu chuyện kể của người như những kinh nghiệm tâm linh vô giá mà tôi rất cần đến trên đường học đạo.

Tôi quyết định lưu lại *Ranbajpur* thêm một đêm nữa với vị tu sĩ không ngủ này. Và trong suốt đêm thứ hai dưới mái nhà tranh kỳ lạ này, chính tôi cũng không hề ngả lưng nằm ngủ chút nào. Tôi tập trung tinh thần ngồi thiền quán suốt đêm như *Ram Gopal*. Điều kỳ lạ là đến khoảng nửa đêm thì tôi có cảm giác như đêm tối không còn hoang vắng nữa. Tôi cảm nhận rất rõ ràng một mối quan hệ giữa tôi với vị tu sĩ đang ngồi bên kia bức vách đất, như thể chúng tôi chỉ là một cơ thể thống nhất với nhau. Tôi thấy tâm

hồn mình vô cùng sáng khoái và cảm nhận những luồng ánh sáng diệu kỳ tỏa ra từ thân thể của vị tu sĩ như những hào quang của chính mình. Hơn thế nữa, đến khoảng gần sáng thì tôi cảm nhận được cả thầy tôi, đức tôn sư *Śrī Yukteswar* đang ngồi thiền ở cách tôi hàng trăm cây số tại tu viện của người. Tôi như đọc được ý tưởng của người trong im lặng: “Này con yêu dấu, ta không trách mắng con vì sự đại dột của con khi đã cãi lời ta. Đó là việc vẫn thường xảy ra cho những kẻ sơ cơ học đạo. Ta sẽ dắt dẫn con tiếp tục con đường mà chúng ta đã hứa hẹn với nhau từ muôn kiếp trước là sẽ cùng nhau dần bước.”

Sáng hôm sau, trước khi từ biệt tôi kể lại những điều đã cảm nhận trong đêm qua cho *Ram Gopal* nghe. Vị tu sĩ cười và nói:

– Ta hy vọng là con hài lòng về món quà ấy của ta và sẽ không thấy hối tiếc vì đã phải vất vả tìm đến đây. Con hãy vững tin đi, một ngày kia rồi con sẽ có thể tùy ý đạt đến những kinh nghiệm tâm linh như thế mà không cần đến sự giúp sức của ta như đêm qua.

Khi ấy tôi mới hiểu ra được chuyện gì đã xảy ra. Thì ra chính nhờ sự trợ lực của vị tu sĩ không ngủ này mà tôi đã bất ngờ đạt đến một kinh nghiệm tâm linh mà lẽ ra phải nhiều năm sau tôi mới có thể tự mình đạt đến. Tôi thầm cảm ơn người vì điều đó làm

củng cố rất nhiều niềm tin trong tôi. Tôi thành kính quỳ xuống hôn hai bàn chân của ngài để tỏ lòng tôn kính và quỳ lạy trước khi chia tay, và người cũng dùng tay xoa đầu tôi như một cử chỉ yêu thương, khuyến khích mà các vị tôn sư thường ban cho đệ tử khi hài lòng với sự tu tập của họ.

Sau khi chia tay với vị tu sĩ không ngủ, tôi đi bộ băng đường rừng để trở lại *Tarakeswar* chỉ trong chưa đầy hai giờ đồng hồ. Vừa vào đến thành phố, tôi quay trở lại ngôi đền thiêng và thành kính lễ bái như một lời sám hối. Tôi cảm thấy không phải mình đang quỳ lạy một tảng đá nữa, mà như có cả mười phương chư Phật đang chứng giám cho tấm lòng thành kính hối lỗi của tôi.

Khoảng một giờ sau, tôi đã hân hoan ngồi trên xe lửa trở về *Calcutta*. Nhiệt tình cầu đạo của tôi giờ đây không hướng đến Hy Mã Lạp Sơn xa xôi hoang vắng nữa, mà lại hướng về dưới chân sư phụ *Śrī Yukteswar*, bậc tôn sư mà giờ đây tôi đã hiểu là có sự gắn bó với tôi bằng tiền duyên từ bao đời trước.